BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

HỒ CHÍ MINH - TIỂU SỬ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2008

CHỦ BIÊN

TS. CHU ĐỨC TÍNH

NHÓM BIÊN SOẠN

VŨ THỊ NHỊ
PHẠM THỊ LAI
LÊ THỊ LIÊN
ThS. VĂN THỊ THANH MAI
NGUYỄN TƯỜNG VÂN
NGUYỄN THANH NGA
PHẠM THU HÀ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là kết tinh trí tuệ, bản lĩnh và khí phách Việt Nam được nâng cao tầm vóc trong thời đại mới. Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước anh linh Người đã đánh giá: "Hơn 60 năm qua từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ".

Người đã có công lao to lớn sáng lập và rèn luyện Đảng ta, sáng lập ra Nhà nước ta, ra Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang. Với những đóng góp vượt thời đại của Người cho dân tộc và cho nhân loại, UNESCO đã tôn vinh Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất với nhận định: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là

kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

Ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 23-CT/TW *Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh.* Tiếp đó, ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW *Về tổ chức cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*.

Cuốn sách ***Hồ Chí Minh - Tiểu sử*** do tập thể cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh biên soạn, TS. Chu Đức Tính - Giám đốc Bảo tàng làm chủ biên, ra mắt bạn đọc đúng dịp kỷ niệm 118 năm ngày sinh của Bác là việc làm có ý nghĩa, thiết thực phục vụ cho cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác trong toàn Đảng, toàn dân tộc ta.

Kế thừa một số cuốn tiểu sử viết về Bác trước đây, bằng những tư liệu chân thực, cuốn sách trình bày một cách vắn tắt nhưng tương đối đầy đủ và có hệ thống về cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rất thích hợp cho bạn đọc rộng rãi.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 01 năm 2009

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI GIỚI THIỆU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với lịch sử vẻ vang của cách mạng Việt Nam.

Bằng thiên tài trí tuệ và bản lĩnh cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công hệ quan điểm cách mạng toàn diện, hệ thống và sáng tạo để truyền bá vào Việt Nam, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về tinh thần đoàn kết chiến đấu, về đạo đức cách mạng: Trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng.

Sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là tài sản tinh thần vô giá của các thế hệ người Việt Nam, luôn tỏa sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước trên con đường đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Qua thực tế hoạt động, chúng tôi thấy cần có một cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh ngắn gọn để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp, tư tưởng đạo đức của Người cho đông đảo bạn đọc và khách đến thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Cuốn ***Hồ Chí Minh - Tiểu sử*** do Bảo tàng Hồ Chí Minh biên soạn lần này dựa trên cơ sở các cuốn tiểu sử đã được xuất bản: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp*, in lần thứ 7, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987; *Hồ Chí Minh tiểu sử* - Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006; Hồ Chí Minh*: Toàn tập*, 12 tập, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, 10 tập và một số sách, tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh. Nhân dịp này, chúng tôi đính chính một số tư liệu chưa chính xác trong các cuốn tiểu sử đã xuất bản trước đây và đưa thêm một số thông tin theo tài liệu mới sưu tầm của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã hết sức cố gắng, song chắc rằng không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Rất mong bạn đọc đóng góp ý kiến.

Tháng 5 năm 2008
GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH
Chu Đức Tính

Chương I

THỜI NIÊN THIẾU
(1890-1911)

Chủ tịch Hồ Chí Minh, thời thơ ấu tên là Nguyễn Sinh Cung[1], sinh ngày 19-5-1890, tại quê ngoại là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Trùa), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), trong một gia đình nhà Nho, nguồn gốc nông dân.

Cha của Người là Nguyễn Sinh Sắc (Nguyễn Sinh Huy), sinh năm 1862, mất năm 1929, quê ở làng Kim Liên (thường gọi là làng Sen) cùng thuộc xã Chung Cự, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Sinh Sắc xuất thân từ gia đình nông dân, mồ côi cha mẹ sớm, từ nhỏ đã chịu khó làm việc và ham học. Vì vậy, ông được nhà Nho Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù xin họ Nguyễn Sinh đem về nuôi. Là người ham học và thông minh, lại được nhà Nho Hoàng Xuân Đường hết lòng chăm sóc, dạy dỗ, ông thi đỗ Phó bảng và sống bằng

1. Trong một bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1954, Người ghi tên còn nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn (Bản chụp bút tích, lưu Kho Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh).

nghề dạy học. Đối với các con, ông Sắc giáo dục ý thức lao động và học tập để hiểu đạo lý làm người. Khi còn trẻ, như nhiều người có chí đương thời, ông dùi mài kinh sử, quyết chí đi thi. Nhưng càng học, càng hiểu đời, ông nhận thấy: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", nghĩa là "Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn". Do đó, sau khi đỗ Phó bảng, được trao một chức quan nhỏ, nhưng vốn có tinh thần yêu nước, khẳng khái, ông thường chống đối lại bọn quan trên và thực dân Pháp. Vì vậy, sau một thời gian làm quan, ông bị chúng cách chức và thải hồi. Ông vào Nam Bộ làm thầy thuốc, sống cuộc đời thanh bạch cho đến lúc qua đời.

Mẹ của Người là Hoàng Thị Loan, sinh năm 1868, mất năm 1901, là một phụ nữ cần mẫn, đảm đang, đôn hậu, sống bằng nghề làm ruộng và dệt vải, hết lòng thương yêu và chăm lo cho chồng con.

Chị của Người là Nguyễn Thị Thanh, còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên, sinh năm 1884, mất năm 1954. Anh của Người là Nguyễn Sinh Khiêm, còn có tên là Nguyễn Tất Đạt, sinh năm 1888, mất năm 1950. Em của Người là bé Xin, sinh năm 1900, vì ốm yếu nên sớm qua đời. Các anh chị của Người lớn lên đều chịu ảnh hưởng của ông bà, cha mẹ, chăm làm việc và rất thương người, đều là những người yêu nước, đã tham gia phong trào yêu nước và bị thực dân Pháp và triều đình phong kiến bắt bớ tù đày.

Từ lúc ra đời đến tuổi lên 5, Nguyễn Sinh Cung sống ở quê nhà trong sự chăm sóc đầy tình thương yêu của ông bà

ngoại và cha mẹ, lớn lên trong truyền thống tốt đẹp của quê hương, hiếu học, cần cù trong lao động, tình nghĩa trong cuộc sống và bất khuất trước kẻ thù. Nguyễn Sinh Cung ham hiểu biết, thích nghe chuyện và hay hỏi những điều mới lạ, từ các hiện tượng thiên nhiên đến những chuyện cổ tích mà bà ngoại và mẹ thường kể.

Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung cùng với gia đình chuyển vào Huế lần thứ nhất, khi ông Nguyễn Sinh Sắc vào Kinh thi hội. Từ cuối năm 1895 đến đầu năm 1901, Nguyễn Sinh Cung sống cùng cha mẹ tại Huế, ở nhờ nhà một người quen ở trong thành nội (nay là số nhà 112, đường Mai Thúc Loan). Đó là những năm tháng gia đình ông Sắc sống trong cảnh gieo neo, thiếu thốn. Bà Hoàng Thị Loan làm nghề dệt vải, còn ông Sắc ngoài thời gian học, phải đi chép chữ thuê để kiếm sống, để học và dự thi.

Năm 1898, ông Nguyễn Sinh Sắc dự thi hội lần thứ hai nhưng vẫn không đỗ. Cuộc sống gia đình càng thêm chật vật khó khăn. Gần cuối năm 1898, theo lời mời của ông Nguyễn Sĩ Độ, ông Nguyễn Sinh Sắc về dạy học cho một số học sinh ở làng Dương Nỗ, tại ngôi nhà của ông Nguyễn Sĩ Khuyến (em trai ông Nguyễn Sĩ Độ), xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, cách thành phố Huế 6 km. Nguyễn Sinh Cung cùng anh theo cha về đây và bắt đầu học chữ Hán tại lớp học của cha.

Cuối năm 1900, ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi coi thi ở trường thi hương Thanh Hoá. Ông đưa Nguyễn Sinh Khiêm đi cùng, còn Nguyễn Sinh Cung thì về sống với mẹ trong nội thành Huế. Bà Loan sinh bé Xin trong hoàn cảnh

khó khăn túng thiếu nên lâm bệnh và qua đời. Chẳng bao lâu sau, bé Xin quá yếu cũng theo mẹ. Mới 11 tuổi Nguyễn Sinh Cung đã chịu nỗi đau mất mẹ và em.

Hơn 5 năm sống ở kinh thành Huế, Nguyễn Sinh Cung thấy được nhiều điều mới lạ. So với quê hương xứ Nghệ, Huế có nhiều nhà cửa to đẹp, nhiều cung điện uy nghiêm. Nguyễn Sinh Cung cũng thấy ở Huế có nhiều lớp người, những người Pháp thống trị nghênh ngang, hách dịch và tàn ác; những ông quan Nam triều bệ vệ trong những chiếc áo gấm, hài nhung, mũ cánh chuồn, nhưng khúm núm rụt rè; còn phần đông người lao động thì chịu chung số phận đau khổ và tủi nhục. Đó là những người nông dân rách rưới mà người Pháp gọi là bọn nhà quê, những phu khuân vác, những người cu ly kéo xe tay, những trẻ em nghèo khổ, lang thang trên đường phố... Những hình ảnh đó đã in sâu vào ký ức của Nguyễn Sinh Cung.

Được tin vợ qua đời, ông Nguyễn Sinh Sắc vội trở lại Huế, đưa con về quê. Sau khi thu xếp cuộc sống cho các con, được sự động viên của bà con trong họ ngoài làng, ông Nguyễn Sinh Sắc lại vào Huế dự kỳ thi hội năm Tân Sửu. Lần này đi thi ông mang tên mới là Nguyễn Sinh Huy.

Tháng 5-1901, ông Nguyễn Sinh Huy đậu Phó bảng khoa thi hội Tân Sửu. Khoảng tháng 9-1901, Nguyễn Sinh Cung cùng gia đình chuyển về sống ở quê nội. Ông Nguyễn Sinh Huy làm lễ vào làng cho hai con trai với tên mới là Nguyễn Tất Đạt (Sinh Khiêm) và Nguyễn Tất Thành (Sinh Cung).

Tại quê nhà, Nguyễn Tất Thành được gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Các thầy đều là những người yêu nước. Nguyễn Tất Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước. Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất, nhà tan. Trong những người mà ông Sắc thường gặp gỡ có ông Phan Bội Châu. Giống như nhiều nhà Nho yêu nước lúc bấy giờ, Phan Bội Châu cũng day dứt trước hiện tình đất nước và số phận của dân tộc. Con người nhiệt huyết ấy trong lúc rượu say vẫn thường ngâm hai câu thơ của Viên Mai:

"*Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch,*
Lập thân tối hạ thị văn chương".

Nghĩa là:

"*Mỗi bữa (ăn) không quên ghi sử sách,*
Lập thân hèn nhất ấy (là) văn chương".

Câu thơ đã tác động nhiều đến Nguyễn Tất Thành và góp phần định hướng cho người thiếu niên sớm có hoài bão lớn.

Lớn dần lên, càng đi vào cuộc sống của người dân địa phương, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía thân phận cùng khổ của người dân mất nước. Đó là nạn thuế khoá nặng nề cùng với việc nhân dân bị bắt làm phu xây dựng đường trong tỉnh, làm đường từ Cửa Rào, đi Xiêng Khoảng (Lào) nơi rừng thiêng nước độc. Những cuộc ra đi không có ngày về, nhân dân lầm than, ai oán.

Mùa xuân năm 1903, Nguyễn Tất Thành theo cha đến xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và tiếp tục học chữ Hán. Tại đây Nguyễn Tất Thành lại có dịp nghe chuyện thời cuộc của các sĩ phu đến đàm đạo với cha mình.

Cuối năm 1904, Nguyễn Tất Thành theo cha sang làng Du Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, khi ông Sắc đến đây dạy học. Ngoài thời gian học tập, Nguyễn Tất Thành thường theo cha đến các vùng trong tỉnh như làng Đông Thái, quê hương của Phan Đình Phùng, thăm các di tích thành Lục niên, miếu thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, v.v..

Tháng 7-1905, Nguyễn Tất Thành theo cha đến huyện Kiến Xương, Thái Bình, trong dịp ông Nguyễn Sinh Sắc đi gặp các sĩ phu ở vùng đó.

Khoảng tháng 9- 1905, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt được ông Nguyễn Sinh Huy xin cho theo học lớp dự bị (préparatoire) Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh. Chính tại ngôi trường này, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên được tiếp xúc với khẩu hiệu **Tự do - Bình đẳng - Bác ái**.

Những chuyến đi này giúp Nguyễn Tất Thành mở rộng thêm tầm nhìn và tầm suy nghĩ. Anh nhận thấy ở đâu người dân cũng lam lũ đói khổ, nên dường như trong họ đang âm ỉ những đốm lửa muốn thiêu cháy bọn áp bức bóc lột thực dân phong kiến. Trước cảnh thống khổ của nhân dân, anh đã sớm "có chí đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào".

Sau nhiều năm lần lữa việc đi làm quan, cuối tháng 5-1906, ông Nguyễn Sinh Huy vào kinh đô nhậm chức. Nguyễn Tất Thành và anh trai cùng đi theo cha. Vào Huế, Nguyễn Tất Thành cùng với anh trai được cha cho đi học Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên, lớp dự bị (cours préparatoire, tháng 9-1906); lớp sơ đẳng (cours élémentaire, tháng 9-1907).

Ở Huế, lần này xảy ra một sự kiện đáng ghi nhớ trong cuộc đời của Nguyễn Tất Thành. Tháng 4-1908, anh tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân tỉnh Thừa Thiên, khởi đầu cho cuộc tranh đấu suốt đời Người vì quyền lợi của nhân dân lao động. Vì những hoạt động yêu nước, tham gia cuộc đấu tranh của nông dân, Nguyễn Tất Thành bị thực dân Pháp để ý theo dõi. Ông Nguyễn Sinh Huy cũng bị chúng khiển trách vì đã để cho con trai có những hoạt động bài Pháp.

Tuy nhiên, tháng 8-1908, Nguyễn Tất Thành, với tên gọi Nguyễn Sinh Côn, vẫn được ông Hiệu trưởng Quốc học Sukê (Chouquet) tiếp nhận vào học tại trường. Tháng 9-1908, Nguyễn Tất Thành vào lớp trung đẳng (lớp nhì) (cours moyen) tại Trường Quốc học Huế.

Trong thời gian học tại Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc nhiều với sách báo Pháp. Các thầy giáo của Trường Quốc học Huế có người Pháp và cả người Việt Nam, cũng có những người yêu nước như thầy Hoàng Thông, thầy Lê Văn Miến. Chính nhờ ảnh hưởng của các thầy giáo yêu nước và sách báo tiến bộ mà anh được tiếp xúc, ý muốn đi sang phương Tây tìm hiểu

tình hình các nước và học hỏi những thành tựu của văn minh nhân loại từng bước lớn dần trong tâm trí của Nguyễn Tất Thành. Cùng thời gian đó, Nguyễn Tất Thành còn được nghe kể về những hành động của những ông vua yêu nước như Thành Thái, Duy Tân và những bàn luận về con đường cứu nước trong các sĩ phu yêu nước.

Khoảng tháng 6-1909, Nguyễn Tất Thành rời Trường Quốc học Huế theo cha vào Bình Định, khi ông được bổ nhiệm chức Tri huyện Bình Khê. Trong thời gian ở Bình Khê, Nguyễn Tất Thành thường được cha dẫn đi thăm các sĩ phu trong vùng và thăm di tích lịch sử vùng Tây Sơn.

Cuối năm 1909, Nguyễn Tất Thành được cha gửi học tiếp chương trình lớp cao đẳng (lớp nhất - cours supérieur), tại Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn. Ông Nguyễn Sinh Sắc hiểu khả năng và chí hướng người con trai thứ của mình nên đã tạo điều kiện cho anh được tiếp tục học lên.

Tháng 6-1910, Nguyễn Tất Thành hoàn thành chương trình tiểu học. Sau khi nghe tin cha bị cách chức Tri huyện Bình Khê, bị triệu hồi về Kinh, anh không theo cha trở về Huế mà quyết định đi tiếp xuống phía Nam. Trên đường từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành dừng chân ở Phan Thiết. Ở đây anh xin vào làm trợ giáo (moniteur), được giao dậy một số môn, đồng thời phụ trách các hoạt động ngoại khoá của Trường Dục Thanh, một trường tư thục do các ông Nguyễn Trọng Lội và Nguyễn Quý Anh (con trai cụ Nguyễn Thông, một nhân sĩ yêu nước) thành lập năm 1907. Ngoài giờ lên lớp,

Nguyễn Tất Thành tìm những cuốn sách quý trong tủ sách của cụ Nguyễn Thông để đọc. Lần đầu tiên anh được tiếp cận với những tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng Pháp như Rútxô (Rousseau), Vônte (Voltair), Môngtétxkiơ (Montesquieu). Sự tiếp cận với những tư tưởng mới đó càng thôi thúc anh tìm đường đi ra nước ngoài.

Tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn. Anh ở tạm tại trụ sở các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại Sài Gòn, như nhà số 3, đường Tổng đốc Phương (nay là số 5, đường Châu Văn Liêm); nhà số 128, Khánh Hội. Ở Sài Gòn một thời gian ngắn, anh thường đi vào các xóm thợ nghèo, làm quen với những thanh niên cùng lứa tuổi. Ở đâu anh cũng thấy nhân dân lao động bị đọa đày, khổ nhục. Nguyễn Tất Thành cũng hay đến những cửa hàng ở gần cảng Sài Gòn, nơi chuyên nhận giặt là quần áo cho các thủy thủ trên tàu Pháp, để tìm cách xin việc làm trên tàu, thực hiện ước mơ có những chuyến đi xa.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lăng và đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân bị nô lệ, đói khổ, lầm than. Quê hương có truyền thống đấu tranh anh dũng, chống giặc ngoại xâm. Thời gian 10 năm sống ở Kinh đô Huế - trung tâm văn hóa, chính trị của đất nước, tiếp xúc với nền văn hóa mới, với phong trào Duy Tân, đã cho Nguyễn Tất Thành nhiều hiểu biết mới. Nhìn lại các phong trào yêu nước như phong trào Cần Vương, mà tiêu

biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu; Phong trào Đông Kinh nghĩa thục; cuộc khởi nghĩa Yên Thế do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ, Anh rất khâm phục và coi trọng các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đó. Thực tiễn thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhiều câu hỏi và tác động đến chí hướng của Nguyễn Tất Thành, để rồi anh có một quyết định chính xác và táo bạo là xuất dương tìm đường cứu nước.

Chương II

TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC
(1911-1920)

Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba xin làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latútsơ Tơrêvin (Amiral Latouche Tréville), một tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời cảng Sài Gòn đi Mácxây (Marseille), Pháp.

Ngày 5-6-1911, trên con tàu Đô đốc Latútsơ Tơrêvin, từ bến cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước.

Về mục đích ra đi của mình, năm 1923 Người đã trả lời một nhà báo Nga rằng:

> "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy"[1]. Một lần khác trả lời một nhà văn Mỹ, Người

1. Báo *Ogoniok*, số 39, ngày 23-12-1923.

nói: "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[1].

Theo hành trình của tàu, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân ở cảng Mácxây, cảng Lơ Havơrơ (Le Havre) của Pháp. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, được chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam, anh nhận thấy có những người Pháp trên đất Pháp tốt và lịch sự hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương.

Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Sácgiơ Rêuyni đi vòng quanh châu Phi, đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênêgan, Rêuyniông… Đến đâu anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy anh đã trông thấy ở Đaca (Dacar): "Đến Đaca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn

1. Báo *Nhân dân*, ngày 18-5-1965.

đi”[1]. Cảnh tượng đó làm cho Nguyễn Tất Thành rất đau xót. Anh liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt Nam, đồng bào khốn khổ của anh. Họ cũng là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của bọn thực dân. Những sự việc như vậy diễn ra khắp nơi trên đường anh đi qua, tạo nên ở anh mối đồng cảm sâu sắc với số phận chung của nhân dân các nước thuộc địa.

Nguyễn Tất Thành theo con tàu tiếp tục đi qua Máctiních (Martinique) (Trung Mỹ), Urugoay và Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ cuối năm 1912. Tại đây, anh có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng trong lịch sử. Anh vừa đi làm thuê để kiếm sống vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ. Anh đã đến thăm quận Brúclin (Brooklin) của thành phố Niu Oóc (New York). Anh đi xe điện ngầm đến khu Háclem (Harlem) để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen.

Với mục đích ra đi để tìm hiểu, do vậy, trong thời gian tàu dỡ hàng và lấy hàng, Nguyễn Tất Thành đã tranh thủ lúc rỗi rãi đi xem xét nhiều nơi, từ những khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời ở Niu Oóc đến những ngôi nhà ổ chuột ở khu Háclem.

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.23.

Dừng chân ở nước Mỹ không lâu nhưng Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ. Đằng sau khẩu hiệu "cộng hòa dân chủ" của giai cấp tư sản Mỹ là những thủ đoạn bóc lột nhân dân lao động rất tàn bạo. Anh cảm thông sâu sắc với đời sống của người dân lao động da đen và rất căm giận bọn phân biệt chủng tộc, hành hình người da đen một cách man rợ, mà sau này anh đã viết lại trong bài báo *Hành hình kiểu Linsơ.*

Khoảng đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lơ Havơrơ, sau đó sang Anh. Đến nước Anh, để kiếm tiền sinh sống, anh nhận cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ đốt lò. Công việc hết sức nặng nhọc, nhưng sau mỗi ngày anh đều tranh thủ thời gian học tiếng Anh.

Từ nước Anh, Nguyễn Tất Thành gửi thư liên hệ với cụ Phan Châu Trinh, lúc này đang ở Pháp, thông báo tình hình sinh hoạt, học tập của mình, hỏi thăm tình hình người thân của cụ Phan. Trong thư Nguyễn Tất Thành cũng bày tỏ và thăm dò ý kiến của cụ Phan về tình hình thời cuộc.

Cuối năm 1913, sau hai tuần nghỉ việc vì bị cảm, Nguyễn Tất Thành đến làm thuê ở khách sạn Đraytơn Cước, đại lộ Đraytơn, khu Oét Ilinh (Drayton Court, Drayton Av., West Ealing), phía tây Luân Đôn.

Một thời gian sau, Nguyễn Tất Thành lại chuyển sang làm phụ bếp ở khách sạn Cáclơtơn (Carlton), phố Hây Makét, một khách sạn sang nổi tiếng ở Luân Đôn. Nguyễn Tất Thành làm việc dưới sự điều khiển của vua bếp Étcốpphie (Escophier), một người Pháp có tư tưởng tiến

bộ. Nguyễn Tất Thành được giao nhiệm vụ thu dọn và rửa bát, đĩa, nồi, chảo, v.v.. Những người giàu có khi ăn uống rất lãng phí, bỏ thừa khá nhiều, có khi cả một phần tư con gà. Anh gói lại những miếng ngon đưa cho nhà bếp. Ông Étcốpphie chú ý tới việc làm đó và hỏi anh: "Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng như những người kia?

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Ông bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi. Ông Étcốpphie vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?"[1].

Từ đó, ông chuyển anh vào chỗ làm bánh với mức lương cao hơn.

Tại Anh, Nguyễn Tất Thành đã hăng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia Hội những người lao động hải ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Airơlen. Cũng trong thời gian này anh được đọc một tờ báo Anh đưa tin về ông Terence Mac Swiney, Thị trưởng thành phố (Cork), nhà đại ái quốc Airơlen, đấu tranh chống đế quốc Anh, bị bắt. Trong tù ông đã tuyệt thực. Ông nằm nghiêng một phía, không ăn, không cử động hơn 40 ngày và hy

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr.29.

sinh. Hàng ngàn người Airơlen lưu vong nối nhau thành hàng dài trên đường phố Luân Đôn đưa tiễn ông Mac Swiney về yên nghỉ tại Cork. Nguyễn Tất Thành hết sức xúc động và cảm phục tinh thần bất khuất của ông: "Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Cúc sẽ không bao giờ đầu hàng" [1].

Giữa lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra ác liệt, tình hình Đông Dương đang có những biến động, vào khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp.

Trở lại Pháp, đến Thủ đô Pari, lúc đầu Nguyễn Tất Thành ở phố Sarôn (Charonne) trong một thời gian ngắn; từ ngày 7 đến 11-6-1919 ở nhà số 10, phố Xtốckhôm (Stokholm); ngày 12-6-1919, chuyển đến ở nhà số 56 phố Mơxiên lơ Pơranhxơ (Monsieur le Prince); tháng 7-1919, ở nhà số 6, phố Vila đê Gôbơlanh (Villa des Gobelins), quận 13; ngày 14-7-1921, chuyển đến ở nhà số 12, phố Buyô. Trong tháng 7-1921, Nguyễn Tất Thành chuyển đến nhà số 9, ngõ Côngpoanh (Compoint), quận 17, một trong những khu lao động nghèo nhất của Thủ đô nước Pháp. Ngày 14-3-1923, anh đến ở nhà số 3, phố Mácsê đê Patơriácsơ.

Thời gian đầu khi tới Pari, chưa có giấy tờ hợp pháp, Nguyễn Tất Thành được các đồng chí trong Ban đón tiếp những người lao động nhập cư của Đảng Xã hội Pháp giúp

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr.29.

đỡ. Trong khi chờ các đồng chí tìm cho giấy tờ quân dịch hợp pháp, anh phải sống ẩn náu, hạn chế đi lại để tránh sự kiểm tra của cảnh sát. Cuộc sống của anh lúc đó gặp rất nhiều khó khăn. Vừa hoạt động chính trị, vừa phải kiếm sống một cách chật vật, khi thì làm thuê cho một hiệu ảnh, khi thì vẽ thuê cho một xưởng đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa, nhưng anh vẫn kiên trì, hăng say học tập và hoạt động. Anh thường xuyên gặp gỡ với những người Việt Nam ở Pháp, có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường. Nguyễn Ái Quốc từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp.

Khoảng đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Khi được hỏi vì sao vào Đảng, anh trả lời: Vì đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái".

Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Ngày 18-6-1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị ở Vécxây (Versailles) (Pháp). Hội nghị này còn gọi là Hội nghị hoà bình Pari, nhưng thực chất đó là nơi chia phần giữa các nước đế quốc thắng trận và trút hậu quả chiến tranh lên đầu nhân dân các nước thua trận và các dân tộc bị áp bức. Văn kiện chính của hội nghị là *Hiệp ước Vécxây* xác định sự thất bại của nước Đức và các nước Đồng minh của Đức, phân chia lại bản đồ thế giới theo hướng có lợi cho các đế quốc thắng trận, chủ yếu là Mỹ, Anh, Pháp.

Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Tất Thành cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Vécxây. Dưới bản *Yêu sách* Nguyễn Tất Thành ký tên: Nguyễn Ái Quốc. Đây là lần đầu tiên tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Nguyễn Ái Quốc tới lâu đài Vécxây gửi bản *Yêu sách* cho văn phòng Hội nghị, sau đó lần lượt gửi bản *Yêu sách* đến các đoàn đại biểu các nước Đồng minh dự hội nghị. Hầu hết các đoàn đại biểu đều có thư trả lời Nguyễn Ái Quốc.

Bản *Yêu sách* gồm tám điểm:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;

4. Tự do *lập hội* và *hội họp*;

5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;

6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*;

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ[1].

Nguyễn Ái Quốc còn tự tay viết *Yêu sách* bằng hai thứ tiếng: một bản bằng chữ quốc ngữ theo thể văn vần, nhan đề *Việt Nam yêu cầu ca* và một bản chữ Hán nhan đề *An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*. Anh đến Nhà in Sácpăngchiê, số 70 phố Gôbơlanh, bỏ tiền túi của mình thuê in 6.000 bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* để phân phát trong các cuộc hội họp, míttinh, phát đi nhiều nơi và bí mật gửi về Việt Nam.

Thực dân Pháp bắt đầu chú ý tới người có tên Nguyễn Ái Quốc. Trong một lần đến theo dõi buổi nói chuyện ở Hội trường Hooctiquyntơ tại Pari, viên mật thám Pháp Pôn Ácnu (Paul Arnoux) chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Pari, tận mắt chứng kiến Nguyễn Ái Quốc đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách* cho những người có mặt, đã phải thốt lên dự cảm: "Con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương"[2].

Bản *Yêu sách* phản ánh nguyện vọng của nhân dân Việt Nam không được hội nghị xem xét. Đối với dư luận Pháp, *Yêu sách* cũng không có tiếng vang như mong

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr.435-436.

2. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ,* Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr.81.

muốn, nhưng lại tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam trong nước và nước ngoài. Một người Việt Nam với tên gọi Nguyễn Ái Quốc đã dũng cảm đưa vấn đề chính trị của Việt Nam ra quốc tế, đòi cho Việt Nam có những quyền cơ bản chính đáng, thiết thực. Đây là dấu hiệu mới của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trên đường đi tới độc lập dân tộc. Qua việc bản *Yêu sách* không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy, như sau này Người đã viết:

> "Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp bợm lớn"[1] và "Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình"[2].

Từ yêu cầu thực tiễn đấu tranh, Nguyễn Ái Quốc thấy cần phải học viết báo để tố cáo tội ác của thực dân Pháp. Phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội ở Pháp đã đưa anh đến với hoạt động báo chí. Trong hai năm 1919-1920, Nguyễn Ái Quốc đã viết 5 bài báo. Bài đầu tiên là *Vấn đề bản xứ* [3], đăng trên báo *Nhân đạo* (*L' Humanité),* ngày 2-8-1919.

Bài báo nhắc lại những nội dung chính bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây, tháng 6-1919, khẳng định nguyện vọng đó của nhân dân Việt Nam

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 416.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, *Sđd,* tr. 33.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 6-10.

là chính đáng; đồng thời tố cáo, lên án những chính sách cai trị cùng các thủ đoạn đàn áp, cướp bóc của thực dân Pháp ở Đông Dương và tin tưởng rằng nhân dân tiến bộ Pháp sẽ đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh vì tự do và công lý của nhân dân Việt Nam.

Báo *Dân chúng* (*Le Populaire*) đăng bài *Đông Dương và Triều Tiên*[1] của Nguyễn Ái Quốc. Bài báo nhắc đến sắc lệnh của Thiên Hoàng công bố tại Tôkyô ngày 19-8-1919 với nội dung định rõ quyền bình đẳng giữa người bản xứ Triều Tiên với người Nhật trong tất cả các luật lệ. Bài báo so sánh chính sách cai trị của đế quốc Nhật ở Triều Tiên và đế quốc Pháp ở Đông Dương, nghiêm khắc lên án chính sách ngu dân của Pháp và đặt câu hỏi: Nước Pháp có thể đối với Đông Dương ít nhất một cách sáng suốt như Nhật đối với Triều Tiên không?

Qua các bài báo trên, chúng ta thấy rõ về mặt tư tưởng, Nguyễn Ái Quốc là một người yêu nước tiến bộ, căm thù chủ nghĩa thực dân Pháp. Khát vọng của Người là đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng làm thế nào và đi theo hướng nào để đạt được mục đích đó, Nguyễn Ái Quốc vẫn còn đang tìm kiếm.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1919, Lênin và những người theo chủ nghĩa Mác ủng hộ lập trường của Lênin họp đại hội ở Mátxcơva, thành lập Quốc tế III - tức Quốc tế Cộng sản. Quốc tế Cộng sản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 11-14.

đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, đã vạch ra đường lối cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Lần đầu tiên trên báo *Nhân đạo,* ngày 16 và 17-7-1920 đã đăng *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Tên đầu bài có liên quan đến vấn đề thuộc địa lập tức thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc. Trong văn kiện này, Lênin phê phán mọi luận điểm sai lầm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, lên án mạnh mẽ tư tưởng sô vanh, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ích kỷ, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ của các đảng cộng sản là phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, về sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản với quần chúng cần lao của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Luận cương của Lênin đã chỉ cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người nói:

> "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau

khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"!

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[1].

Từ bản *Luận cương* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam. Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để Nguyễn Ái Quốc vững bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin. Quyết tâm đi theo con đường của Lênin vĩ đại, Nguyễn Ái Quốc xin gia nhập Uỷ ban Quốc tế III, do một số đồng chí trong Đảng Xã hội Pháp lập ra, nhằm tuyên truyền vận động gia nhập Quốc tế III.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, tại thành phố Tua (Pháp), đã tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế III hay ở lại Quốc tế II, thành lập Đảng Cộng sản, hay giữ nguyên Đảng Xã hội. Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương.

Tại phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu. Trong bài phát biểu, Người lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thê

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.127.

thảm. Bằng những sự thật, Nguyễn Ái Quốc tố cáo những sự tàn bạo mà bọn thực dân Pháp đã gây ra ở Đông Dương, và cho rằng:

> "Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức",
>
> rằng
>
> "Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...". Nguyễn Ái Quốc kết thúc bài phát biểu bằng lời kêu gọi thống thiết:
>
> "Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!"[1].

Tại đại hội lịch sử này, cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III Quốc tế Cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và Người cũng trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và trong lịch sử cách mạng nước ta. Nếu như cuộc đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Vécxây năm 1919 mới

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 23-24.

là phát pháo hiệu thức tỉnh nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp, thì việc Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 đã đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin. 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

> "Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"[1].

Như vậy, từ năm 1911 đến năm 1920, là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc khảo sát, nghiên cứu để lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Người đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ. Trải qua những tháng năm lao động kiếm sống, thâm nhập đời sống thực tế của những người lao động nhiều nước trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc thấy rõ cảnh bất công, tàn bạo của xã hội tư bản, anh vô cùng xúc động trước đời sống khổ cực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước. Đến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.241.

một số nước thuộc địa châu Phi, Người thấy rõ ở đâu người dân mất nước cũng khổ cực như nhau. Bước đầu anh rút ra kết luận quan trọng là: ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột rất dã man; các dân tộc thuộc địa đều có một kẻ thù chung là bọn đế quốc thực dân. Anh nhận rõ giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ thù. Sau này anh đã khái quát thành một chân lý:

> "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[1].

Cũng từ thực tế lao động, học tập, thâm nhập đời sống những người lao động, phân tích tình hình chính trị thế giới, tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản mà sau này Người đã đúc kết:

> "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"[2].

Sự lựa chọn và hành động của Nguyễn Ái Quốc phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử, chuyển từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản, đã kéo theo cả một lớp

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 266.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 314.

người Việt Nam yêu nước chân chính đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ đó chủ nghĩa Mác - Lênin bắt đầu thâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, cách mạng Việt Nam từ đây có một phương hướng mới.

Chương III

CHUẨN BỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(1920 - 1930)

Trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc nhận thức được trách nhiệm to lớn của mình là phải mang toàn bộ khả năng và sức lực góp phần cùng Đảng Cộng sản Pháp quan tâm hơn nữa đến các dân tộc thuộc địa, bằng một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực. Từ đây, bắt đầu một thời kỳ hoạt động sôi nổi của Người trên các lĩnh vực, đặc biệt là các diễn đàn, các đại hội quốc tế và trên báo chí, nhằm lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa, thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, hướng họ vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Đánh giá cao sức mạnh của nhân dân thuộc địa và vai trò của những người cộng sản trong việc tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh để giành độc lập dân tộc, trong hai bài *Đông Dương,* đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 14 (4-1921) và số 15 (5-1921) Nguyễn Ái Quốc khẳng định:

"Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1].

Đồng thời, Người nhấn mạnh vai trò của cách mạng thuộc địa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Theo Người:

"Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[2].

Sau ngày 14-7-1921, Nguyễn Ái Quốc rời số 6, Vila đờ Gôbơlanh đến ở trong căn phòng rộng 9 m^2, gác 2, nhà số 9, ngõ Côngpoanh, quận 17, Pari. Mặc dù chật hẹp,

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 28, tr.36.

nhưng nơi đây đã trở thành một trung tâm mới, thu hút những người Việt Nam yêu nước.

Sống chủ yếu bằng nghề in phóng ảnh, nhưng do việc làm không ổn định, giá sinh hoạt lại đắt đỏ, nên cuộc sống của Nguyễn Ái Quốc gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, từ khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ký tên vào bản *Yêu sách* 8 điểm, do có sự can thiệp của cơ quan an ninh Pháp đối với những chủ hiệu đã thuê Nguyễn Ái Quốc, nên sự tìm kiếm việc làm của Người càng khó khăn hơn. Để chống lại những đêm mùa đông giá rét, Nguyễn Ái Quốc dùng hơi ấm từ viên gạch (để nhờ cạnh bếp lò của người chủ nhà khi đi làm), đến tối về, bọc báo, để xuống giường cho đỡ lạnh. Nguyễn Ái Quốc thường chỉ đi làm buổi sáng, buổi chiều Người đến thư viện, hoặc đi dự các buổi míttinh, các buổi nói chuyện chính trị để nâng cao hiểu biết. Tại các buổi míttinh, các buổi sinh hoạt chính trị, Nguyễn Ái Quốc cũng tham gia phát biểu ý kiến, tranh luận và Người thường khéo léo lái sang vấn đề thuộc địa, nhằm lên án chủ nghĩa thực dân.

Ngày 12-12-1921, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Đảng bộ quận Xen (Seine), nơi Người cư trú và được bầu là đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp, họp từ ngày 25 đến 30-12-1921 tại Mácxây. Đại hội bầu Nguyễn Ái Quốc làm phụ tá của Chủ tịch Đại hội. Nguyễn Ái Quốc phát biểu cám ơn các đại biểu đã quan tâm đến những người bản xứ, qua đó Người khẳng định:

"Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng, và cũng chỉ có nó chúng ta mới có thể thực hiện sự hoà hợp và hạnh phúc ở chính quốc và ở các thuộc địa"[1].

Với những hoạt động tích cực tại đại hội, chiều ngày 29-12-1921, Nguyễn Ái Quốc được mời trình bày dự thảo *Nghị quyết về chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa* - văn kiện mà Người tham gia chuẩn bị. Người nhấn mạnh:

"Nhưng điều mà người ta có thể trông đợi ở Đại hội Mácxây, trước hết là đại hội tán thành nguyên tắc thành lập một cơ quan đặc biệt phụ trách chính sách về thuộc địa của Đảng, tiếp đó là uỷ quyền cho Ban lãnh đạo thấy rõ: 1. Tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ chuẩn bị đã được khởi đầu. 2. Trình bày ở đại hội sau của Đảng một luận cương về thuộc địa đã được nghiên cứu nghiêm túc để đại hội thảo luận đến nơi đến chốn sao cho từ đó Đảng có một chính sách thuộc địa rõ ràng, có phương pháp và thiết thực"[2].

Sau đại hội, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban lãnh đạo Đảng thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa, có nhiệm vụ giúp Đảng cập nhật thông tin về tình hình các thuộc địa,

---

1. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 1, tr. 148.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 445.

đề xuất các chính sách đấu tranh với giai cấp tư sản và bọn thực dân, thiết thực giúp đỡ và phối hợp đấu tranh với các dân tộc thuộc địa, v.v.. Ý kiến này được chấp thuận và Nguyễn Ái Quốc được chỉ định tham gia ban đó.

Tiếp đó, Nguyễn Ái Quốc lại được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Pari, từ ngày 21 đến ngày 24-10-1922. Tại đại hội này, vấn đề thuộc địa vẫn không có trong chương trình nghị sự. Trên diễn đàn của đại hội, Nguyễn Ái Quốc lên tiếng phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Theo đề nghị tích cực của Nguyễn Ái Quốc, Đại hội biểu quyết thông qua: *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa* do Ban Nghiên cứu thuộc địa đệ trình, trong đó nhấn mạnh:

> "Vì hoà bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức"[1].

Sau đó, *Lời kêu gọi* đã được viết rút gọn bằng tiếng Việt, in thành truyền đơn và bí mật gửi về Việt Nam.

Những hoạt động tích cực, có hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần I và Đại hội II của Đảng Cộng sản Pháp đã góp phần đánh dấu một bước tiến mới trong nhận thức và trong hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp về vấn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 460.

đề thuộc địa, đồng thời thúc đẩy Đảng Cộng sản Pháp đi đúng tư tưởng chỉ đạo của Lênin về vấn đề thuộc địa.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Phôbua, do Lêo Pônđét (Léo Poldes), một trí thức tiến bộ Pháp sáng lập và lãnh đạo, với nhiều nội dung phong phú và bổ ích. Nguyễn Ái Quốc tham dự khá đều đặn các chương trình, sinh hoạt của câu lạc bộ và tham gia Hội nghệ thuật và khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch, để có điều kiện đi tham quan các bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật và nhiều nơi ở Italia, Thụy Sĩ, Đức, để có điều kiện khảo sát thực tế và tăng thêm sự hiểu biết. Câu lạc bộ Phôbua, nơi Người thường xuyên tham gia sinh hoạt đã tổ chức trình diễn vở kịch *Con rồng tre* do Người sáng tác, nhằm đả kích ông vua bù nhìn Khải Định, khi ông ta sang Pháp dự Hội chợ thuộc địa tại Mácxây (6-1922).

Tham gia đều đặn các buổi sinh hoạt và các hoạt động ngoại khoá của câu lạc bộ Phôbua, nhận thức chính trị và xã hội của Nguyễn Ái Quốc ngày một nâng cao. Từ những hoạt động phong phú đó, Người có điều kiện hiểu sâu sắc hơn về đời sống chính trị, xã hội, về tổ chức bộ máy của Nhà nước Pháp, về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp và những bất công trong lòng xã hội Pháp. Đồng thời Người nhận thức rõ hơn về con đường, mục tiêu và những phương thức để đấu tranh giải phóng của nhân dân ở các thuộc địa. Từ Thủ đô nước Pháp, Người đã từng bước vạch trần những tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp trên nhiều báo và tạp chí.

Sau khi tiếp thu *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã hướng các hoạt động cụ thể của mình vào mục tiêu lên án chủ nghĩa thực dân. Với nhiều bài viết, bằng thể loại khác nhau đăng trên các báo *Nhân đạo* (*L'Humanité), Đời sống công nhân (La Vie Ouvrière),* tạp chí *Cộng sản (La Revue Communiste),* v.v., Nguyễn Ái Quốc tập trung tố cáo:

- Nền khai hoá giết người, tố cáo sự phung phí tiền của, sự bóc lột nhân dân thuộc địa của bọn thực dân, đặc biệt là bộ mặt gian ác của những viên quan thực dân tiêu biểu như A. Xarô (Bộ trưởng Bộ Thuộc địa), Bôđoanh (con rể A. Xarô), M. Lông, Utorây... những viên quan cai trị khét tiếng tàn ác.

- Kêu gọi các đảng cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ các phong trào đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa, bởi theo Người thì: "trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp"[1], song thực tế "tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa" vẫn tồn tại. Vì vậy, công nhân ở các nước chính quốc cần phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc, theo đúng những lời dạy của Lênin.

- Phân tích những điều kiện và chỉ rõ chủ nghĩa cộng sản có thể thực hiện được ở châu Á, đặc biệt là cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, không hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 170.

quốc. Từ đó, nhân dân thuộc địa có thể đóng góp sức mình, giúp đỡ những người anh em phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Cũng trong những năm tháng hoạt động ở Thủ đô Pari - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện hấp thụ đời sống văn hoá Pháp để làm giàu cho vốn văn hoá của mình. Người tìm thấy trong văn hoá Pháp, trong nền triết học ánh sáng Pháp, tâm hồn Pháp tinh thần Tự do, Bình đẳng, Bác ái của truyền thống văn hoá Pháp và những tinh hoa văn hoá nhân đạo và dân chủ của phương Tây. Với trí tuệ mẫn cảm và vốn văn hoá sâu rộng của mình, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao và kết tinh của thành tựu văn hoá nhân loại, để trở thành một nhà hoạt động và sáng tạo văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Để có thể thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của nhân dân các thuộc địa, để có một bộ tham mưu tổ chức và lãnh đạo thống nhất cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các thuộc địa, được sự đồng tình và ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đại biểu thuộc địa của Pháp đứng ra vận động thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa - một hình thức mặt trận của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp thống trị, liên minh với giai cấp vô sản ở chính quốc cùng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. *Hội Liên hiệp thuộc địa* là một hiện tượng có một không hai trong lịch sử, đó là một liên minh chống chủ nghĩa thực dân ra đời và hoạt động ngay tại chính trung tâm chính trị của nước Pháp thực dân.

Sau nhiều lần gặp gỡ trao đổi, cuộc họp ngày 26-6-1921 của các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân Pháp ở nhiều nước đang sinh sống ở Pari đã bàn việc thành lập hội, xây dựng chương trình, điều lệ và cử Ban Chấp hành. Ngày 20-7-1921, Ban Chấp hành hội đã thông qua các văn bản và nộp *Điều lệ hội* cho nhà chức trách. Cuộc họp ngày 28-5-1922 thông qua *Tuyên ngôn* của hội do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và nhấn mạnh:

> "Chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại"[1].

Từ những hoạt động và đóng góp của mình, Người đã được bầu vào Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa. Thời gian đầu (1922-1923), Hội Liên hiệp thuộc địa có khoảng 200 hội viên, hoạt động mạnh mẽ, sôi nổi và có ảnh hưởng rộng rãi. Hội những người Việt Nam yêu nước là một đoàn thể trong Hội Liên hiệp thuộc địa. Tuy nhiên, thời gian sau, do nhiều nguyên nhân tác động như sự cản trở và phá hoại của Bộ Thuộc địa, sự eo hẹp về tài chính... hoạt động của Hội giảm dần. Đến tháng 6-1926, Hội Liên hiệp thuộc địa ngừng hoạt động.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 2, tr. 128.

Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản báo *Người cùng khổ (Le Paria)* làm cơ quan ngôn luận. Nguyễn Ái Quốc được phân công làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút của tờ báo. *Le Paria* số 1, ngày 1-4-1922, đăng lời kêu gọi, nêu rõ tôn chỉ, mục đích và nhấn mạnh:

> "Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người"[1].

Từ khi ra đời đến khi đình bản, báo *Người cùng khổ* ra được 38 số, trong những điều kiện hết sức khó khăn về tài chính và phương tiện hoạt động, lại luôn bị cảnh sát theo dõi, đe dọa, gây khó dễ. Nguyễn Ái Quốc là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của báo, Người làm chủ nhiệm, chủ bút, giữ quỹ và kiêm cả việc phát hành, bán báo. Làm việc không mệt mỏi, Nguyễn Ái Quốc đóng góp cho sự tồn tại và phát triển của báo bằng cách viết nhiều bài cho báo, thậm chí còn dành cả phần tài chính eo hẹp của mình cho báo.

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo từ số 1 đến số 15 (6-1923). Trước khi rời Pháp đi Liên Xô, Người viết bài để lại cho các số sau. Trong thời gian này, Người viết 30 bài. Những bức tranh, ký họa của Người đăng trên báo ký tên Nguyễn Ái Quốc và một số bút danh khác. Nội dung các bài viết này tập trung vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 456.

hội đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và các thuộc địa khác. Từ đó, giúp người đọc nhận thức rõ hơn về sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung và thực dân Pháp nói riêng; về mâu thuẫn không thể điều hoà giữa chủ nghĩa thực dân với nhân dân lao động tại các thuộc địa; về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc. Cũng từ những bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân ở các thuộc địa, thức tỉnh phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, thông qua nội dung các bài báo, Người bước đầu chỉ ra yêu cầu cần thiết của việc thực hiện đoàn kết giai cấp và đoàn kết quốc tế, giữa nhân dân các thuộc địa, giữa thuộc địa với chính quốc và coi đó là những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã vận động Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ra báo Việt Nam hồn. Nhưng do Người rời Pháp đi Liên Xô nên dự định ra báo này chưa kịp thực hiện. Sau đó, báo Việt Nam hồn ra đời vào tháng 1-1926, dưới sự chỉ đạo của cụ Nguyễn Thế Truyền.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp thông qua những đóng góp của Người tại Đại hội I và II của Đảng Cộng sản Pháp, tại Hội Liên hiệp thuộc địa cùng với việc xuất bản báo *Người cùng khổ* được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao. Uy tín và vai trò của người cộng sản Đông Dương đã được Quốc tế Cộng sản biết đến và Người được

Đảng Cộng sản pháp cử đi Mátxcơva (Liên Xô) dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản.

Ngày 13-6-1923, từ ga Đuy No (Du Nord), Nguyễn Ái Quốc rời Pari bằng tàu hoả đến Béclin (Đức). Từ Hămbuốc (Đức), Người đi tàu thuỷ đến Pêtơrôgrát (Liên Xô), quê hương của Cách mạng Tháng Mười (30-6-1923). Ít ngày sau, Người đi xe lửa về Mátxcơva, bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên đất nước của Lênin vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, khi Liên Xô đang thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Liên Xô. Được ít ngày, tháng 7-1923, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, nêu lại ý nghĩa và tác dụng của Nghị quyết Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa, đồng thời lưu ý Đảng Cộng sản Pháp vẫn chưa coi trọng vấn đề thuộc địa trong các chương trình hành động của mình. Theo Người, những người dân thuộc địa:

> "Những người bị áp bức khốn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh"[1].

Cũng trong bức thư này, Người đề xuất với Đảng 8

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 195.

nhiệm vụ cụ thể cần được triển khai ngay, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa.

Tháng 6-1923, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Đôm Ban (Thomas Dombal), Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ việc thành lập một tổ chức nông dân quốc tế, nhằm thực hiện liên minh công - nông trên phạm vi toàn thế giới. Tháng 10-1923, Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân được triệu tập, gồm 158 đại biểu, trong đó có 122 đại biểu chính thức, đại diện cho nông dân của 40 nước trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.

Tại phiên họp đầu tiên, hội nghị đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn Chủ tịch, gồm 11 người. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa. Được mời phát biểu, Người nói:

> "Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia quốc tế của các đồng chí"[1].

Hội nghị bầu ra Hội đồng Quốc tế Nông dân gồm 52 uỷ viên, thông qua các văn kiện và kết thúc vào ngày 16-10-1923.

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 212, tr.478-479.

Thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài cho tạp chí *Krestianski International* (*Quốc tế Nông dân*), đề cập đến các vấn đề của nông dân Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Phi, tố cáo chế độ áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, đế quốc, chỉ rõ phương hướng đấu tranh cho những người nông dân thuộc địa và nửa thuộc địa. Trong khi nêu vấn đề xoá bỏ tình trạng khổ cực của những người nông dân, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ rõ nguồn sức mạnh và hướng những người nông dân vào cuộc đấu tranh đó, với khẩu hiệu: *"Tất cả ruộng đất về tay nông dân"*[2]. Sau khi rời Liên Xô, Người được giao nhiệm vụ phụ trách phong trào nông dân các nước châu Á với tư cách uỷ viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nhưng do Lênin ốm nặng, nên đại hội hoãn họp, vì vậy, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường đại học Phương Đông. Ngày 2-4-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập trường. Trong thời gian học tập ở trường, Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với những thanh niên Trung Quốc, tập hợp tư liệu do họ cung cấp và chủ biên cuốn sách: *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*, bằng tiếng Pháp (được Petrôva Sua dịch ra tiếng Nga, Nxb. Novaia Mátxcơva xuất bản năm 1925).

Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gặp và trả lời phỏng vấn nhà thơ Ôxíp Manđenxtam và Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhà thơ:

"Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai... Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới"[1].

Cảm nhận của nhà thơ, nhà báo đã góp phần làm cho dư luận và bạn bè quốc tế chú ý hơn đến người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc của Đông Dương thuộc địa.

Ngày 21-1-1924, Lênin qua đời. Vô cùng thương tiếc Lênin, ngày 23-1-1924, Nguyễn Ái Quốc đã có mặt trong dòng người vào vĩnh biệt Lênin. Sau đó, Người viết bài: *Lênin và các dân tộc thuộc địa*, đăng báo *Sự thật (Pravđa)*, ngày 27-1-1924, và khẳng định: "Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta". Đây là lời thề của người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc, Người sẽ phấn đấu hiện thực hoá tư tưởng của Lênin vĩ đại ở các thuộc địa. Người sẽ gắn bó cuộc cách mạng giải phóng dân tộc với con đường đi tới cuộc cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa sau đó.

Nửa năm sau ngày Lênin mất, Nguyễn Ái Quốc viết bài *Lênin và các dân tộc phương Đông*, đăng báo *Le Paria* (số 27, tháng 7-1924), Người khẳng định:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 478 - 479.

"Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi"[1].

Học xong lớp ngắn hạn tại Đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội V Quốc tế Cộng sản khai mạc và chờ lên đường về châu Á, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (theo giấy xác nhận do Pêtơrốp ký ngày 14-4-1924).

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người đi biểu tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcơva cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày Quốc tế của những người lao động. Những hoạt động tích cực của Người trên đất nước Xôviết, sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 17-6 đến 8-7-1924 tại Mátxcơva (với 504 đại biểu thay mặt cho 46 đảng cộng sản, 4 đảng không cộng sản và 10 tổ chức quốc tế) để tổng kết tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giai cấp trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 295.

những năm 1918-1923, đồng thời nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bônsêvích hoá các đảng cộng sản. Tại đại hội, vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đặc biệt lưu tâm là điểm thứ 5 của chương trình nghị sự.

Trong buổi khai mạc đại hội, Nguyễn Ái Quốc phát biểu: Tôi muốn biết đại hội có gửi Lời kêu gọi đặc biệt đến các dân tộc thuộc địa không? Và trước khi biểu quyết thông qua *Lời kêu gọi*, Người đề nghị bổ sung mấy chữ: *Gửi các dân tộc thuộc địa*.

Sau đó, tại phiên họp thứ 8, ngày 23-6-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu ý kiến. Thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, Người nói:

> "Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa"; vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa"[1].

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 273, 277, 289.

Tiếp tục chương trình nghị sự, được phát biểu về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tại phiên họp thứ 22 của đại hội, ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc khẳng định tầm quan trọng và vị trí của cách mạng thuộc địa:

> "Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch"[2].

Tại phiên họp thứ 25, ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu về vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa của Pháp. Nói về sự thất bại của nông dân bản xứ, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh:

> "Họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"[3].

Với danh nghĩa đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, họp từ ngày 7 đến ngày 22-7-1924. Trong bài tham luận tại đại hội, Nguyễn Ái Quốc trình bày những vấn đề liên quan đến giai cấp vô sản ở Đông Dương, khẳng định giai cấp vô sản Đông Dương chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Từ thực tế đó, Người đề nghị:

> "Các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh

giải phóng của chúng tôi"[1].

Sau đó, Người được mời và tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR).

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại các đại hội trên đã giúp cho giai cấp công nhân thế giới và nhân dân Xôviết hiểu rõ hơn về tình cảnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam nói riêng và nhân dân Đông Dương nói chung, đồng thời đặt nền móng cho sự liên minh, tình đoàn kết vô sản quốc tế giữa nhân dân Việt Nam và những người lao động thế giới.

Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ viết bài cho các báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), *Đời sống công nhân* (*La Vie Ouvrière*), *Sự thật* (*Pravđa*), *Người cùng khổ* (*Le Paria*), *Thư tín quốc tế* (*Inprékor*), *Tạp chí Cộng sản* v.v.. Các bài báo tập trung nói về các vấn đề liên quan đến giai cấp công nhân, đến cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các thuộc địa, đồng thời chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa:

> "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 293.

thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"[1].

Vì thế, muốn thủ tiêu tận gốc chủ nghĩa tư bản, phải xây dựng tình đoàn kết giữa giai cấp vô sản chính quốc với giai cấp vô sản, đặc biệt là đội tiên phong của nó ở thuộc địa, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa thành một mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc.

Thông qua các bài viết, Nguyễn Ái Quốc đã cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo những luận điểm của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Không dừng lại ở đó, trong khi chỉ ra vị trí và sức mạnh của nhân dân thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng, trong khi nhấn mạnh rằng: Muốn đánh vào sào huyệt của chủ nghĩa thực dân thì phải tước hết thuộc địa của chúng, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ ra *tính chủ động cách mạng* của nhân dân thuộc địa. Cùng với những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, Người đã đấu tranh kiên quyết để góp phần hiện thực hoá khẩu hiệu nổi tiếng của Lênin: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*!

Từ những bài báo viết trong những năm 1921-1924 này, Người bổ sung, sửa chữa thành cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cuối năm 1924, bản thảo được gửi từ Mátxcơva đến Pari cho *Hội Liên hiệp thuộc địa* và Ban biên tập báo *Le Paria* (trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu). Cuốn sách gồm 12 chương và phần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 2, tr. 120.

Phụ lục, đề cập ba nội dung lớn: Tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp; Sự thức tỉnh các dân tộc thuộc địa; Phương hướng đấu tranh, giải phóng các thuộc địa theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Bài viết: *Gửi thanh niên Việt Nam* để ở phần *Phụ lục* của cuốn sách, đó là những lời tâm huyết của Người với thế hệ thanh niên trước vận mệnh của đất nước. Từ việc đánh giá đúng vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người kêu gọi:

> "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh"[1].

Bằng sự nhạy bén về chính trị, phân tích tình hình thế giới, dự báo cục diện của phương Đông và phương Tây, thông qua các bài viết, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi giai cấp vô sản quốc tế hãy cảnh giác với "lò lửa của chiến tranh thế giới mới":

> "Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh"[2].

Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc tuyên truyền về thành tích của nước Nga Xôviết, về sự giúp đỡ của nước Nga với các dân tộc thuộc địa, góp phần chống lại sự xuyên tạc của báo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 2, tr. 133.

2, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 1, tr. 243-244, 465.

chí tư sản đối với cách mạng Nga, với đất nước Nga Xôviết, bởi theo Người:

> "Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con"[2].

Sống và hoạt động ở Mátxcơva, trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, điều mà Nguyễn Ái Quốc nhận thấy rõ nhất, đó là Quốc tế Cộng sản và các đảng ở châu Âu hiểu biết rất ít về tình hình ở các thuộc địa. Đặc biệt, Người nhận thức rõ rằng, không thể áp dụng một cách máy móc, rập khuôn những nguyên lý về đấu tranh giai cấp của học thuyết Mác vào điều kiện cụ thể của các thuộc địa. Vì vậy, Người xác định sẽ tận dụng mọi cơ hội để có thể giúp những người cộng sản ở phương Tây hiểu rõ hơn về thuộc địa.

Thông qua các nội dung và những phân tích một cách khoa học đặc điểm của các nước phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, bài viết *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* (1924) của Nguyễn Ái Quốc đã tập trung nêu rõ: Tính chất cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không diễn ra quyết liệt như ở phương Tây; đề cao chủ nghĩa yêu nước, coi chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước; sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển học thuyết Mác cho phù hợp với điều kiện của từng quốc gia, đặc biệt là phương Đông. Theo Nguyễn Ái Quốc:

> "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên

một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại"[1], vì vậy phải xem xét lại "cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"[2].

Những luận điểm và kiến nghị trong báo cáo của Người với Quốc tế Cộng sản, về tình hình, đặc điểm của Việt Nam, thể hiện sự sâu sát thực tế và việc vận dụng những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, có ý nghĩa như một phương hướng chung, có tính chất như một cương lĩnh hành động của cách mạng Việt Nam. Báo cáo nhấn mạnh việc:

1. Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản;

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam;

3. Dự báo về khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương và nó phải được sự ủng hộ của nước Nga Xôviết, của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Trong điều kiện lịch sử khi đó, những ý kiến trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* thể hiện một tư duy sắc sảo, một thái độ dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc trong việc khẳng định: Thực tiễn là tiêu chuẩn, là sự kiểm nghiệm của chân lý. Mặt khác, báo cáo cũng thể hiện sự nắm vững linh hồn, phương pháp của học thuyết Mác và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.465.

sự vận dụng sáng tạo của Người trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Với hơn một năm sống, học tập và làm việc trên đất nước Xôviết, dù thời gian không dài, song những nghiên cứu về lý luận, những hoạt động thực tiễn đã giúp Nguyễn Ái Quốc có điều kiện trang bị cho mình vốn kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hệ thống. Đồng thời, Người có điều kiện khảo nghiệm, chứng kiến những thành tựu của Nhà nước và nhân dân Xôviết. Những hoạt động sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc, đã đanh thép tố cáo tội ác thực dân, nhận thức và luận giải một cách khoa học những vấn đề về thuộc địa, vai trò cách mạng thuộc địa trong mối quan hệ khăng khít với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới.

Không chỉ nắm vững những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc còn đề xuất nhiều luận điểm và phát triển một cách sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa của Lênin, làm phong phú lý luận Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản. Được sống, học tập tại trung tâm cách mạng thế giới, được làm việc tại Quốc tế Cộng sản, được đấu tranh và rèn luyện trong phong trào cộng sản quốc tế, nhận thức luận của Nguyễn Ái Quốc được nâng cao, uy tín chính trị của Nguyễn Ái Quốc được củng cố.

Không dừng lại ở đó, nhận thức được sứ mệnh của mình và hướng đến mục tiêu: Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, với tất cả tinh thần và nhiệt huyết của mình, Nguyễn Ái Quốc chọn con đường về gần Tổ quốc, xúc

tiến một lộ trình cho công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam. Khi biết sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hiện có nhiều thanh niên yêu nước Việt Nam đang có mặt ở Quảng Châu, họ yêu nước, nhưng chưa có tổ chức và thiếu một đường lối đúng đắn trong hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân trên hành trình tiến gần về Tổ quốc, để tổ chức, đoàn kết, huấn luyện những thanh niên đầy nhiệt huyết đó đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Sau nhiều lần đề đạt, nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Với tư cách là cán bộ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, đồng thời là Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc được giao theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á.

Cuối tháng 10-1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcơva, đi xuyên Xibêri, nghỉ lại ở Vlađivôxtốc, rồi xuống tàu Viễn Dương của Liên Xô đi Trung Quốc. Người đến Quảng Châu ngày 11-11-1924, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập chính đảng vô sản kiểu mới cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Nắm tình hình và định hướng những công việc cần phải làm, ngày 12-11-1924, Người viết thư gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản báo tin:

> "Tôi đã đến đây hôm qua, và đang ở nhà đồng chí Bôrôđin với 2 hoặc 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai cả.

Mọi người ở đây đều bận về việc Bác sĩ Tôn lên phương Bắc.

Tôi sẽ viết thư cho đồng chí sớm"[1].

Để chuẩn bị về tổ chức và tiếp tục chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của một đảng mácxít ở Việt Nam, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động tại Quảng Châu. Đầu tiên là những thanh niên hăng hái nhất trong *Tâm Tâm xã*. Dần dần, Người mở rộng địa bàn hoạt động của mình. Trong thư gửi một cán bộ phụ trách Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, ngày 22-12-1924, Nguyễn Ái Quốc báo cáo:

"Tôi đã tìm thấy ở đây vài người Đông Dương mà với họ, tôi hy vọng làm được việc gì đó"[2].

Những hoạt động bước đầu đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm được chỗ dựa, hình thành được nhóm trung kiên để triển khai công việc. Từ việc nắm rõ những đặc điểm, tình hình đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam được thể hiện rõ trong báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã khẩn trương, chủ động và cẩn trọng tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng theo từng bước: tiếp xúc và tìm hiểu những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, để lập ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 2, tr. 4.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 2 , tr. 15.

nhóm bí mật làm hạt nhân (Báo cáo gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản ngày 19-2-1925):

"Chúng tôi đã lập một nhóm bí mật gồm 9 hội viên, trong đó có:

2 người đã được phái về nước.

3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc dân Đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản"[1].

Bước tiếp theo, Người tiến tới thành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng hơn nhằm tập hợp những thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Đó là tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập 6-1925. Được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình, trong *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng, tuyệt đối giữ bí mật hoạt động của hội. Hội được tổ chức thành 5 cấp: Tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ.

Mục đích của hội là:

> "Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại được độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr. 141.

thực hiện chủ nghĩa cộng sản)"[1].

Điều lệ của hội đề cập đến *Chương trình hoạt động* như kết nạp hội viên; tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ..., thành lập chính phủ nhân dân, đoàn kết với các giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản. *Điều lệ* còn quy định cụ thể về điều kiện vào hội, lề lối tổ chức, cơ cấu các cấp trung ương, xứ uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ, chi bộ, vấn đề tiến hành hội nghị thường kỳ của các cấp và hội nghị toàn quốc, kỷ luật và nhiệm vụ của hội viên...

Việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là một sáng tạo, có chủ đích của Nguyễn Ái Quốc. Đây là một tổ chức quá độ, phù hợp với điều kiện của Việt Nam khi đó, nhằm đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng mới vào phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta. Thông qua những hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thông qua phong trào vô sản hoá, luồng tư tưởng mới của thời đại đã xâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm thay đổi tính chất, chiều hướng của phong trào đấu tranh cách mạng, đưa đến sự thắng lợi của khuynh hướng vô sản. Thông qua những nội dung hoạt động của mình, hội đã thu hút đông đảo các lực lượng vào tổ chức cách mạng của mình, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến các tổ chức chính trị cùng thời khác.

---

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Các tổ chức tiền thân của Đảng,* Hà Nội, 1977, tr. 82.

Đã có một tổ chức, một điểm tựa, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị để chuẩn bị xây dựng một đội ngũ cán bộ làm nòng cốt cho việc tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về trong nước. Lớp học chính thức khai mạc cuối năm 1925 tại ngôi nhà số 13 và 13/1 (nay là nhà số 248 - 250), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Từ đầu năm 1926 đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa huấn luyện cho khoảng 75 người[1]. Người trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính. Chương trình học tập bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Thông qua huấn luyện, các học viên được vũ trang những vấn đề sơ giản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về những nguyên tắc hoạt động bí mật và kỹ năng thực hành các công tác vận động quần chúng... Sau này, những bài giảng của Người được tập hợp, hoàn thiện trong cuốn *Đường Kách mệnh.* Tuyệt đại bộ phận học viên học xong đều trở về nước và về Xiêm hoạt động. Họ đã trở thành những người tuyên truyền, tổ chức các tổ chức cách mạng trong nước và Việt kiều ở Xiêm.

Với tầm nhìn chiến lược, với vị thế cán bộ của Ban Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học Trường đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông ở Mátxcơva (Trường đại học Phương Đông) và Trường quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn và cử những thanh niên đi đào tạo, Người còn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 241.

muốn gửi những thiếu nhi độ tuổi từ 12-15 có mặt ở Quảng Châu, đang là "những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam" sang Mátxcơva để đào tạo, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam sau này.

Cùng với việc đào tạo đội ngũ cán bộ, Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, đồng thời là cây bút chủ chốt (số đầu tiên ra ngày 21-6-1925), có các chuyên mục: xã hội, bình luận, tin tức, diễn đàn, vấn đáp, phê bình, trả lời bạn đọc, v.v.. Những bài viết của báo *Thanh niên* đều ngắn gọn, lời văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu, thường đề cập những vấn đề chính: đế quốc và thuộc địa; cách mạng và cải lương; thực tiễn của cách mạng Việt Nam; đảng cách mạng và Đảng Cộng sản; cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới; cách mạng và mặt trận dân tộc thống nhất; học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, v.v.. Thông qua báo *Thanh niên*, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thống nhất về phương hướng và nội dung tuyên truyền giáo dục ở trong và ngoài hội.

Báo *Thanh niên* ra hằng tuần, bằng tiếng Việt. Từ tháng 6-1925 đến tháng 4-1927, báo ra được 88 số. Là tờ báo đầu tiên trong lịch sử báo chí cách mạng nước ta, báo *Thanh niên* đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư

tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam.

Tiếp theo tờ *Thanh niên,* Nguyễn Ái Quốc cùng các bạn chiến đấu của mình còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là: báo *Công nông* (từ tháng 12 - 1926 đến đầu năm 1928), bán nguyệt san *Lính cách mệnh* (từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928) và *Việt Nam tiền phong* cho những đối tượng hẹp hơn.

Cùng với việc xuất bản báo, Nguyễn Ái Quốc dành thời gian cho cuốn *Đường Kách mệnh*. Cuốn sách gồm những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927 được tập hợp và hoàn thiện. Cuốn sách được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản vào đầu năm 1927 để làm tài liệu học tập và tuyên truyền.

Đường Kách mệnh đề cập nhiều nội dung, trong đó Nguyễn Ái Quốc tập trung nêu rõ chuẩn mực đạo đức của những chiến sĩ cách mạng; giới thiệu tính chất, nội dung các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, như: Cách mạng Mỹ 1776, Cách mạng Pháp 1789, Cách mạng Nga 1917; giới thiệu về Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III, v.v.. Thông qua những nội dung này, Người chỉ rõ tư tưởng cách mạng triệt để: Muốn sống thì phải làm cách mạng và muốn làm cách mạng thành công phải có đảng lãnh đạo, có chủ nghĩa Mác - Lênnin làm nòng cốt, phải có phương pháp cách mạng, v.v., phải gắn cách mạng Việt Nam là

một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới. Từ *Đường Kách mệnh*, Người khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân chứ không phải của một vài cá nhân, vì vậy đoàn kết trong đảng, đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam... Phần cuối *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc dành giới thiệu các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản như Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Công hội.

Đường Kách mệnh là một trong những tác phẩm quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam sau này. Cùng với *Đường Kách mệnh* và báo *Thanh niên*, các tờ báo và nguyệt san bí mật được chuyển về Việt Nam, đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập bộ tham mưu tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam.

Trong những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thể hiện vai trò của người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Người tham gia những hoạt động giúp đỡ phong trào cách mạng các nước trong khu vực, đặc biệt là phong trào cách mạng của Trung Quốc những năm 1925-1927. Người đã cùng với các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện tích cực vận động thành lập

một tổ chức cách mạng có tính chất quốc tế - Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (9-7-1925), nhằm đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu, bị áp bức trong một tổ chức cách mạng để giải phóng đất nước khỏi ách thực dân, đưa các dân tộc bị nô lệ vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đối với phong trào cách mạng Trung Quốc, Người không chỉ bày tỏ thiện cảm, sự quan tâm và ủng hộ mà còn tham gia trực tiếp như một chiến sĩ quốc tế nồng nhiệt. Người tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân Quảng Đông (tháng 5-1925) và Hội nghị lần thứ hai đại biểu giai cấp công nhân Trung Quốc; tham gia đội diễn thuyết, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc với bí danh Lý Thụy và Vương Đạt Nhân... Thông qua những hoạt động thực tiễn đó, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một cách sinh động tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch (4-1927), những người cách mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Quốc đã trở thành đối tượng của sự khủng bố. Không thể tiếp tục ở lại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc chuyển đến Hương Cảng, nhưng mật thám Anh lại yêu cầu Người phải rời Hương Cảng. Người đi Thượng Hải, nhưng tại đây, Quốc dân Đảng cũng đang tiến hành những đợt khủng bố gắt gao, vì vậy, Người quyết định rời Thượng Hải trên một chiếc tàu buôn đi Vlađivôxtốc.

Tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva sau gần ba năm xa cách, tiếp tục làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Sau ít ngày nghỉ ngơi trên bãi biển Crưm, Người quay

trở lại Mátxcơva. Người bắt tay viết cuốn sách nhỏ *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, đúc kết kinh nghiệm cao trào cách mạng và các đảng cộng sản ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp, nêu tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của đảng trong nông dân, v.v.. Người cũng từ tìm hiểu, nghiên cứu và viết nhiều bài về Ấn Độ và được công bố vào năm 1928 như: *Phong trào công nhân ở Ấn Độ* (Inpreko, tiếng Pháp, số 37, 21-4-1928), *Sự bóc lột phụ nữ và trẻ em Ấn Độ* (Inpreko, tiếng Pháp, số 39, 14-4-1928), v.v.. Đặc biệt, trong bài viết *Sự thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương* đăng trên tập san *Thư tín quốc tế*, số 104, 1927, Nguyễn Ái Quốc đề cập bản chất sự kiện chính trị thời sự (xung đột Hoa - Việt ở Hải Phòng) của nước ta khi đó.

Trung tuần tháng 11-1927, Người được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12-1927, từ Pháp Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brúcxen (Bỉ). Sau khi mật thám Pháp phát hiện sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, Người quyết định thay đổi hành trình. Bí mật quay trở lại Đức vào trung tuần tháng 12-1927, và ở đây Người nhận làm phóng viên cho tờ báo *Thế giới (Die Welt*). Không lâu sau, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về hoạt động ở Đông Dương (25-4-1928). Ngày 21-5-1928, từ Béclin Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi các đồng chí trong

Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, báo tin về việc chuẩn bị lên đường và những việc đã làm[1].

Đầu tháng 6-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Béclin, bắt đầu cuộc hành trình để về gần Tổ quốc. Từ Đức, Người qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Thuỵ Sĩ - Italia, mặc dù bị cảnh sát gây khó dễ nhưng Người cũng vượt qua được và đi Milan, rồi từ Rôma, Người đến Napôli, đáp tàu thuỷ Nhật Bản đi Xiêm.

Từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm (từ năm 1938 gọi là Thái Lan), xây dựng lực lượng cách mạng trong Việt kiều yêu nước. Đầu tiên, Người tới Băng Cốc, từ đó, đi Bản Đôn (huyện Phì Chịt, tỉnh Phítxanuloốc). Để giữ bí mật, Người dùng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Thầu Chín, v.v.. Cuối tháng 7-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Phì Chịt đến vùng Đông Bắc Xiêm như Uđon Thani, Xa Vang, Na Khôn Pha Nôm, Noọng Khai, v.v., để xây dựng cơ sở, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào đấu tranh cách mạng, gây ảnh hưởng về trong nước.

Từ một thực tế Việt kiều sinh sống ở Xiêm phần nhiều là nông dân, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ, cho nên, trong thời gian ở đây, Người tiếp tục các hình thức hoạt động như ở Quảng Châu. Người hoà mình với đông đảo quần chúng, sống đời sống của quần chúng, làm những việc cùng với quần chúng, phát hành báo chí (đổi tên tờ báo *Đồng thanh* thành *Thân ái* và ra được hai số),

1. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd*, t. 1, tr. 391.

mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nắm tình hình trong nước và Quốc tế Cộng sản, dịch một sách mácxít phổ thông sang tiếng Việt (*Nhân loại tiến hoá sử, A.B.C chủ nghĩa cộng sản*, v.v..). Với sự hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến mới, tích cực. Các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Sự đoàn kết trong nội bộ Việt kiều, mối quan hệ thân thiện giữa Việt kiều và người Xiêm được tăng cường. Những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong Việt kiều đã có ảnh hưởng tốt về trong nước.

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc, lúc đó với tên gọi Thầu Chín từ Xiêm vượt sông Mê Kông ít nhất hai lần sang thị xã Xavănnakhẹt và bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn của Lào để nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân Lào, của bà con Việt kiều và khảo sát thực địa để tìm đường bí mật qua Lào về hoạt động tại Việt Nam[1]. Sau này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Người đã báo cáo về tình hình Lào và việc định trở về Việt Nam không thành:

> "Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ

1. Xem: Báo cáo kết quả đề tài khoa học cấp bộ: "*Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt - Lào*", lưu Kho tư liệu, Bảo tàng Hồ Chí Minh.

An Nam "Quốc dân đảng"[1].

Trong những năm 1928-1929, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Chủ nghĩa Mác - Lênin được Nguyễn Ái Quốc và những chiến sĩ tiên phong truyền bá về trong nước, cùng với phong trào "vô sản hoá" đã làm chuyển biến phong trào công nhân từ hình thức đấu tranh tự phát, đơn lẻ, chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế sang đấu tranh tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương. Sự phát triển cả bề sâu và bề rộng của phong trào cách mạng trong cả nước đã đặt ra một yêu cầu bức thiết, đòi hỏi sự lãnh đạo của một chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Trong bối cảnh đó, những phần tử tiên phong trong phong trào cách mạng đã nhận thức được tình hình, và đứng ra thành lập những tổ chức cộng sản đầu tiên vào nửa cuối năm 1929 đầu năm 1930.

Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, Hội nghị các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Thanh niên Bắc Kỳ đã họp, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, ra *Chính cương, Tuyên ngôn*, nêu rõ đường lối của Đảng là phải làm cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hành công - nông liên hiệp. Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng đã thúc đẩy phong trào cộng sản ở trong nước phát triển mạnh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 12.

Tiếp đến An Nam Cộng sản Đảng đã ra đời (8-1929) và đến tháng 10-1929, An Nam Cộng sản Đảng đã họp tại Sài Gòn, cử ra Ban lâm thời chỉ đạo của Đảng và ra Điều lệ.

Trong quá trình chuyển hoá chung dưới tác động của luồng gió cách mạng của thời đại theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trực tiếp là tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, phong trào công nhân, nhất là của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam nghĩa đoàn - một tổ chức yêu nước tiến bộ theo khuynh hướng quốc gia, đã trải qua nhiều biến thiên và cải tổ, thay đổi tên nhiều lần: Việt Nam nghĩa đoàn đổi tên thành Hội Phục Việt rồi đến Hưng Nam và Việt Nam cách mạng Đảng, đến tháng 7-1928 gọi là Tân Việt cách mạng Đảng. Từ khi tổ chức này tiếp cận và tiếp nhận sự giáo dục chính trị của Thanh niên đã bắt đầu khuynh hướng tả, càng về sau càng chuyển biến mạnh mẽ. Sau các hội nghị của đảng viên cốt cán, tháng 9-1929 những đảng viên ưu tú trong Đảng Tân Việt ra tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn[1].

Như vậy, trong nước đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản, đều ra *Tuyên ngôn, Chính cương* và *Điều lệ*, đều khẳng định mục tiêu đấu tranh cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đều tuyên bố đi theo chủ nghĩa cộng sản, đều muốn được Quốc tế Cộng sản công nhận. Sự tồn tại ba tổ chức

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, *Sđd*, tr. 289 và Trần Văn Giàu: *Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,* 1993, tr.153.

cộng sản biệt lập, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau trong một đất nước, đã dẫn đến nguy cơ chia rẽ, phân liệt của phong trào đấu tranh cách mạng. Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc này là phải chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản, thống nhất các tổ chức đó thành một đảng cộng sản duy nhất trong cả nước. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ phân liệt sẽ gây bất lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng ở Việt Nam, ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản đã ra chỉ thị, nêu rõ:

> "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"[1].

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, không biết tới nội dung bản chỉ thị ngày 27-10-1929 của Quốc tế Cộng sản, tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng nguy cơ phân liệt, "với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương"[2], Người gấp rút đi Hồng Kông, gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. 614.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 12.

các tổ chức cộng sản. Với quyết định chủ động và kịp thời này, cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm và ngày 23-12, Người đến Trung Quốc, gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây để tìm hiểu thêm tình hình. Sau đó, Người đi Hồng Kông, chuẩn bị công việc cho hội nghị hợp nhất.

Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6-1-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự hội nghị có các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh; An Nam Cộng sản Đảng là Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa cử được đại biểu tới dự. Tham gia giúp việc hội nghị là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Hội nghị hợp nhất diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.*

Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam vạch rõ tính chất, nhiệm vụ, đối tượng của cách mạng Việt Nam, trong đó xác định rõ chủ trương của những người cộng sản là làm "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng* để đi tới *xã hội cộng sản*. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng lúc này là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập; dân

chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hoá; quốc hữu hoá tất cả các xí nghiệp của tư bản đế quốc; dựng ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông; thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thi hành luật ngày làm 8 giờ, v.v..

Sách lược vắn tắt của Đảng nêu rõ:

> 1. "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
>
> 2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến"[1].

Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Đồng thời Sách lược vắn tắt nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác giai cấp của Đảng là: khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công - nông mà đi vào đường lối thoả hiệp. Đảng phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Chương trình tóm tắt của Đảng nêu rõ Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản, có nhiệm vụ "tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến"[1]; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; liên kết những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, v.v..

Điều lệ vắn tắt của Đảng nêu rõ tôn chỉ, mục đích của Đảng là lãnh đạo quần chúng đấu tranh để "tiễu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa thực hiện xã hội cộng sản"[2]; quy định thể thức gia nhập Đảng; hệ thống tổ chức; trách nhiệm của đảng viên; quyền lợi đảng viên; các cấp đảng chấp hành uỷ viên; kinh phí; kỷ luật của Đảng.

Hội nghị hợp nhất cũng đã thảo luận và quyết định các phương châm và kế hoạch tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, về cách cử ra một Ban Trung ương lâm thời. Trong ngày làm việc cuối cùng, hội nghị đã quyết nghị về việc xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo để tuyên truyền.

Sau hội nghị, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam, viết *Lời kêu gọi* gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột phải đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng để giành được độc lập; thành lập Chính phủ công - nông binh và tịch

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.4, 5.

thu tất cả các nhà hàng, cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho chính phủ; tiến tới quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của đế quốc và địa chủ phản cách mạng chia cho nông dân nghèo; thực hiện ngày làm 8 giờ, v.v.. *Lời kêu gọi* là một trong những văn kiện quan trọng của hội nghị hợp nhất. Nó xác định rõ đường lối, mục tiêu, phương châm của cách mạng Việt Nam trước mắt và lâu dài, đó là: "Làm cho nước An Nam được độc lập. Thành lập Chính phủ công - nông -binh"[1]. Ngày 8-2-1930, các đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng đã về nước. Sau đó, ngày 24-2-1930, một hội nghị quan trọng được tổ chức tại Sài Gòn để xem xét yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản của Đông Dương Cộng sản liên đoàn và nhất trí công nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất trong một đảng duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam. *Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ lịch sử trọng đại của mình*. Thành công của hội nghị và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng, tính chủ động, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và trí tuệ của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 2, tr.16.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp, có giá trị như một đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước: thời kỳ giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo phong trào cách mạng. Đường lối đúng đắn của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất đã quyết định nội dung, phương pháp, bước đi của cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, cùng các dân tộc bị áp bức, đấu tranh giải phóng dân tộc, xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần giải phóng loài người khỏi bóc lột và bất công.

Việc tổ chức thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và việc soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện sự sáng tạo của mình trong cả hoạt động lý luận và thực tiễn. Đánh giá về sự kiện trọng đại này trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

> "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 8.

Chương IV

LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1930 -1945)

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở đầu một thời kỳ mới, vô cùng oanh liệt trong lịch sử dân tộc. Lúc này, dù đang hoạt động ở nước ngoài, trên cương vị là người đại diện Ban Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc giữ liên lạc chặt chẽ với Quốc tế Cộng sản, đồng thời theo dõi chặt chẽ phong trào cách mạng trong nước. Ngày 27-2-1930, Người viết thư gửi đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, báo tin Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập, đề nghị công bố trên báo *Nhân đạo* (*L'Humanité)* và tập san *Thư tín quốc tế* (*Inprecor) Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp cho biết tên những con tàu chạy tuyến đường Pháp - Viễn Đông, có các đồng chí cộng sản Pháp làm việc trên đó để bắt liên lạc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc viết: Chưa thể về nước, không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, vì đang chịu "một cái án tử hình vắng mặt".

Ngày 28-2-1930, Người viết thư gửi các đồng chí Liên Xô yêu cầu cung cấp tài liệu để Người viết một cuốn sách

tuyên truyền về nước Nga Xôviết với nhan đề: *Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi*. Khoảng cuối năm, cuốn *Nhật ký chìm tàu* của Người đã xuất hiện ở Việt Nam, sau đó được in lại, phổ biến rộng rãi trong cao trào cách mạng Xôviết Nghệ Tĩnh. Nhân dịp đoàn đại biểu Việt Nam sắp đến Liên Xô dự Đại hội Công hội lần thứ V, ngày 5-9-1930, Người viết thư gửi các học sinh Việt Nam ở Liên Xô, nhắc nhở việc xây dựng khối đoàn kết giữa những học sinh ở Liên Xô với các đại biểu, nhằm "chớ để người ta trông thấy sự phân biệt trí thức và vô sản"[1].

Cuối 1929, Trần Phú rời Liên Xô trở về nước hoạt động và ngày 8-2-1930 đồng chí đã về tới Sài Gòn. Đầu tháng 4-1930, Trần Phú gặp Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông, báo cáo với Người về nội dung Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928), về nhóm học sinh Việt Nam tại Liên Xô và tình hình Liên Xô hiện tại. Trong cuộc gặp đó, Nguyễn Ái Quốc cũng thông báo với Trần Phú kết quả Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cương vị là đại diện Ban Phương Đông, Người phân công Trần Phú, Ngô Đức Trì về nước hoạt động và gửi thư giới thiệu hai người với Ban Chấp hành Trung ương lâm thời trong nước.

Theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, cuối tháng 4-1930, Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm và Malaixia. Đến Đông Bắc Xiêm (Thái Lan ngày nay), Người báo tin cho một số đồng chí ở đây biết các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr. 40.

gian khoảng chừng một tháng ở đây, Người còn làm những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao. Cuối tháng 4, Người đến Malaixia làm nhiệm vụ và sau khi thoát khỏi cuộc vây bắt ở Xinhgapo (lúc đó thuộc Malaixia), vào cuối tháng 5-1930, Người quay trở lại Hồng Kông. Tại đây Người đã nhận được tin tức về phong trào cách mạng trong nước, cùng những báo cáo về hoạt động của Đảng trong quần chúng công nhân, binh lính và bà con người Việt Nam ở Thượng Hải.

Tại Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc họp với Nguyễn Lương Bằng, Hồ Tùng Mậu, Đỗ Ngọc Du và Lưu Quốc Long[1],... hướng dẫn họ cách vận động cách mạng trong binh lính, làm báo *Kèn gọi lính.* Người còn giới thiệu đồng chí Nguyễn Lương Bằng với đồng chí Thái Sướng, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, để được giúp đỡ trong công tác binh vận ở Thượng Hải. Vào cuối tháng 9-1930, Nguyễn Ái Quốc báo cáo với Quốc tế Cộng sản về việc cố gắng thu xếp "một cuộc họp của Trung ương để quyết định mọi việc"[2] và đến tháng 10-1930, Người tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hồng Kông. Hội nghị quyết định thông qua: Dự thảo *Luận cương cách mạng tư sản dân quyền* do Trần Phú soạn thảo, đổi tên Đảng thành

1. *Anh cả Nguyễn Lương Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 41.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 51 - 52.

Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng phát triển mạnh, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh. Phong trào bùng nổ từ tháng 5, nhưng phát triển đến đỉnh cao ở Nghệ An, Hà Tĩnh vào các tháng 9, 10 và kéo dài sang đầu năm 1931. Trước sự phát triển của phong trào, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư, báo cáo cho Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Nông dân[1], đề nghị giúp đỡ các nạn nhân bị khủng bố, đồng thời nhấn mạnh việc phải làm cho nông dân hiểu rõ: Cần tiến hành kết hợp đấu tranh kinh tế với chính trị, làm cách mạng ruộng đất "chứ không phải để tiến hành một cuộc khởi nghĩa địa phương"[2].

Nhấn mạnh việc phải ra sức củng cố và phát triển đảng, ngày 20-4-1931, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, yêu cầu phải tăng cường phát triển lực lượng của Đảng cho đều khắp cả Bắc - Trung - Nam, chú trọng phát triển các tổ chức Công hội, Nông hội, Mặt trận... và gửi thư cho Đảng Cộng sản Đông Dương, phê bình trong cách khai hội, cách thảo luận, trong vấn đề công tác và vấn đề chậm đổi tên đảng tại Hội nghị xứ uỷ Trung và Bắc kỳ. Người yêu cầu:

"Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ

1. Báo cáo các ngày 29-9-1930, 24-1-1931, 9-2-1931 và 5-11-1930.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 567.

phải thảo luận Chỉ thị của Quốc tế thứ ba và Nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra Nghị quyết về những Nghị quyết và Chỉ thị nói trên... Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên, tất cả Chỉ thị và Nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất"[1].

Đồng thời Người thẳng thắn phê bình Đảng còn kém đường bí mật công tác, nhắc nhở Đảng phải tìm cách bảo vệ cán bộ, không để địch tìm cách "túm mòn" hết cán bộ và phải biết tự đặt câu hỏi "Vì sao mà bị lộ để suy nghĩ, và tìm cách sửa đổi". Trong các bức thư gửi Quốc tế Cộng sản và các bài viết kêu gọi ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là Xôviết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tóm tắt tình hình địa lý, nhân văn, hành chính và phong trào cách mạng của hai tỉnh, tố cáo những thủ đoạn đàn áp dã man của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều. Không chỉ làm hết sức mình để kêu gọi các tổ chức quốc tế, các đảng anh em có những hình thức đấu tranh phối hợp ủng hộ, giúp đỡ phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh về mọi mặt, góp phần ngăn chặn sự đàn áp đẫm máu của bọn đế quốc đối với phong trào, mà Người còn nhấn mạnh: "Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu "đỏ"[2].

Thông qua những báo cáo của Người, Quốc tế Cộng sản nắm được tình hình phong trào đấu tranh cách mạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 3, tr. 75 - 76.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 71.

của nhân dân Việt Nam. Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đánh giá cao cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta, (đặc biệt là Xôviết Nghệ Tĩnh) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời đánh giá công lao, uy tín của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này. Tại phiên họp ngày 11-4-1931, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhất trí quyết nghị: Công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương từ nay là một chi bộ độc lập thuộc Quốc tế Cộng sản.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Đông Dương và sự cấu kết của bọn đế quốc trong việc bắt bớ, giam cầm các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam ở trong và ngoài nước (Trần Phú, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng... bị bắt cuối tháng 3-1931), Nguyễn Ái Quốc báo cáo về Văn phòng Ban Phương Đông, đề nghị được chuyển công tác lên Thượng Hải khi tình hình diễn biến ngày càng xấu đi, song đề nghị chưa kịp thực hiện, thì ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi khi đó là Tống Văn Sơ) bị bắt tại số nhà 186, phố Tam Kung[1] (Cửu Long, Hồng Kông). Ngày 15-6-1931, Hile Nulen, người phụ trách Văn phòng chi nhánh Ban Phương Đông tại Thượng Hải cũng bị sa lưới kẻ thù.

Trước sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt, nhiều tờ báo tại Pháp đưa tin: "Người Anh đã bắt giữ ở Thượng Hải, nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc" (báo *Nhân đạo (L'*

1. Theo tài liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh mới sưu tầm và khảo sát thực địa năm 2007, đây là phố Tam Kung, chứ không phải là phố Tam Lung như sách báo trước đây viết.

Humanité), 1931)", "Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Trung Quốc", (báo *Bạo động* tại Pari, 15-8-1931)... Các tổ chức cách mạng của ta ở trong nước qua tờ *Tin nhanh thuộc địa* (*La Dépêche Coloniale)* và *Dư luận* (*Opinion)* cũng đã biết được tin dữ này. Thực dân Pháp rất hí hửng, chúng tâng bốc nhau và tâng bốc đế quốc Anh khi bắt được Nguyễn Ái Quốc. Anh và Pháp có kế hoạch, mặc cả trong việc giam giữ, dẫn độ không trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc, vì theo Toàn quyền R. Rôbanh (R. Robin), thì việc "trả lại tự do cho một người cực kỳ hăng hái và nguy hiểm này là một việc mạo hiểm cần phải tránh bằng bất cứ giá nào"[1].

Tuy nhiên, đế quốc Anh và thực dân Pháp đã không thể thực hiện được kế hoạch đó. Biết Nguyễn Ái Quốc bị bắt, Quốc tế Cộng sản thông qua Quốc tế cứu tế đỏ đã yêu cầu luật sư Lôdơbi (F.H. Loseby), một luật sư tiến bộ người Anh khi đó là Chủ tịch công ty luật gia ở Hồng Kông giúp đỡ. Thời gian Tống Văn Sơ bị giam giữ cũng đồng thời là khoảng thời gian nước rút của cuộc đua giữa một bên là gia đình luật sư và những người bảo vệ Tống Văn Sơ, một bên khác là sự cấu kết, có điều kiện của mật thám Anh và Pháp muốn hãm hại Người. Dưới sức ép của dư luận, của những phương tiện thông tin báo chí, luật sư Lôdơbi đã đưa vụ án Tống Văn Sơ ra xử trước Pháp viện tối cao. Lần đầu tiên trong lịch sử thuộc địa, Toà án tối cao

1. *Báo cáo của Toàn quyền R. Rôbanh gửi Bộ thuộc địa Pháp*, ngày 8-6-1931, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

phải xét xử một bản án chính trị. Tính chất đặc biệt của vụ án, sự giúp đỡ cùng tài trí của luật sư và người cộng sự, sự thông minh và nhất quán trong từng câu trả lời của Tống Văn Sơ đã buộc toà án phải xét xử Người một cách công khai. Kéo dài tới 9 phiên, phiên thứ nhất (1-8-1931), diễn ra trong không khí căng thẳng, quyết liệt, đến phiên cuối cùng (19-9-1931), nhưng việc đòi trả tự do cho Tống Văn Sơ không được giải quyết dứt điểm. Luật sư cùng người cộng sự đã quyết định chống án lên Viện Cơ mật Hoàng gia Anh. Tiền án phí và những thủ tục bắt buộc cho việc kháng án đã được luật sư lo liệu đầy đủ. Hai người bạn của ông là luật sư Đenit Noen Pơrit (Denis Noel Pritt) và Stafo Crip (Stafford Cripps) đã nhận lời giúp đỡ Tống Văn Sơ. Nhờ sự nỗ lực của luật sư Stafo Crip, Toà án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đã đồng ý trả tự do cho Tống Văn Sơ. Song khi đi đến Xinhgapo, lấy cớ Tống Văn Sơ đi vào thuộc địa không có giấy phép, Người lại bị bắt giam.

Một lần nữa gia đình luật sư Lôdơbi lại bênh vực và cứu Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù. Kế hoạch di chuyển và bí mật tổ chức cho Tống Văn Sơ trốn đã được vạch ra. Sau một thời gian tạm lánh bí mật trong vai một nhà buôn lớn đi nghỉ, khi thì ở tạm trong Ký túc xá Thanh niên Thiên Chúa giáo Trung Hoa (Chinese YMCA), số 23 phố Oatéclô (Waterloo), Cửu Long, có khi ở ngay trong nhà của luật sư Lôdơbi, ngày 22-1-1933, với sự giúp đỡ của gia đình luật sư cùng những người bạn và Thống đốc Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ đã bí mật rời

Hồng Kông đi Hạ Môn. Đến Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến), Nguyễn Ái Quốc dừng lại ăn Tết âm lịch.

Khoảng mùa hè năm 1933, khi tình hình về vụ án Tống Văn Sơ có dấu hiệu lắng xuống, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Hạ Môn lên Thượng Hải, tìm cách bắt liên lạc với những đồng chí của mình. Cũng vào mùa hè năm 1933, được bà Tống Khánh Linh giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc gặp Pôn Vayăng Cutuyariê "trong chuyến anh sang Viễn Đông với tư cách đại biểu và người tổ chức Hội nghị vì hoà bình và chống chiến tranh đế quốc"[1]. Nhờ đồng chí Pôn Vayăng Cutuyariê, Người chắp được liên lạc với đoàn thể. Vượt qua những tháng ngày đầy sóng gió, mùa xuân 1934, Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải đi Vlađivôxtốc (Liên Xô), trở về với quê hương của Cách mạng Tháng Mười. Tháng 6-1934, sau một thời gian dừng lại Vlađivôxtốc để hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Liên Xô, vượt đường xe lửa xuyên Xibia, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva. Người muốn bắt tay ngay vào công việc, nhưng các đồng chí lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đề nghị Người đi an dưỡng một thời gian để phục hồi sức khoẻ. Tại nơi nghỉ an dưỡng ở Xôchi, trên bờ biển Đen, Nguyễn Ái Quốc viết thư nhờ các đồng chí ở Mátxcơva gửi ngay sách báo mới, để Người vừa nắm được những thông tin về tình hình cách mạng trong nước và thế giới trong mấy năm qua, vừa tập luyện phục hồi sức khoẻ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr.88.

Tháng 10-1934, Nguyễn Ái Quốc vào học Trường Quốc tế Lênin, nơi bồi dưỡng lý luận dành riêng cho cán bộ các đảng anh em. Quyết định của Ban kiểm tra tư cách học viên của nhà trường ghi: "Nhận đồng chí Lin thuộc Đảng Cộng sản Đông Dương vào Trường Quốc tế Lênin, số hiệu 375, niên khoá 1934-1935"[1], kèm theo Quyết định số 45 do Phó Giám đốc trường là Lidốpxki và Chánh văn phòng Makinnhe ký. Tại đây, Người học đầy đủ các môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, với phương pháp học tập chủ yếu là tự nghiên cứu và thảo luận, kết hợp đi khảo sát thực tế. Được học tập tại trường, nhưng Nguyễn Ái Quốc không quên trách nhiệm bồi dưỡng lý luận cho những cán bộ, đảng viên ở trong nước. Trong bức thư ngày 16-1-1935, gửi cho Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, Người nêu rõ tình trạng thiếu lý luận cách mạng của đại đa số cán bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, Trung Quốc, Thái Lan... và những vấp váp, sai lầm của họ do tình trạng thiếu lý luận gây nên. Qua đó, Người yêu cầu Ban Phương Đông:

> "Phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thụ được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có"[2].

---

1. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.2, tr. 56.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 84 - 85.

Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc cũng đề nghị cho xuất bản những cuốn sách nhỏ "đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu với quần chúng", với các nội dung về *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, Đảng Cộng sản và tổ chức của Đảng, lịch sử Quốc tế Cộng sản, lịch sử các tổ chức Quốc tế Cộng sản như Thanh niên, Công hội, Nông hội,... để giúp các cán bộ, đảng viên chấm dứt tình trạng lạc hậu về lý luận, tránh được những sai lầm, thất bại đau đớn.

Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản với tư cách là đại biểu tư vấn, với Thẻ dự Đại hội số 154, ghi tên Lin, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đồng chí Tổng Bí thư Quốc tế Cộng sản G. Đimitơrốp báo cáo về nguy cơ một cuộc tiến công của chủ nghĩa phátxít và những nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản, nhiệm vụ của cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa, cùng nhiều nội dung khác. Đại hội cũng đã thông qua Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1931, chính thức công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, và bầu đồng chí Lê Hồng Phong vào Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Những nghị quyết của đại hội là sự chuyển hướng có ý nghĩa quan trọng với phong trào cách mạng thế giới nói chung và phong trào cách mạng Việt Nam nói riêng, đặc biệt là vấn đề phải hình thành cho được một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc, đòi dân chủ, cơm áo, hoà bình, khắc phục tư tưởng tả khuynh, hẹp hòi của Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản, năm 1928.

Sau đại hội, Nguyễn Ái Quốc dặn đồng chí Lê Hồng Phong khẩn trương thu xếp công việc, về nước để truyền đạt cho Trung ương Đảng ta những nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, để từ đó điều chỉnh những nghị quyết của Đại hội Ma Cao, khắc phục tư tưởng tả khuynh hẹp hòi, bảo thủ; đề phòng tư tưởng hữu khuynh, thoả hiệp vô nguyên tắc trong khi hợp tác với các lực lượng khác mà xa rời mục tiêu chống đế quốc và phong kiến. Mùa hè 1936, cùng với việc chuẩn bị cho các đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn về nước, Người đã căn dặn và nhấn mạnh việc hai đồng chí nhất định phải chuyển đến đồng chí Lê Hồng Phong ba ý kiến quan trọng sau:

a. Ban Chấp hành Trung ương cần sớm chuyển về trong nước để chỉ đạo phong trào.

b. Phải củng cố sự đoàn kết vững chắc trong đảng, giữa bộ phận trong nước và nước ngoài, kiên quyết không được thoả hiệp với bọn Tờrốtxkít.

c. Thành lập cho được Mặt trận dân tộc dân chủ, thu hút mọi lực lượng yêu nước tán thành cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ nhưng không được hy sinh quyền lợi của Đảng và giai cấp.

Kết thúc khoá học tại Trường Quốc tế Lênin, Người được nhận vào công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ở nhà số 25, đại lộ Tvécxkaia, Mátxcơva. Cuối năm 1936[1], Người trúng tuyển vào lớp

1. Thư của Vaxiliêva, chuyên viên của Quốc tế Cộng sản về Đông Dương, ngày 17-11-1936, có đoạn viết: Chứng thực đồng chí

nghiên cứu sinh, ngành lịch sử của Viện. Giữa năm 1937, Người dự kỳ thi học kỳ I của lớp nghiên cứu sinh đạt kết quả tất cả các môn học, trong đó có môn đạt điểm xuất sắc. Tuy nhiên, khi Chiến tranh thế giới thứ hai ngày một lan rộng, lò lửa chiến tranh ở khu vực Thái Bình Dương xuất hiện, Nguyễn Ái Quốc không thể yên tâm ngồi học để hoàn thành luận án, Người nóng lòng được trở về nước hoạt động.

Để thực hiện nguyện vọng của mình, ngày 6-6-1938, Người (ký tên Lin) gửi thư cho Quốc tế Cộng sản bày tỏ nguyện vọng về nước hoạt động. Nữ đồng chí Vaxiliêva, Trưởng khoa Phương Đông, đặc trách khu vực Đông Dương của Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc và viết thư đề nghị Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản ủng hộ nguyện vọng của Người, trong đó ghi rõ:

> "Đồng chí Lin là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, là người có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy"[1].

Nguyễn Ái Quốc đang là nghiên cứu sinh và là giáo viên của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Tư liệu lưu Kho lưu trữ lịch sử chính trị - xã hội Nga, ký hiệu: 455.201-1-141.

1. Tư liệu lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, ký hiệu: 495.74.261, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Quốc tế Cộng sản đã tổ chức một cuộc họp bí mật[1], trong đó có sự tham gia của các đồng chí G. Đimitrốp, Tổng Bí thư Quốc tế Cộng sản và đồng chí Vaxin Côlarốp ra chỉ thị về công tác cho Nguyễn Ái Quốc. Sau đó, Quốc tế Cộng sản đã ra Quyết định số 60 (mật): *"Sinh viên mang số hiệu 19 (Lin) từ ngày 29-9-1938 đã rời khỏi biên chế của Viện (về nước)*".

Đầu tháng 10-1938, Người đáp xe lửa từ Mátxcơva đi về phương Đông. Vượt qua biên giới Xô - Trung, Nguyễn Ái Quốc đến Urumsi[2] rồi đi Lan Châu[3]. Tại đây, Người được Văn phòng Bát lộ quân chuẩn bị cho một chứng minh thư Trung Quốc, mang tên Hồ Quang, cấp bậc thiếu tá.

Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc trong bối cảnh tình hình có nhiều thay đổi: Đảng Cộng sản Trung Quốc lập lại Mặt trận thống nhất, hợp tác với Quốc dân Đảng cùng chống Nhật. Từ Lan Châu, Người đã đi Tây An theo đường dây của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó đến Diên An - căn cứ đầu não của 18 vạn quân cách mạng và 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Sau hai tuần ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc quay lại Tây An, đi xuống

---

1. Theo bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi gặp gỡ thân mật với Đoàn Chủ tịch Quốc hội Bungari trong chuyến Người đi thăm Bungari tháng 8-1957, đăng trên báo *Sự nghiệp công nhân* (Rabotnichesko Delo), cơ quan Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bungari, số 227, ngày 15-8-1957.

2. Urumsi là thủ phủ của Tân Cương, Thiểm Tây.

3. Lan Châu là thủ phủ của Cam Túc.

Quảng Tây, tìm cách về gần Tổ quốc. Dừng chân tại Quế Lâm (Quảng Tây), Nguyễn Ái Quốc, với bí danh Hồ Quang, làm việc tại Văn phòng Bát lộ quân (đóng ở 96, đường Trung Sơn Bắc, Quế Lâm), đồng thời tìm cách liên lạc với trong nước.

Trong thời gian này, Người viết nhiều báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, như: *Về những chỉ thị mà tôi có thể nhớ và truyền đạt lại* (năm 1939); *Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản* (tháng 7-1939), báo cáo về tình hình hiện tại của mình, về tình hình chính trị ở Đông Dương từ năm 1936-1938; *Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản* (tháng 7-1940), nêu những thông tin về địa lý, dân tộc, đồng thời khẳng định chỉ có Đảng Cộng sản là chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và tính chất quần chúng", thông báo về tình hình của bản thân và tình hình chính trị ở Đông Dương.

Từ tháng 2-1939, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài dưới tiêu đề: "*Thư từ Trung Quốc*", tập trung nêu lên họa xâm lược của bọn phátxít Nhật ở Trung Quốc và các quốc gia châu Á, đồng thời nêu rõ những hoạt động phá hoại của bọn Tờrốtxkít ở Trung Quốc, qua đó gián tiếp báo động về những hoạt động của chúng ở Việt Nam, nhằm nhắc nhở, giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần cảnh giác, không thoả hiệp với chúng trong bất cứ vấn đề nào. Cùng với những bài báo, Nguyễn Ái Quốc còn gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản,

nêu những ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ thực hiện Mặt trận dân chủ Đông Dương:

- Về khẩu hiệu đấu tranh: Lúc này Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao, như độc lập dân tộc mà chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do hội họp, tự do tổ chức,... đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.

- Về công tác mặt trận: Phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương và giai cấp tư sản dân tộc. "Tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng".

- Về vai trò lãnh đạo của Đảng: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo".

- Về giáo dục nội bộ: "Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ văn hoá và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ".

- Về quan hệ quốc tế: "Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp", "với Mặt trận nhân dân Pháp", vì mặt trận này "có thể giúp rất nhiều cho ta"[1].

Sau đó, Người báo cáo Quốc tế Cộng sản những ý kiến về đường lối mà Người đã truyền đạt cho Trung ương Đảng ta và tình hình công việc của Người trong 9 tháng qua như: làm phiên dịch tin tức, viết sách nói về *Khu vực đặc biệt*, và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị, quân sự ở Trung Quốc.

Tháng 2-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm, tham gia lớp huấn luyện du kích tại Nam Nhạc thuộc Hành Dương, tỉnh Hồ Nam. Sau 7 tháng ở Hồ Nam, khoảng sau ngày 20- 9-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Hồ Nam trở về Quế Lâm và đi Long Châu (một huyện nằm ở biên giới Việt - Trung, tỉnh Quảng Tây) để bắt liên lạc với người từ trong nước sang, nhưng không gặp được. Không bắt được liên lạc với đại diện của Trung ương, trong khoảng thời gian từ tháng 10-1939 đến cuối tháng 11-1939, Người di chuyển liên tục (Quế Lâm - Liễu Châu- Long Châu[2]- Quý Dương[3] - Côn Minh[4] - Trùng Khánh). Tại Trùng Khánh, Nguyễn Ái Quốc thường đến Văn phòng Bát lộ quân đóng tại thôn Hồng Nham và gặp gỡ Chu Ân Lai.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 138 - 139, 141.
2. Quế Lâm, Liễu Châu, Long Châu thuộc tỉnh Quảng Tây.
3. Quý Dương là thủ phủ của tỉnh Quý Châu.
4. Côn Minh là thủ phủ của tỉnh Vân Nam.

Vào khoảng nửa cuối tháng 11-1939, Nguyễn Ái Quốc tìm đường đi Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam. Tại Côn Minh, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương đã được lập lại do đồng chí Phùng Chí Kiên phụ trách. Tin tức từ trong nước đến Côn Minh rất đều đặn. Tại Côn Minh, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí trong Tỉnh ủy Vân Nam, Người bắt được liên lạc với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng ta. Cuối tháng 2-1940, Nguyễn Ái Quốc gặp đồng chí Phùng Chí Kiên tại nhà ông Tống Minh Phương, số 77, đường Kim Bích, thành phố Côn Minh.

Trao đổi với tổ chức đảng ở Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc đề nghị đổi tên tờ *Truyền tin* thành *Đ.T.* Tháng 4-1940, Người đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng dọc tuyến đường xe lửa Côn Minh - Hà Khẩu. Lúc này, Người sử dụng giấy giới thiệu của Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội, cho hoạt động hợp pháp để đi Nghi Lương, Khai Viễn, Chỉ Thôn. Đầu tháng 6-1940, Nguyễn Ái Quốc với bí danh đồng chí Vương đến Thuý Hồ gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp từ trong nước sang. Sau đó ít ngày, với bí danh Hồ Quang, Người giới thiệu các đồng chí Cao Hồng Lĩnh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đi học chính trị dài hạn ở Diên An, nhưng sau đó kịp thời hoãn lại vì tình hình thế giới có nhiều biến động. Ở Côn Minh, nghe tin phátxít Đức tấn công Pháp (15-6-1940), Chính phủ Pêtanh chấp nhận mọi điều kiện đầu hàng (22-6-1940), tạo ra những điều kiện mới cho sự phát triển của phong trào cách

mạng, Nguyễn Ái Quốc quyết định triệu tập cuộc họp tại trụ sở báo *Đ.T*. Tại cuộc họp, Người nhấn mạnh:

> "Đây là thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước để tranh thủ nắm thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng"[1].

Hội nghị tán thành ý kiến của Người và quyết định: Tìm mọi cách về nước.

Cuối tháng 6-1940, Người cử đồng chí Trần Văn Hinh đi Diên An để thiết lập mối quan hệ với quốc tế. Còn Người đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cuối tháng 7-1940, Người trở lại Côn Minh, định trở về nước theo hướng Côn Minh - Lào Cai nhưng không thực hiện được. Trong khi đó, tháng 9-1940, Nhật tiến hành xâm lược nước ta, thực dân Pháp hoàn toàn không kháng cự, dâng nước ta cho Nhật. Từ đây, nhân dân ta một cổ phải chịu hai tròng áp bức. Tháng 10-1940, Nguyễn Ái Quốc lại cùng một số đồng chí rời Côn Minh đi Quế Lâm (Quảng Tây) tìm đường trở về nước theo hướng mới. Tại đây, để có danh nghĩa hoạt động, Người cho lập lại *Việt Nam độc lập đồng minh* - tổ chức chính trị chống đế quốc của người Việt Nam (được phép chính quyền Tưởng Giới Thạch cho thành lập từ năm 1935 tại Nam Kinh), và mời ông Hồ Học Lãm làm Chủ nhiệm Văn phòng hải ngoại của tổ chức.

---

1. Vũ Anh: *Bác Hồ về nước*, Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng, 1986, tr. 14-15.

Trước những biến động của tình hình thế giới, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (tháng 11-1940) và chỉ rõ: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lĩnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"[1]. Hội nghị quyết định: Tiếp tục duy trì đội du kích Bắc Sơn, hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ, chắp nối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và bộ phận hải ngoại của Đảng. Công việc trọng yếu này giao đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách.

Thời kỳ này, để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc đối với cách mạng Việt Nam, với bút danh Bình Sơn, Nguyễn Ái Quốc viết 12 bài đăng trên *Cứu vong nhật báo* (Trung Quốc) như: *Ông-trôi-có-mat*" (15-11-1940), tố cáo Pháp - Nhật, ca ngợi tình đoàn kết của nhân dân Trung Quốc và Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Nhật - Pháp; *Ca dao Việt Nam và cuộc kháng chiến của Trung Quốc* (4-12-1940), đưa tin nhân dân Việt Nam chi viện mọi mặt cho cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc; *Mắt cá giả ngọc trai* (5-12-1940), tố cáo Nhật cho tay chân đóng giả nhân dân Trung Quốc để dò la tin tức... Đồng thời, Người cũng viết nhiều bài tuyên truyền về sự chi viện của nhân dân Việt Nam cho cuộc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd,* t. 7, tr. 58.

kháng chiến của nhân dân Trung Quốc, coi "cứu Trung Quốc là tự cứu mình".

Hạ tuần tháng 12-1940, Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ rời Quế Lâm đi xuống Tĩnh Tây (Quảng Tây). Vài ngày sau Tết dương lịch năm 1941, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Tân Khư (Tĩnh Tây). Thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí báo cáo với Người tình hình trong nước, những công việc đang thực hiện và kế hoạch chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ tám, đồng thời đề nghị Người nên chọn hướng Cao Bằng để về nước. Mấy ngày sau, Người cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường, qua Nậm Bo xuống Nậm Quang (sát biên giới Việt - Trung). Tại Nậm Quang, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam. Chương trình của lớp học rất thiết thực, với các nội dung cơ bản như: Tình hình quốc tế, trong nước; tổ chức đoàn thể quần chúng; cách thức tổ chức, huấn luyện đấu tranh. Người cũng căn dặn các học viên trong mối liên hệ với dân có 5 điều nên làm và 5 điều nên tránh. Các tài liệu do Người tổ chức biên soạn và giảng dạy, sau đó được in litô thành sách *Con đường giải phóng*.

Lớp huấn luyện kết thúc vào khoảng giáp Tết âm lịch. Người cùng Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Thế An và Hoàng Văn Lộc cũng chuẩn bị gấp rút về nước. Ngày 1-1 Tết Tân Tỵ (năm 1941), Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí trong đoàn đi chúc Tết nhân dân hai làng Nậm

Quang và Ngàn Tấy. Ngày hôm sau 28-1-1941, tức 2-1 Tết, đoàn rời Nậm Quang trở về nước.

Như vậy là, sau gần 30 năm bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản thành một lãnh tụ của Đảng Cộng sản Đông Dương, một người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Trong những năm tháng gian lao ấy, dù đã từng bị tù đầy trong lao tù đế quốc, nhưng Người vẫn kiên định con đường đã lựa chọn, đã kiên nhẫn chờ đợi để thực hiện khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam và những người bị áp bức. Vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, những trở ngại tưởng chừng như không thể vượt qua nổi, mong ước được trở về nước trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc của Người đã trở thành hiện thực. Ngày 28-1-1941, Người đã trở về Tổ quốc:

> "Bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động"[1].

Vượt qua cột mốc biên giới 108, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí về đến xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ở lại nhà ông Lý Quốc Súng (Máy Lỳ) một thời gian ngắn, ngày 8-2-1941, Người bắt đầu sống và làm việc tại hang Cốc Bó, thôn Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Cuối tháng 3-1941, do bị địch lùng sục,

1. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện, Sđd*, tr. 73.

Người rời Pác Bó sang Khuổi Nậm. Trong tháng 4-1941, Nguyễn Ái Quốc nhiều lần vượt qua biên giới trở lại Tĩnh Tây và nhận được sự giúp đỡ quý báu của những người dân Trung Quốc. Cuối tháng 4-1941, theo đề nghị của Người, một cuộc hội nghị cán bộ tỉnh Cao Bằng được triệu tập, để tổng kết kinh nghiệm tổ chức thí điểm các hội quần chúng như: Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc nhằm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh trong toàn quốc.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, tháng 5-1941, lấy danh nghĩa đại diện Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941), với sự tham gia của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, một số đại biểu Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ (Bùi San, Hồ Xuân Lưu) và đại biểu hoạt động ở ngoài nước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám đã đề cập và làm rõ nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng.

Từ việc phân tích kỹ tình hình, thế và lực của cách mạng Việt Nam, Hội nghị quyết định "cần phải thay đổi chiến lược", "phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân Đông Dương" và đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Từ việc xác định rõ kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là "phátxít Pháp - Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai cho chúng", hội nghị xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng

Đông Dương, cho nên tập trung vào nhiệm vụ: "Đánh đuổi Pháp - Nhật làm cho xứ Đông Dương độc lập".

Hội nghị nhận định:

> "Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"[1]. "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"[2].

Vì vậy, tiếp tục tinh thần của văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* của Đảng (10-1936), Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939), và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (10-1940), để tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp, hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian... sau này sẽ tiến lên thực hiện đầy đủ chính sách người cày có ruộng. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương, hội nghị bàn về vấn đề chính quyền và nêu rõ: "Không nên nói

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 119, 113.

công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà"[1], đồng thời nêu khẩu hiệu "thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà" v.v.. Kết luận, Hội nghị khẳng định: "*Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang*"[2]. Theo đề nghị của Người, hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới, cử đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư và Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt.

Để tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, tranh thủ mọi lực lượng yêu nước có thể tranh thủ, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù, hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra đời với *Tuyên ngôn* và *Chương trình* cụ thể. Để nhấn mạnh mục tiêu giải phóng dân tộc, tất cả tên của các tổ chức quần chúng đều được gọi là Hội Cứu quốc, nhằm thực hiện hai mục tiêu của toàn thể quốc dân:

1- Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập.

2- Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

Mười chính sách lớn của Việt Minh về đối nội và đối ngoại, thể hiện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd,* t. 7, tr. 127, 129.

quần chúng nhân dân đã góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ngày càng phát triển rộng rãi.

Nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ tám và sự thay đổi chiến lược cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng trong việc giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và giai cấp, dân tộc và dân chủ trong điều kiện cụ thể của nước ta, chính là sự hoàn chỉnh nội dung các nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và 7 trước đó. Sự thay đổi chiến lược một cách kịp thời, đầy sáng tạo của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đáp ứng được khát vọng độc lập, tự do của toàn dân tộc, phù hợp với bối cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, thực chất là sự trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường của cách mạng Việt Nam đã được nêu ra trong *Chánh cương, Sách lược vắn tắt* từ đầu năm 1930.

Việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, thành lập chính thể dân chủ cộng hoà, phù hợp với tình hình mới, thể hiện tư duy độc lập, tự chủ, tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc và những quyết định tài tình của Người đã trở thành một trong những nhân tố quyết định thành công của công cuộc vận động giải phóng dân tộc trong những năm 1941 - 1945.

Sau hội nghị, ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết *Kính cáo đồng bào* kêu gọi phải đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian, đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Trong thư, Người nhấn mạnh: Việc cứu nước

là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm, và kêu gọi: "Toàn thể đồng bào tiến lên. Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật"[1], và kiến lập chính thể "dân chủ cộng hoà". Đồng thời, để đẩy mạnh việc tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, động viên nhân dân tích cực tham gia các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, tích cực xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản báo *Việt Nam độc lập,* gọi tắt là *Việt lập*. Số 1 của báo ra ngày 1-8-1941, được đánh số 101, với mục đích kế tục sự nghiệp của các tờ báo cách mạng xuất bản trước đó. Từ 1-8-1941 đến Tổng khởi nghĩa Tháng 8-1945, báo ra được 226 số. Sau đó, báo tiếp tục được xuất bản và chuyển thành cơ quan ngôn luận của tỉnh Cao Bằng.

Nội dung của báo tập trung vào các nội dung: Đẩy mạnh việc cổ động, tuyên truyền, tổ chức nhân dân vào các hội cứu quốc của Việt Minh, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu của cách mạng là phátxít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai, hướng dẫn cách tổ chức các đội du kích, đội tự vệ, cách vận động binh lính, công tác đào tạo đội ngũ và hướng dẫn phương pháp tự rèn luyện cho cán bộ hội viên. Tuy chỉ in với số lượng vài trăm bản, phát hành trong phạm vi vài ba tỉnh nhưng báo *Việt Nam độc lập* được quần chúng yêu mến. Với mục đích: "Cốt làm cho dân ta hết ngu hèn, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 198.

Tây, đánh Nhật, làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng, tự do"[1], báo *Việt Nam độc lập* đã cùng với nhiều tờ báo cách mạng khác, phát động toàn dân tiến tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 đến tháng 11 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý đến công tác cán bộ và bồi dưỡng cán bộ, mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ địa phương, yêu cầu chọn một số thanh niên Cao Bằng gửi đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc), giao cho Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm cùng cộng tác mở lớp huấn luyện quân sự, quyết định tổ chức một đội vũ trang, v.v.. Cũng trong thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã biên soạn một số cuốn sách, làm tài liệu phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng:

1. *Cách đánh du kích*, là một trong những tác phẩm đầu tiên của Người về quân sự. Với 13 chương, cuốn sách nêu những vấn đề có tính thiết thực và cách mạng triệt để. Tác phẩm trình bày kinh nghiệm lịch sử với phân tích lý luận, làm nổi rõ tư tưởng chiến lược quân sự cách mạng là tiến công, đồng thời khẳng định:

"Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc"[2].

Tác phẩm giới thiệu kinh nghiệm lịch sử và bước đầu nêu lên một số vấn đề về đường lối quân sự chuẩn bị cho

1. Báo *Việt Nam độc lập*, số 101, 1-8-1941.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 469.

cuộc khởi nghĩa vũ trang. Đây là một tác phẩm kế thừa và phát triển tư tưởng và nghệ thuật quân sự truyền thống của tổ tiên ta, đồng thời thể hiện sự vận dụng sáng tạo lý luận về chiến tranh nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

2. *Lịch sử nước ta*, gồm 236 câu lục bát, tập trung chủ yếu vào lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta, nêu bật truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất và đoàn kết của dân tộc (từ thời Vua Hùng đến năm 1942). Trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh rút ra một kết luận có tính nguyên tắc, một bài học lớn về tinh thần đoàn kết, đó là: *Dân ta xin nhớ chữ đồng. Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh*, và tiên đoán: "Năm 1945 Việt Nam độc lập ". Diễn ca lịch sử này được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, nhằm giáo dục và động viên mọi người phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, góp phần chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám 1945.

3. Cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô tóm tắt,* do Nguyễn Ái Quốc dịch, dùng để làm tài liệu cho hai lớp: Bồi dưỡng về Đảng cho cán bộ tỉnh uỷ Cao Bằng và cán bộ chủ chốt cấp huyện.

Bước sang năm 1942, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn ác liệt. Ở Đông Dương, Pháp đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Chiến tranh đã làm cho mâu thuẫn giữa các phe phái, các lực lượng, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn phátxít Nhật - Pháp càng thêm gay gắt, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chín muồi. Trong bối cảnh đó, ngày 21-12-1941, Trung ương

Đảng ra thông báo về cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng. Cùng ngày, trên báo *Việt lập*, Nguyễn Ái Quốc viết bài *Thế giới đại chiến và phận sự của dân ta*, nêu hai nhiệm vụ của nhân dân Việt Nam, thực hiện "vườn không nhà trống" và mau mau tổ chức lại. Cuối cùng, Người kêu gọi "Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi, mau mau đoàn kết lại!!!".

Trong bước chuyển của tình hình, nhận thức được tầm quan trọng của liên minh quốc tế, đặc biệt là sự phối hợp cùng nhân dân Trung Quốc chống Nhật, ngày 13-8-1942, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc. Lấy tên mới Hồ Chí Minh, Người đi Trung Quốc với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh và đại diện của Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội quốc tế chống xâm lược.

Ngày 27-8-1942, khi đến phố Túc Vinh (Thiên Bảo, Quảng Tây), Hồ Chí Minh bị bắt với lý do những giấy tờ tuỳ thân của Người đã quá hạn sử dụng. Hơn một năm trời, bị giải qua hơn 30 nhà lao của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây, phải trải qua những ngày tháng bị giam cầm thiếu thốn, khổ cực, bệnh tật, Hồ Chí Minh đã viết 133 bài thơ bằng chữ Hán, theo thể thất tuyệt, thất luật, ngũ ngôn và tạp thể, chép trên một loại giấy bản, đóng thành tập, bên ngoài ghi bốn chữ: *Ngục trung nhật ký*.

Cuốn *Nhật ký* bằng thơ này đã tái hiện một quãng đời của Hồ Chí Minh trong các nhà ngục của tỉnh Quảng Tây, thể hiện rõ phong thái ung dung, khí phách hào hùng "thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao", đồng thời phản ánh chân thực chế độ nhà tù hà khắc của Tưởng Giới Thạch và một

phần bộ mặt thật xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. *Ngục trung nhật ký* thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một tác phẩm văn học lớn của một người chiến sĩ cộng sản vĩ đại, được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, một bút pháp đa dạng và sáng lấp lánh như một viên ngọc quý trong nền văn học cách mạng Việt Nam. *Ngục trung nhật ký* gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh - nhà văn hoá kiệt xuất trong dân tộc Việt Nam của thế kỷ XX.

Ngày 10-9-1943, Người được trả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Sức khoẻ của Người sau khi ra tù rất yếu, vì vậy, Người đã đặt một kế hoạch và kiên trì tập luyện. Vào khoảng giữa tháng 9-1943, Hồ Chí Minh viết bài thơ *Tân xuất ngục học đăng sơn* lên mép của một tờ *Quảng Tây nhật báo,* rồi gửi về nước kèm theo một bức thư, báo tin đã được trả tự do, song vẫn bị quản chế với tư cách "cố vấn", để Đoàn thể ở trong nước cần có sự vận động mạnh giúp Người được trả tự do hoàn toàn. Cuối tháng 10-1943, theo yêu cầu của Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh tham gia một số hoạt động của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội - tổ chức của người Việt Nam tại Trung Quốc, gồm nhiều đảng phái, được sự hỗ trợ của Đệ tứ chiến khu, do tướng Trương Phát Khuê trực tiếp chỉ đạo. Để tranh thủ uy tín, đức độ và tài năng của Hồ Chí Minh, thực hiện kế hoạch hợp tác với Việt Minh, triển khai "Hoa quân nhập Việt", Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần -

lãnh tụ của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, để cải tổ lại Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội.

Chủ trương của Đảng ta trong việc hợp tác với tổ chức này được thể hiện rõ trong Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (25 đến 28-2-1943): "Hết sức vận động cho Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội và Việt Nam độc lập Đồng minh" hợp lại làm một, đặng mau tập trung lực lượng cách mạng Việt Nam đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp"[1].

Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh nhận lời tham gia tổ chức, để vừa tranh thủ, lôi kéo những phần tử yêu nước và tiến bộ về phía cách mạng. Cuối tháng 11-1943, Hồ Chí Minh đã chuyển đến ở tại trụ sở *Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội* tại đường Ngư Phong, thành phố Liễu Châu. Tại đây, Người viết bài cho báo *Đồng minh* - cơ quan ngôn luận của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, xuất bản bằng tiếng Việt ở Liễu Châu.

Tại một cuộc họp trù bị của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, theo ý kiến của Hồ Chí Minh, để đi đến thống nhất, đại hội của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội sẽ được gọi là Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Tham gia Đại hội có đại biểu của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Phục quốc quân, Đảng Đại Việt,... đại biểu của Quốc dân Đảng Trung Hoa và chính quyền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 312.

Tưởng Giới Thạch. Tại đại hội, ngày 16-3-1944, Hồ Chí Minh đọc báo cáo: *Về tình hình các đảng phái trong nước* và chỉ rõ dù có nhiều đảng phái, nhưng đảng có ảnh hưởng nhất, tổ chức chặt chẽ nhất và nổi tiếng nhất là Đảng Cộng sản. Người cũng báo cáo *Về tổ chức và hoạt động của phân hội Việt Nam* tại đại hội. Sau đó, đại hội đã bầu lại Ban Chấp hành và Ban kiểm tra. Hồ Chí Minh được bầu làm Uỷ viên của Ban Chấp hành. Lợi dụng cương vị này, Người thảo kế hoạch đưa lực lượng thanh niên trong lớp huấn luyện đặc biệt ở Liễu Châu về nước phát triển lực lượng.

Do tranh thủ được sự đồng tình của Trương Phát Khuê, ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu và cuối tháng 9-1944, Người về đến Cao Bằng. Ngay sau khi về nước, nhận thấy các điều kiện cần thiết cho một cuộc khởi nghĩa chưa đến độ chín muồi, Người đã kịp thời hoãn chủ trương phát động chiến tranh du kích của Liên Tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng. Theo Người, trước tình thế mới, cần phải tìm một hình thức thích hợp thì mới có thể đi tới thành công, vì vậy, quyết định kịp thời của Người không chỉ tránh tổn thất cho phong trào cách mạng của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng, mà còn vạch ra một hướng đi phù hợp, đúng đắn của một phương pháp đấu tranh trong thời điểm then chốt của lịch sử dân tộc.

Trước tình hình thế giới, những điều kiện thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh viết *Thư gửi đồng bào toàn quốc* và dự đoán thời cơ của cách mạng Việt Nam:

"Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"[1].

Tình thế cách mạng đang chín muồi, cuối tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đến kiểm tra Đại đội tự vệ vũ trang[2] chiến đấu Hồng Phong (tên bí mật của châu Hà Quảng). Sau khi phân tích tình hình và cân nhắc những điều kiện, chuẩn bị cho ngày "vùng lên", Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh phong trào cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Người chỉ rõ: Lực lượng vũ trang muốn phát triển, chủ yếu phải dựa vào nhân dân, dựa vào phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Các đoàn thể cách mạng của quần chúng càng được củng cố và phát triển thì càng tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang. Theo tinh thần đó, Người quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và giao đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Mục đích và nguyên tắc tổ chức đội được nêu rõ trong bản chỉ thị thành lập:

> "Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền", "Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr. 506.
2. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd,* t.2, tr.222.

Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam"[1].

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại khu rừng Sam Cao (còn gọi là Trần Hưng Đạo), thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Thực hiện lời căn dặn: "Trận đầu phải thắng" của Người, đội đã lập liên tiếp hai chiến công oanh liệt: hạ đồn Phai Khắt ngày 25-12-1944 và đồn Nà Ngần ngày 26-12-1944, mở đầu truyền thống anh dũng vẻ vang của quân đội ta.

Sự ra đời và những hoạt động của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là một biểu hiện sinh động của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Đây vừa là sự kế thừa, phát triển di sản quân sự truyền thống của cha ông ta trong lịch sử, vừa là sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo tư tưởng lý luận quân sự hiện đại của học thuyết Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thắng lợi mở đầu của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng cả nước.

Cùng với sự phát triển của phong trào Việt Minh, việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và các lực lượng vũ trang tại các địa phương, cùng khí thế quần chúng dâng cao đã làm cho các lực lượng phản động ngày càng hoang mang, lo sợ, tạo ra những thuận lợi mới cho cuộc Tổng khởi nghĩa sắp tới.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 507, 508.

Chương V

LÃNH ĐẠO TOÀN DÂN TỔNG KHỞI NGHĨA, THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

(Từ tháng 3 đến tháng 8 - 1945)

Bước sang năm 1945, tình hình thế giới càng có nhiều thay đổi quan trọng. Nhạy cảm trước những chiều hướng phức tạp, đan chéo nhau của các lực lượng chính trị quốc tế trong vấn đề Đông Dương, đặc biệt là ý đồ đặt Đông Dương dưới sự ủy trị quốc tế do Mỹ và Trung Hoa giữ vai trò chủ yếu (thông qua *Tuyên bố* của Hội nghị Cairô), tháng 2-1945 Hồ Chí Minh quyết định sang Côn Minh. Cùng đi với Hồ Chí Minh có trung uý Sao (Shaw), người được Việt Minh cứu, để trở về Bộ tư lệnh không quân Mỹ ở Côn Minh. Đến trụ sở Cơ quan không quân cứu trợ Mỹ (AGAS) tại Côn Minh, Hồ Chí Minh tranh thủ đọc sách báo, tài liệu của Cơ quan thông tin chiến tranh Mỹ (AOWI) nhằm thu thập thông tin về tình hình thế giới. Tại đây, ngày 29-3-1945, Hồ Chí Minh gặp Tướng Sênôn (Claire L. Chenault). Tướng Sênôn cảm ơn Việt Minh đã cứu thoát Sao, còn Hồ Chí Minh thì cho rằng đó là bổn phận của những người chống phátxít, giúp đỡ quân Đồng minh. Trong cuộc gặp gỡ này, người Mỹ hứa sẽ giúp đỡ vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Nam và huấn luyện cho người của Việt Minh biết sử dụng các thứ đó. Ngay sau đó, từ Côn Minh, Hồ Chí Minh đi Bách Sắc, một thị trấn nhỏ nhưng quan trọng về chiến lược ở phía tây nam

tỉnh Quảng Tây tìm gặp Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (lúc này đã chuyển về đây vì Liễu Châu đã bị quân Nhật chiếm đóng từ ngày 11-11-1944). Người được biết tổ chức này đã có nhiều thay đổi, Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ đã rời Đệ tứ chiến khu, và hội gần như đã ngừng hoạt động, song các nhóm Việt Minh vẫn hoạt động tích cực tại vùng biên giới[1]. Người lựa chọn một số chiến sĩ của các nhóm Việt Minh hoạt động ở đây để cuối tháng 4-1945 cùng Người về nước. Với chuyến trở lại Côn Minh lần này, Hồ Chí Minh đã mang về một số thuốc men, cùng lời hứa của Tướng Sênôn, đồng thời giới thiệu hình ảnh, tầm ảnh hưởng, sự lớn mạnh và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quân Đồng minh đối với cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, ở trong nước, ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Cuộc chính biến Nhật - Pháp đã làm cho tình hình chính trị Đông Dương khủng hoảng sâu sắc, tạo điều kiện khách quan để Đảng ta phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi điều kiện cho phép. Vì vậy, ngay đêm đó Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (12-3-1945). Chỉ thị nêu rõ những đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong tình thế mới. Chỉ thị

1. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd*, t.2, tr. 235.

đã đem đến cho phong trào cách mạng một luồng sinh khí mới. Trong cả nước, không khí gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền khi thời cơ đến đã sẵn sàng. Dưới ánh sáng của bản chỉ thị, một cao trào đấu tranh cách mạng rộng khắp, kết hợp đấu tranh chính trị với khởi nghĩa từng phần đã phát triển khắp nơi. Tại một số nơi thuộc các tỉnh miền núi, trung du Bắc Bộ đã lập ủy ban nhân dân cách mạng. Phong trào phá kho thóc cứu đói theo lời kêu gọi của Đảng đã lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thời kỳ tiền khởi nghĩa đã diễn ra sôi động trong cả nước.

Trước tình thế mới, ngày 15-3-1945, Tổng bộ Việt Minh phát *Hịch kháng Nhật cứu nước*, kêu gọi nhân dân:

> "Giờ kháng Nhật cứu nước đã đánh. Kíp nhằm theo lá cờ đỏ sao vàng năm cánh của Việt Minh:
>
> Tiến lên!
>
> Xông tới!
>
> Cứu nước, cứu nhà!"[1].

Ngày 12-4-1945, Mặt trận Việt Minh ra lời kêu gọi: *Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị quan chức ái quốc Việt Nam và Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị huynh thứ ái quốc*, nhằm tranh thủ một bộ phận quan chức yêu nước, lôi kéo các tầng lớp trung gian ngả về phía cách mạng, thúc đẩy nhanh quá trình phân hoá trong hàng ngũ quan lại ngụy quyền.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: V*ăn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 534.

Từ ngày 15 đến 20-4-1945, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hoà (Bắc Giang) nhận định: Tình thế đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này, đồng thời "quyết định phát triển lực lượng vũ trang, thống nhất Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân, xây dựng 7 chiến khu trong cả nước và "phải đánh thông liên lạc giữa các chiến khu Bắc Kỳ và Trung, Nam Kỳ"[1]. Tiếp đó, ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức các Uỷ ban dân tộc giải phóng, coi đó là "hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng"[2]. Phong trào cách mạng trong cả nước dâng cao theo đúng tinh thần chỉ thị của Đảng. Cuộc khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận thắng lợi đã giải phóng được nhiều vùng, nhất là ở Việt Bắc.

Để có thể kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước, đầu tháng 5-1945, Hồ Chí Minh quyết định chuyển đại bản doanh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, nơi phong trào cách mạng phát triển, giao thông giữa miền xuôi và miền ngược đều thuận tiện. Tại đây, sau khi nghe báo cáo về tình hình mọi mặt, về nội dung chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, Người nhất trí với tinh thần của các văn kiện đó, đồng thời nêu ý kiến thành lập Khu giải phóng. Chấp

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 392, 535.

hành chỉ thị của Người, ngày 4-6-1945, Khu giải phóng được thành lập. Đây thực sự căn cứ địa vững chắc về mọi mặt để làm bàn đạp tiến lên giải phóng toàn quốc. Với *Mười chính sách lớn* được thực hiện ở Khu giải phóng như: đánh đuổi phátxít Nhật và bè lũ tay sai, tịch thu tài sản của bọn cướp nước và bán nước chia cho dân nghèo, thực hiện tổng tuyển cử và các quyền tự do, dân chủ khác, xây dựng cuộc sống mới, xây dựng nền kinh tế tự cung, tự cấp, chống nạn mù chữ, huấn luyện chính trị, quân sự cho nhân dân... Khu giải phóng thực sự là hình ảnh của "nước Việt Nam mới", hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau này.

Ngày 6-8-1945, được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hirôsima, Hồ Chí Minh viết nhiều thư hoả tốc, thúc giục các đại biểu về nhanh Tân Trào dự Hội nghị toàn quốc của Đảng. Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của thời cơ cách mạng, của cơ hội ngàn năm có một, ngày 10-8-1945, trong khi bàn với một số đồng chí về công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị, Hồ Chí Minh nói:

> "Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội"[1].

1. Nguyễn Lương Bằng: *Gặp Bác Hồ ở Tân Trào*, trong cuốn *Tân Trào 1945-1985*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Tuyên, 1985, tr. 52.

Đến giữa tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước, khởi nghĩa từng phần đã cuồn cuộn dâng lên từ Bắc đến Nam. Trong khi đó, quân Đồng minh đã đánh bại quân đội phátxít Nhật. Ngày 14-8-1945, vua Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tê liệt. Còn thực dân Pháp thì ráo riết quay trở lại xâm lược Đông Dương. Thời cơ tổng khởi nghĩa chín muồi, đã đến lúc nhân dân ta vùng dậy giành lại quyền độc lập của mình. Trước cơ hội có một không hai ấy, tại Tân Trào, thủ đô lâm thời của nước Việt Nam mới, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945, quyết định Đảng phải "kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội", "thống nhất tổ chức... thống nhất chính trị...phát triển và củng cố Đảng"[1], "thi hành 10 chính sách Việt Minh", phát động và lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào tước vũ khí quân đội Nhật. Hội nghị quyết định thành lập Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc gồm 5 người do đồng chí Trường Chinh phụ trách và 23 giờ ngày 13-8-1945 Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 khẳng định:

"Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh! Cơ hội có một không hai cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 432.

lập của nước nhà!". "Chúng ta phải *hành động cho nhanh,* với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!"[1].

Hồ Chí Minh đề nghị hội nghị sớm bế mạc để các đại biểu nhanh chóng trở về các địa phương, kịp thời mang mệnh lệnh khởi nghĩa phát động, lãnh đạo quần chúng tổ chức vùng lên giành chính quyền.

Tiếp theo Hội nghị toàn quốc của Đảng, chiều ngày 16 và ngày 17-8-1945, Quốc dân Đại hội đại biểu đã họp tại Tân Trào dưới sự chủ toạ của Hồ Chí Minh. Hơn 60 đại biểu tham dự đại hội, đại diện cho ba miền Bắc, Trung, Nam và kiều bào ta ở nước ngoài, đại biểu của các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, tôn giáo. Quốc dân Đại hội thực sự là hình ảnh của khối toàn dân đoàn kết. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh:

1- Đại hội tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương và Tổng bộ Việt Minh.

2- Đại hội kêu gọi nhân dân cả nước, đoàn kết để thi hành *Mười chính sách của Việt Minh* và hiệu triệu toàn dân vùng lên đấu tranh để giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

3- Đại hội cử ra Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch với một Uỷ ban Thường trực gồm 5 người - tức Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tạo cơ sở pháp lý cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 7, tr. 421 - 422.

sự ra đời một chính phủ hợp pháp do nhân dân cử ra.

Quyết định triệu tập Quốc dân Đại hội trong thời điểm lịch sử quan trọng này là một sáng tạo tài tình, thể hiện sự nhạy bén trước thời cuộc của Hồ Chí Minh. Hoạt động và những quyết sách của Quốc dân Đại hội thực sự tiêu biểu cho ý chí cách mạng sôi sục của nhân dân, cho ý chí "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đánh giá sự kiện này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định:

> "Quốc dân Đại hội Tân Trào có ý nghĩa là một Quốc hội lâm thời, hay một tiền Quốc hội bởi vì cách mạng chưa thành công. Quốc dân Đại hội tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời chế độ cộng hoà dân chủ của nước ta, cho một Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khi cách mạng đã thành công"[1].

Quốc dân Đại hội Tân Trào diễn ra khẩn trương và thắng lợi trong đêm trước của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, mang tầm vóc lịch sử như một Quốc hội của nước Việt Nam mới. Quốc dân Đại hội Tân Trào là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta suốt gần một thế kỷ bị thực dân Pháp thống trị. Hoạt động và những quyết nghị của Quốc dân Đại hội Tân Trào đã cho thấy Đại hội thực sự biểu thị cho ý chí của

1. *Quốc dân Đại hội Tân Trào,* Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1995, tr. 27.

toàn dân tộc, phản ánh nguyện vọng và quyết tâm đứng lên đấu tranh giành độc lập của toàn thể nhân dân, đáp ứng được những quyền về dân sinh, dân chủ của nhân dân lao động. Ngay sau đại hội, ngày 18-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*:

> "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"[1].

Thực hiện quyết định của Đảng và của Quốc dân Đại hội Tân Trào, chớp đúng thời cơ, toàn dân ta từ Bắc đến Nam, từ miền núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị đã đứng lên khởi nghĩa giành lấy chính quyền từ tay phátxít Nhật. Sức mạnh của nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bùng lên thành bão táp cách mạng, quyết giành lại độc lập, tự do. Ngày 19-8, Tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23-8 ở Huế, và ngày 25-8 ở Sài Gòn. Trong một thời gian ngắn, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã thành công. Chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân. Trước khi quân Đồng minh kéo vào, chính quyền cách mạng từ trung ương đến địa phương đã được thiết lập, thay thế cho chính quyền của phátxít Nhật và tay sai. Nhân dân ta đã đón quân Đồng minh với tư cách là chủ nhân của nước Việt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 554.

Nam độc lập.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã giáng một đòn quyết định vào tất cả các cơ quan đầu não của bọn thống trị và tay sai. Làn sóng cách mạng và sức mạnh bạo lực cách mạng của quần chúng đã làm tê liệt mọi sự kháng cự của các thế lực thù địch, xoá bỏ bộ máy chính quyền của giai cấp thống trị, thành lập chính quyền cách mạng ở Việt Nam, chứ không phải Việt Nam được độc lập khi "một khoảng trống quyền lực" chính trị xuất hiện ở Việt Nam như một văn học giả đã từng nói. Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8- 1945 là sự vùng dậy của toàn dân, khác với chiến tranh khởi nghĩa do lực lượng quần chúng thực hiện là chủ yếu. Sức mạnh làm nên thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa - khởi nghĩa dân tộc là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, được rèn luyện, hun đúc qua ba cuộc tổng diễn tập (1930 -1931), (1936 -1939) và (1939 -1945) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sức mạnh đó đã lôi cuốn được cả những người còn đang do dự, phản ánh một cách rõ nét tư duy trí tuệ của Đảng và sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, việc Bảo Đại thoái vị để làm một người dân của một nước độc lập đã chứng tỏ ngọn cờ dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh giương cao, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc trong đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam là hoàn

toàn đúng đắn. Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã kịp thời hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Ngày 23-8-1945, Hồ Chí Minh về đến làng Gạ (Phú Gia, Từ Liêm, Hà Nội), để cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của nước nhà. Sáng 25-8-1945, Người nghe các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh báo cáo tình hình Tổng khởi nghĩa và chủ trương ra mắt của Chính phủ lâm thời. Chiều 25-8-1945, Người vào nội thành. Ngày 26-8-1945, Người mở phiên họp đầu tiên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng để thảo luận các vấn đề quan trọng, đặc biệt là việc công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời và soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*. Theo Người, việc míttinh lớn ở Hà Nội, ra mắt Chính phủ, tuyên bố Việt Nam độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà phải được gấp rút làm ngay, và làm trước khi quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật. Trên tinh thần đó, ngày 28-8-1945, Uỷ ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Thực hiện chủ trương của Hồ Chí Minh, một số cán bộ của Đảng và Việt Minh tự nguyện rút lui để nhường chỗ cho các đảng phái khác. Đánh giá hành động cao đẹp này của các đồng chí cán bộ của Đảng và Việt Minh, Hồ Chí Minh khẳng định đó là:

> "Một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân

lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học"[1].

Cùng ngày, Tuyên cáo của Chính phủ lâm thời khẳng định:

> "Nhiệm vụ của Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được Mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy, Uỷ ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đặng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó. Chính phủ lâm thời... thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân chủ cộng hoà chính thức"[2].

Tại 48 Hàng Ngang, Hà Nội, Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* và tranh thủ ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Đảng. Sau những ngày chuẩn bị khẩn trương, một cuộc míttinh lớn của nhân dân Hà Nội đã diễn ra tại Quảng trường Ba Đình chiều ngày 2-9-1945. Trong buổi lễ long trọng đó, Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 6, tr. 160.
2. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 1, ngày 2-9-1945.

Cộng hoà, thủ tiêu hoàn toàn chế độ thực dân, phong kiến, tuyên bố về nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới. Người khẳng định:

> "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[1].

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đập tan xiềng xích nô lệ của phátxít Nhật, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà độc lập và tự do. Đó là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2-9-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình đã khai sinh ra một Nhà nước Việt Nam mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, "thực sự là giai đoạn đầu tiên mở đầu cho làn sóng xoá bỏ chế độ thuộc địa ở châu Á, tiếp theo là châu Phi" vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thắng lợi vĩ đại này, đã lật đổ ách thống trị của phátxít Nhật và thực dân Pháp, đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận người nô lệ trở thành công dân một nước Việt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 4, tr. 4.

Nam độc lập, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời với những bài học kinh nghiệm được rút ra trong 15 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được tiếp tục phát huy trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc ngay sau đó.

Chương VI
LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC (1945 - 1954)

I- BẢO VỆ, CỦNG CỐ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Những ngày tưng bừng của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và lễ độc lập qua đi rất nhanh. Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á vừa được thành lập đã phải bước ngay vào cuộc đấu tranh quyết liệt cho sự tồn tại của mình. Để kiện toàn và củng cố lực lượng, chúng ta đã phải đối phó với tình hình cực kỳ phức tạp và vô vàn khó khăn: Nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói khủng khiếp đã cướp đi sinh mạng của hai triệu người vẫn còn đang đe doạ; ngân khố trống rỗng (chỉ còn một triệu đồng bạc rách), trình độ văn hoá rất thấp kém, đa số nhân dân không biết chữ. Trong khi đó, thù trong giặc ngoài: ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng, dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật, thực chất là muốn tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ phản động làm tay sai cho Mỹ - Tưởng; ở miền Nam, núp sau bóng quân Anh, thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm nước ta một lần nữa; bọn phản động tay sai cũng nổi lên khắp nơi, tìm mọi cách cản trở cuộc kiến quốc của nhân dân ta.

Đứng trước vận mệnh của nước nhà như ngàn cân treo sợi tóc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận lấy trách nhiệm nặng nề trước nhân dân:

> "Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bến bờ hạnh phúc của nhân dân"[1].

Người cùng tập thể Trung ương Đảng bình tĩnh, sáng suốt phân tích tình hình, kịp thời đề ra đường lối đúng đắn và những biện pháp hành động khôn khéo để giải quyết từng bước những khó khăn về đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội và những vấn đề cấp bách khác. Sáng ngày 3-9-1945, tại Bắc Bộ phủ, chủ toạ phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu sáu vấn đề cấp bách để cứu nguy dân tộc:

Một là giải quyết nạn đói;

Hai là thanh toán nạn dốt;

Ba là tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử;

Bốn là xoá bỏ hủ tục, xây dựng đời sống văn hoá mới, đạo đức mới, đạo đức cách mạng;

Năm là xoá bỏ ngay những thứ thuế bóc lột vô nhân đạo;

Sáu là thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

---

1. Hồ Chí Minh*: Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 165.

Người tuyên bố lịch tiếp đại biểu nhân dân và các tổ chức đoàn thể với cách thức cụ thể, rõ ràng: gửi thư nói trước, để sắp thì giờ, như vậy khỏi phải chờ đợi mất công; mỗi đoàn chớ quá 10 vị; mỗi lần xin chớ quá một tiếng đồng hồ.

Lúc này nạn đói kém còn nguy hiểm hơn cả chiến tranh, vì vậy, Người đề nghị với Chính phủ phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất đồng thời mở cuộc lạc quyên. Người viết:

> "Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.
>
> Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước:
>
> Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"[1].

Hưởng ứng lời kêu gọi và tấm gương của Người, cả nước dấy lên phong trào tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách", với các hình thức phong phú "Hũ gạo cứu đói", "Ngày đồng tâm nhịn ăn", v.v.. Chỉ sau một tuần quyên góp, cả nước đã có hàng vạn tấn gạo cứu đói.

> "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"[2].
>
> "Quốc dân Việt Nam! Muốn giữ vững nền độc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 31.

2, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tậ*p, *Sđd,* t. 4, tr. 8, 36, 37, 33.

lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà"[2].

Người đề nghị mở một chiến dịch chống nạn mù chữ, và "*hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ*"[3], với phương châm: người biết chữ dạy người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết, vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo. Người nhấn mạnh:

"Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử"[4].

Người đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ - tương lai của dân tộc, của nước nhà. Nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Người gửi thư cho các học sinh:

"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở

công học tập của các em"[1].

Để thúc đẩy sự nghiệp giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ và Sắc lệnh số 44, ngày 10-10-1945, thành lập Hội đồng cố vấn học chính để nghiên cứu và đệ trình Chính phủ chương trình giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và theo dõi thực hiện chương trình ấy. Sau một năm hưởng ứng lời kêu gọi của Người, 95% dân số Việt Nam cơ bản xoá được nạn mù chữ.

Để xoá bỏ những tư tưởng và tập quán lạc hậu của chế độ thực dân và phong kiến cản trở đối với một xã hội văn minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ mở một cuộc vận động đời sống mới, nhằm giáo dục nhân dân ta đạo đức mới, đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính.

Để xây dựng nền tài chính quốc gia, Chính phủ ban hành sắc lệnh thành lập Quỹ độc lập và phát động Tuần lễ vàng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào nhân dịp Tuần lễ vàng. Nhờ tinh thần hăng hái yêu nước, đồng bào cả nước đã tự nguyện đóng góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng.

Nhằm mang lại những quyền lợi thiết thực cho nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã ký một loạt sắc lệnh bãi bỏ chế độ thuế khoá bất công của thực dân Pháp, như: thuế thân, thuế chợ, thuế đò, đồng thời ban hành *Luật Lao động*, bảo vệ quyền lợi cho công nhân; quy định giảm tô 25% cho nông dân; chia ruộng của bọn thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 33.

dân và ruộng công cho nông dân, ban bố sắc lệnh tự do tín ngưỡng.

Nhiệm vụ chủ yếu lúc này là giữ vững và khẳng định tính hợp pháp của chính quyền cách mạng, vì vậy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị với Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức và ban hành *Hiến pháp* dân chủ. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 14-SL về cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội gồm 7 điều; trong đó điều thứ 5 ghi: Sẽ thành lập một Uỷ ban dự thảo thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và điều thứ 6 ghi rõ: Sẽ thành lập một Uỷ ban để dự thảo *Hiến pháp* đệ trình Quốc hội[1]. Người ký Sắc lệnh số 34 ngày 20-9-1945, lập Uỷ ban dự thảo *Hiến pháp*, gồm bảy thành viên và Sắc lệnh số 39 ngày 26-9-1945, lập ra Uỷ ban tổ chức Tổng tuyển cử gồm chín thành viên. Uỷ ban tổ chức Tổng tuyển cử sẽ dự thảo các thể lệ về tổng tuyển cử, từ việc định số đại biểu cho toàn quốc, cho từng tỉnh theo tỷ lệ dân số, đến cách thức bầu. Chính phủ quyết định chọn ngày 23-12-1945 là ngày Tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau đó, để các cá nhân, các đảng phái và tổ chức chính trị khác có thêm thời gian đề cử và

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.1, tr. 31.

ứng cử, ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76, lùi ngày bầu cử vào ngày 6-1-1946.

Tuy kẻ thù của cách mạng tìm mọi cách chống phá, nhưng với sách lược mềm dẻo, đối sách khôn khéo và niềm tin vào nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Người thực hiện quyền công dân của mình tại điểm bỏ phiếu số 10, phố Hàng Vôi, Hà Nội. Toàn dân ta tỏ rõ sự tín nhiệm đặc biệt với Hồ Chí Minh, Người đã trúng cử với số phiếu cao nhất.

Ngày 2-3-1946, kỳ thứ nhất Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Phát biểu trước Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tuyển cử đã tỏ rõ cho thế giới biết toàn dân Việt Nam đoàn kết nhất trí, Người đề nghị Quốc hội mở rộng thêm 70 ghế không qua bầu cử, cho các đại biểu thuộc hai tổ chức chính trị Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân Đảng) và Việt Cách (Việt Nam Cách mệnh Đồng minh).

Quốc hội nhất trí tán thành bản báo cáo những công việc đã làm trong 6 tháng qua của Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày. Được sự uỷ nhiệm của Quốc hội, Người giới thiệu các thành viên mới của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, Kháng chiến uỷ viên hội, Đoàn cố vấn tối cao và Uỷ ban dự thảo *Hiến pháp*.

Sau khi Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng các thành viên mới của Chính phủ, Đoàn cố vấn, Uỷ

ban kháng chiến đọc lời tuyên thệ nhậm chức:

> "Trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hoà Việt Nam, mang lại tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ".

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký một loạt sắc lệnh để kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước với chức năng và nhiệm vụ mới, đồng thời đề ra những nguyên tắc cơ bản về hoạt động của chính quyền nhân dân, là công bộc của dân, gánh vác công việc cho dân:

> "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[1].

Người cũng vạch rõ "những lỗi lầm rất nặng nề" của một số cán bộ có chức, có quyền, đó là các căn bệnh như: trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo,… đòi hỏi cán bộ phải "*ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng*". Người biểu dương những cán bộ tốt, đồng thời tỏ thái độ nghiêm khắc.

> "Ai đã phạm những lỗi lầm trên này, thì phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 4, tr. 56 - 57.

hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung"[1].

Với bút danh Chiến Thắng, Người viết một loạt bài trên báo *Cứu quốc,* đó là những lời chỉ bảo tận tình với đội ngũ cán bộ cách mạng. Và bản thân Người luôn luôn gương mẫu thực hiện. Chính những điều đó đã giúp một cách thiết thực cán bộ chính quyền các cấp nhanh chóng khắc phục những sai sót, góp phần khẳng định bản chất tốt đẹp của chính quyền mới. Vì thế, tuy mới có chính quyền, đội ngũ cán bộ chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý đất nước, nhưng đã thực sự được dân tin, dân yêu, thực sự đoàn kết được toàn dân.

Trong một cuộc họp báo ở Bắc Bộ phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định với báo giới phương châm của Chính phủ là: "Đoàn kết toàn dân, quyết tâm vì chính nghĩa, quyết giữ vững độc lập bằng mọi giá". Để có được lực lượng, Người chủ trương mở rộng khối đoàn kết toàn dân, thu hút đông đảo, rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Người chỉ thị phải nhanh chóng phát triển các tổ chức đã có trong Mặt trận Việt Minh, đồng thời thành lập thêm các tổ chức mới. Theo sáng kiến của Người, ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập để thu hút tất cả các tổ chức chính trị, các đảng phái và cá nhân yêu nước chưa tham gia Mặt trận Việt Minh, miễn là tán thành đấu tranh cho một nước Việt Nam độc lập,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 58.

thống nhất, dân chủ, phú cường. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của hội.

Tiếp sau đó là sự ra đời của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (20-7-1946), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20-10-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (22-7-1946). Các tổ chức này đều tự nguyện gia nhập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Đó chính là sức mạnh để chống thù trong giặc ngoài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến khối đoàn kết toàn dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Người đã tham dự lễ khai mạc Hội nghị đại biểu của hơn 20 dân tộc thiểu số ở miền Bắc. Gửi thư tới Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, Người khẳng định:

> "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt…
>
> Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta"[1].

Người đặc biệt quan tâm việc tập hợp, đoàn kết đồng bào các tôn giáo vì sự nghiệp chung. Người nói:

> "Dù công giáo hay không công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải đấu tranh cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 217-218.

nền độc lập của nước nhà"[1].

Với lòng thành, mong muốn đại đoàn kết toàn dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời được nhiều nhân sĩ danh tiếng như các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố tham gia Chính phủ. Người tin tưởng và mạnh dạn sử dụng những thượng thư, đại thần của triều đình Huế như các cụ Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hoè vào những chức vụ quan trọng của chính quyền nhân dân. Người nói: "Chỉ sợ lòng mình không rộng, chứ không sợ người ta không theo mình".

Song song với việc giải quyết những công việc cấp bách về đối nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã tiến hành nhiều hoạt động đối ngoại khẩn cấp. Ngày 28-9-1945, với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, Người trình Hội đồng Chính phủ dự thảo Lời tuyên bố về chính sách ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dựa trên những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được các nước Đồng minh ghi nhận trong các *Hiến chương Đại Tây Dương* và Xan Phranxiđcô.

Ngày 17-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi Thông điệp cho Liên hợp quốc và các vị đứng đầu các cường quốc, hoan nghênh việc Liên hợp quốc thành lập Uỷ ban tư vấn về Viễn Đông và phản đối việc nước Pháp là thành viên của uỷ ban này. Được tin Liên hợp quốc họp tại Luân Đôn có lập một tiểu ban xét đơn của các nước nhược tiểu, ngày

1. Báo *Cứu quốc*, số 142, ngày 15-1-1946.

14-1-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện tới ông Hăngri Xpác (H. Spaak), Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc, cùng các vị ngoại trưởng các cường quốc, đề nghị đưa vấn đề công nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc ra hội đồng. Đây là đòi hỏi chính đáng của nhân dân Việt Nam. Tuy vậy, trong thâm tâm, Người không hy vọng Liên hợp quốc sẽ giải quyết ngay, nhưng điều đó cũng làm cho Liên hợp quốc biết tới cuộc chiến đấu và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.

Cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng nhận rõ kẻ thù nguy hại nhất lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền và độc lập dân tộc, Người vận dụng sách lược rất khôn khéo, mềm dẻo, phân hoá cao độ kẻ thù.

Tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng để giữ vững chính quyền, có điều kiện đối phó với quân Pháp ở miền Nam. Tiêu Văn, Lư Hán, Chu Phúc Thành… mỗi tên một tính cách, nhưng cùng chung mục đích là vơ vét, làm giàu. Hiểu rõ đối thủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh có đối sách phù hợp với từng đối tượng. Người chủ trương trong quan hệ giữa ta với quân Tưởng, thực hiện phương châm: biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự. Người căn dặn: Kiên nhẫn không phải là hèn nhát mà là một phương pháp đấu tranh. Một mặt, nhân nhượng cho quân Tưởng một số quyền lợi về kinh tế như vẫn áp dụng chính sách tối huệ quốc dành cho Hoa kiều, tạo điều kiện cho buôn bán gạo

và hàng hoá sang Hồng Kông. Về chính trị: ta mở rộng 70 ghế tham gia Quốc hội không qua bầu cử cho Việt Quốc, Việt Cách - tay sai của quân Tưởng, để xoá đi lý do mà các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng chống phá cách mạng. Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán, thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật. Mặt khác, dùng sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, làm thất bại mọi mưu đồ đen tối của chúng và trừng trị bọn tay sai đã lộ mặt phá hoại cách mạng. Đồng thời, Người cùng Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ thị đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, động viên nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam.

Ngày 28-2-1946, *Hiệp ước Hoa - Pháp* được ký kết tại Trùng Khánh, trong những điều khoản thoả thuận, có việc phía Trung Hoa dân quốc (Tưởng Giới Thạch) để Pháp thay thế mình ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Ở Hà Nội, đại diện quân Tưởng giục ta thoả thuận với Pháp. Các nhà thương lượng Pháp càng nôn nóng hơn, vì hiểu rằng muốn đem quân ra Bắc Việt Nam một cách êm thấm, không có đụng độ quân sự, cần phải điều đình và đi tới một thoả thuận với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Tình hình và chủ trương (3-3-1946).* Trên cơ sở phân tích khách quan những thuận lợi và khó khăn, điều kiện trong và ngoài nước, đi tới quyết định hoà đàm với Pháp, để phá mưu mô của quân Tưởng và tay sai, nhanh chóng tống cổ chúng ra khỏi Việt

Nam, bảo toàn lực lượng, dành thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Bản chỉ thị nhấn mạnh:

> "Trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta"[1].

Sau một thời gian tiếp xúc, giao thiệp, các cuộc đàm phán bí mật diễn ra không đạt kết quả vì lập trường hai bên còn xa nhau, vì phía Pháp chỉ muốn Việt Nam là một quốc gia tự trị. 16 giờ 30 chiều ngày 6-3-1946, lễ ký kết *Hiệp định Sơ bộ* Pháp - Việt đã diễn ra tại nhà số 38 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra giải pháp: nước Pháp công nhận Việt Nam là một *quốc gia tự do* (không như mong muốn của ta: Việt Nam là một *quốc gia độc lập và thống nhất*). Chứng kiến lễ ký còn có đại diện Bộ Tư lệnh quân đội Trung Hoa ở Bắc Đông Dương, phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh và đại diện phân bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ. Theo Hiệp định, nước Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Quốc hội, quân đội và tài chính riêng, ở trong Liên bang Đông Dương và Khối Liên hiệp Pháp, và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 8, tr. 46.

cam đoan thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất ba kỳ; nước Việt Nam đồng ý để 15 ngàn quân Pháp vào Bắc Việt Nam thay thế quân đội Trung Hoa và sẽ rút hết sau 5 năm; hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức, trong khi đàm phán, quân đội hai bên giữ nguyên vị trí.

Bản hiệp định tuy chưa đem lại nền độc lập hoàn toàn cho dân tộc ta, song đây cũng là bản hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam độc lập ký với nước ngoài, có sự chứng kiến của đại diện các nước Mỹ, Anh và Trung Hoa, điều đó chứng tỏ rằng: Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp. Đó là thắng lợi lớn về chính trị và ngoại giao của ta, đồng thời, loại bớt kẻ thù cho cách mạng Việt Nam:

> "Đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình"[1].

Hiệp định Sơ bộ ký chưa ráo mực, thực dân Pháp đã có những hành động phá hoại, thiếu thiện chí như đòi quân đội ta nộp vũ khí, đánh úp quân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, di chuyển quân đến những nơi không được phép của ta, nhưng thời gian hoà hoãn đối với chính quyền cách mạng lúc này có ý nghĩa quan trọng và rất cần thiết để củng cố, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đụng đầu lịch sử và khốc liệt. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 162.

tranh thủ mọi cơ hội có thể để kéo dài thời gian hoà hoãn. Người xúc tiến nhiều cuộc gặp gỡ điều đình với phía Pháp.

Ngày 24-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh hội kiến với Đácgiăngliơ (D'Argenlieu)[1] trên chiến hạm Êmin Béctanh (Emile Bertin) ở vịnh Hạ Long. Hai bên thoả thuận: Sẽ có những cuộc thăm chính thức ngoại giao giữa hai nước; sẽ mở Hội nghị trù bị tại Đà Lạt (trước khi có đàm phán chính thức); phái đoàn Chính phủ Việt Nam sẽ sang Pháp để ký hiệp ước chính thức. Chủ tịch Hồ Chí Minh được mời làm thượng khách của Chính phủ Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy thoả thuận Hạ Long đã tạo cơ hội tốt đẹp cho chúng ta trên mặt trận ngoại giao, từ Pari ta có thể làm cho dư luận Pháp và Tây Âu hiểu tình hình và đồng tình với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Ngày 19-4-1946, Hội nghị trù bị Đà Lạt khai mạc. Sau nhiều ngày làm việc, do lập trường ngoan cố của phía Pháp, nhất là về vấn đề Nam Bộ nên hội nghị hoàn toàn bế tắc.

Ngày 25-4-1946, phái đoàn Quốc hội Việt Nam gồm 15 thành viên, do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu, lên đường sang Pari. Những ngày ở thăm nước Pháp, đoàn đại biểu Quốc hội nước ta đã hoạt động tích cực theo tinh thần "đoàn kết, cẩn thận, làm cho người Pháp hiểu ta" như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường đi

1. Cao uỷ Pháp ở Đông Dương (1945-1947).

thăm chính thức Cộng hoà Pháp. Trước khi rời Tổ quốc, Người nắm tay nhà cách mạng lão thành Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước và nói:

> "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ "dĩ bất biến, ứng vạn biến"[1].

Cuộc hành trình đến Cộng hoà Pháp của Người phải đi qua các nước: Miến Điện[2], Ấn Độ, Pakixtăng, Irắc, Ai Cập, Angiêri, rồi Biarit (Biarritz) thủ phủ xứ Pirênê Atlăngtie (Pyrénées - Atlantiques), miền Nam nước Pháp. Ở những nơi dừng chân, Người tranh thủ mọi cơ hội bày tỏ thiện cảm của nhân dân ta đối với nước chủ nhà, làm cho họ hiểu cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa, đồng thời cũng tỏ rõ thiện chí với nước Pháp.

Chiều ngày 22-6-1946, lễ đón chính thức Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức tại Pari. Quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tung bay trên bầu trời Thủ đô nước Cộng hoà Pháp, *Quốc ca* Việt Nam vang lên hùng tráng.

Đến Pari, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại nơi có những kỷ niệm khó quên của mấy chục năm trước là thân phận của người dân mất nước, đang tìm đường cứu nước, nay với một cương vị mới, một trọng trách mới - Chủ tịch

---

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 457.

2. Nay là Mianma.

nước Việt Nam độc lập, thượng khách của nước Pháp, sứ giả của tình hữu nghị Việt - Pháp. Trong lời đáp từ tại buổi tiệc chiêu đãi của Thủ tướng G. Biđôn (Georger Bidault), Người nói:

> "Nước Việt Nam và nước Pháp có thể hoà hợp với nhau trong khối Liên hiệp Pháp gồm những dân tộc tự do bình đẳng cùng ôm một lý tưởng dân chủ và cùng say mê vì tự do… đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân[1]. Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp"[2].

Trong thời gian lưu lại trên đất Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm nhiều nơi, gặp gỡ và trò chuyện với đại biểu ba chính đảng đang cầm quyền và hầu hết các đoàn thể chính trị lớn tại Pháp. Người cũng đã tiếp xúc với đại biểu các tổ chức quốc tế như Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ thế giới, Đoàn Thanh niên Dân chủ thế giới, Người còn gặp nhiều nhà hoạt động chính trị danh tiếng, các doanh nghiệp, quân nhân, trí thức, nhà văn, nhà báo, v.v.. Thông qua những cuộc gặp đó Chủ tịch Hồ Chí Minh biết được tình cảm và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị ở Pháp. Người làm cho họ hiểu rõ khát vọng tự do, ý chí bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân

1. Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 267.

Việt Nam. Người đã để lại những ấn tượng khó phai trong tâm tưởng người Pháp bởi sự chân thành, cởi mở và giản dị của mình. Người dành thời gian tiếp xúc, trò chuyện với các thế hệ Việt kiều đang làm ăn, sinh sống tại Pháp và các nước lân cận. Người kêu gọi lòng ái quốc của bà con Việt kiều hãy giúp đỡ và ủng hộ Chính phủ.

Ngày 12-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp báo chính thức tại lâu đài Roayan Môngxô (Royal Monceau), Pari, công bố lập trường 6 điểm của Chính phủ ta, nêu rõ: Việt Nam đòi quyền độc lập trong Liên hiệp Pháp, vui lòng cộng tác với Pháp; Việt Nam cũng tán thành Liên bang Đông Dương nhưng không chấp nhận một chính phủ liên bang; Việt Nam bảo hộ tài sản của kiều dân Pháp nhưng họ phải tôn trọng luật pháp của Việt Nam; Việt Nam có quyền mua lại những sản nghiệp có quan hệ đến quốc phòng và sử dụng cố vấn người Pháp khi cần; Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự tại các nước; Người đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Nam Bộ: Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia sẻ, không lực lượng nào có thể chia cắt. Cuộc họp báo đã nâng cao vị thế của Việt Nam trước dư luận Pháp và quốc tế.

Ngày 6-7-1946, cuộc đàm phán chính thức Việt - Pháp khai mạc tại lâu đài Phôngtennoblô (Fontainebleau). Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi sát và chỉ đạo kịp thời với những diễn biến cuộc đàm phán.

Thái độ ngoan cố cùng hành động trắng trợn vi phạm *Hiệp định Sơ bộ* của phía Pháp đã làm cho cuộc đàm phán

tại Phôngtennơblô bế tắc. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam với quy mô rộng lớn hơn, cường độ quyết liệt hơn, nếu đến sớm sẽ hoàn toàn không có lợi cho ta. Để cứu vãn tình thế bế tắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động gặp Bộ trưởng M. Mutê (Marius Moute) để thảo luận thêm về quan hệ Việt - Pháp và đi tới ký kết bản *Tạm ước Việt - Pháp*, ngày 14-9-1946. Bản *Tạm ước* định rõ hai bên đình chỉ xung đột, phía Pháp bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ, thả những người bị bắt; phía Việt Nam bảo đảm quyền lợi kinh tế, văn hoá của Pháp tại Việt Nam; hai bên thoả thuận thời gian mở lại cuộc đàm phán vào tháng Giêng năm 1947. Bản *Tạm ước* chưa đạt được những yêu cầu như mong muốn, nhưng đã đem lại thắng lợi to lớn về ngoại giao và thời gian quý báu để chúng ta chuẩn bị lực lượng.

Ngày 18-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước trên chiến hạm Đuymông Đuyếcvin (Dumont d' Urville). Ngày 20-10 tầu cập cảng Hải Phòng, kết thúc chuyến đi thăm và đàm phán với Pháp.

Ngày 23-10-1946, các phương tiện thông tin đại chúng đã truyền đi lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh với quốc dân về chuyến thăm chính thức nước Pháp. Sau khi khẳng định những kết quả chuyến thăm Cộng hoà Pháp, Người chỉ rõ nhiệm vụ của nhân dân ta trong thời gian tới là phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, công tác để xây dựng nước nhà, phát triển kinh tế…; đối với người Pháp cần thân thiện, lịch sự, ôn hoà và thật thà hợp tác, phải tỏ cho thế giới biết rằng:

> "Nhân dân ta yêu chuộng hoà bình, Chính phủ ta muốn cho dân được an cư lạc nghiệp. Chúng ta muốn cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp mong có ích lợi cho cả hai bên"[1].

Nguy cơ chiến tranh đến gần. Ngày 5-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ*. Người nêu rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là kháng chiến và kiến quốc. Cả hai việc đều cần phải có nhiều người: người về quân sự, kinh tế, giao thông… Lực lượng đó là đảng viên, thanh niên, là những phần tử hăng hái trong nhân dân, nếu khéo vận động, khéo huấn luyện, đào tạo, biết đặt đúng việc thì có ích cho đất nước. Đồng thời phải làm cho dân hiểu cuộc kháng chiến sẽ trường kỳ, rất gay go, cực khổ vì

> "Dù địch thua đến 99%, nó cũng rán sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang"[2].

Vì lực lượng địch chỉ có hạn cho nên chúng ta phải có tín tâm và quyết tâm thì mới đi đến thắng lợi. Mọi người phải hăng hái tham gia du kích và tăng gia sản xuất khắp nơi, nhất định kháng chiến thắng lợi. Đó chính là những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kỳ gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 201.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 433.

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, ngay sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ đã đặc biệt quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân: ký sắc lệnh đổi Vệ quốc quân thành Quân đội quốc gia Việt Nam, kiện toàn bộ máy tổ chức: lập Bộ Tổng tham mưu, Cục Chính trị, Cục Thông tin liên lạc, Quân sự uỷ viên hội…, mở trường đào tạo cán bộ chính trị, quân sự cho lực lượng vũ trang.

Ngày 26-5-1946, Người dự lễ khai giảng khoá đầu tiên của Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn tại Sơn Tây, trao tặng nhà trường lá cờ thêu 6 chữ vàng "Trung với nước, hiếu với dân" và căn dặn:

> Đó "là bổn phận thiêng liêng, là mục đích của anh em, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta"[1].

Song song với quân đội chính quy, Người còn quan tâm chỉ đạo xây dựng các lực lượng nửa vũ trang (dân quân du kích ở nông thôn và tự vệ ở thành phố), huy động toàn dân ủng hộ, xây dựng lực lượng vũ trang. Phát động toàn dân hưởng ứng phong trào *Mùa đông binh sĩ,* gửi áo ấm cho các chiến sĩ ngoài mặt trận và Người nêu gương trước. Người nói:

> "Tôi có 2 chiếc áo rét. Một chiếc tôi đã mặc mấy năm nay và một chiếc của Uỷ ban vận động

1. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd,* t. 3, tr. 227.

Mùa đông binh sĩ vừa mang biếu tôi. Cả 2 chiếc, tôi tặng các binh sĩ ngoài mặt trận"[1].

Hiểu rõ lực lượng vũ trang của ta, đa số xuất thân từ nông thôn - những người nông dân mặc áo lính, nên dù bộn bề công việc điều hành nhà nước mới độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh với các bút danh Q.Th và Q.T vẫn dành thời gian viết và đăng liên tiếp từ giữa tháng 5-1946 trên báo *Cứu quốc,* dưới tiêu đề *Binh pháp Tôn Tử,* một loạt bài về chiến lược, chiến thuật quân sự. Đây là tập tài liệu huấn luyện ngắn, nhưng rất cơ bản, cụ thể và dễ hiểu, về một hệ thống luận văn quân sự phổ thông, để giảng giải và giới thiệu nội dung và phương pháp tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, bởi muốn chiến thắng, ngoài tinh thần, người chiến sĩ còn cần phải có giác ngộ chính trị cao, được bồi dưỡng về lý luận quân sự, có hiểu biết về chiến thuật, kỹ thuật… Nhờ vậy, Quân đội nhân dân và dân quân tự vệ đã phát triển nhanh chóng, nhiều đơn vị mới được thành lập, tinh thần sẵn sàng chiến đấu của bộ đội rất cao, thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

Để tạo cơ sở chính trị vững chắc cho cuộc kháng chiến sắp tới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành một số biện pháp củng cố tổ chức chính quyền. Sáu ngày sau khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá I. Trong tình hình khẩn trương, được sự uỷ nhiệm của Quốc hội, ngày 2-11-1946, Người đã trình Quốc hội thông qua danh sách các thành viên Chính phủ - một Chính phủ sẽ đảm

1. Báo *Cứu quốc*, số 408, ngày 17-11-1946.

đương trọng trách lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc đi đến thắng lợi. Ngày 9-11-1946, Quốc hội thông qua *Hiến pháp* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam, đồng thời cũng là *Hiến pháp* đầu tiên ở Á Đông. Hiến pháp gồm: Lời nói đầu và 7 chương với 70 điều, xác định rõ chủ quyền độc lập của dân tộc Việt Nam, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, định rõ quyền tự do và nghĩa vụ xây dựng đất nước của công dân. Hiến pháp nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, cách tổ chức và quyền hạn của Nghị viện nhân dân, của Chính phủ, của hội đồng nhân dân và uỷ ban hành chính các cấp, của các cơ quan tư pháp, v.v..

Để chuẩn bị căn cứ địa cho cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng trở lại Việt Bắc chuẩn bị địa điểm cho việc di chuyển các cơ quan của Đảng và Nhà nước, đồng thời tổ chức lực lượng chuyển một số trang thiết bị kỹ thuật, gạo, muối về căn cứ.

Tuy bận trăm ngàn công việc lớn của quốc gia, nhưng khi biết tin chị và anh ruột ra thăm, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian để giữ trọn đạo làm em với anh trai Nguyễn Sinh Khiêm và chị gái Nguyễn Thị Thanh. Thông cảm với Người đang bận lo việc nước, ông cả Khiêm và bà Thanh đã vui vẻ trở lại quê nhà, vì biết rõ cậu Thành ngày xưa vẫn khoẻ mạnh và nay là Hồ Chí Minh.

Quân Pháp ngày càng vi phạm nghiêm trọng những thoả ước mà hai bên đã ký kết. Những hành động quân sự tấn công xâm chiếm ngày càng trắng trợn, liều lĩnh những địa điểm của ta đóng giữ. Phía ta vẫn giữ thái độ hết sức

mềm dẻo, mong muốn giải quyết tranh chấp bằng con đường hoà bình, như lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phóng viên báo Pari - Sài Gòn:

> "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh… Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách…
>
> Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm… Cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do"[1].

Sau rất nhiều cố gắng để vãn hồi hoà bình, nhưng tình hình ngày càng xấu. Ngày 18 và 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ toạ Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) tại làng Vạn Phúc, Hà Đông. Hội nghị phân tích sâu sắc tình hình của ta, âm mưu của địch và quyết định: tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước. Hội nghị cũng quyết định đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Hội nghị đã thông qua *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo.

Sáng sớm ngày 19-12-1946 quân Pháp gửi tối hậu thư thứ ba, hạn trong 24 giờ đồng hồ, tự vệ Hà Nội phải hạ vũ khí, đình chỉ ngay những hành động chuẩn bị kháng chiến.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 473.

20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cả dân tộc theo lời hịch kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

> "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.
>
> *Hỡi đồng bào!*
> Chúng ta phải đứng lên!
>
> Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!"[1].

Vậy là trong 16 tháng (từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung giải quyết những yêu cầu cụ thể và cấp bách của lịch sử: chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân với hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương. Với sự mẫn tiệp và nhạy bén, sáng tạo, Người đã làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của thù trong giặc ngoài, giữ vững chính quyền cách mạng, tranh thủ thời gian chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp.

Mùa đông năm 1946, Người 56 tuổi lên đường kháng chiến. Hành trang mang theo rất giản đơn: chiếc balô đựng vài ba bộ quần áo, một chiếc túi đựng tài liệu với cái máy chữ Hécmét, chiếc đồng hồ quả quýt cùng chiếc gậy trúc và đôi dép caosu.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 480.

II- LINH HỒN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Để đưa cuộc kháng chiến toàn dân đi đến thắng lợi thì phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thành một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch và cách mạng triệt để. Trước hết, Người không ngừng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong lãnh đạo của cán bộ, đảng viên.

Trong năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành hai tác phẩm quan trọng là *Đời sống mới* và *Sửa đổi lối làm việc*.

Dưới bút danh Tân Sinh, Người viết tác phẩm *Đời sống mới*. Bằng hình thức hỏi - đáp, cuốn sách giới thiệu vắn tắt, rõ ràng, dễ hiểu nội dung của đời sống mới và nêu yêu cầu cụ thể đối với mỗi người, mỗi gia đình, từng giới, từng ngành. Cuốn sách còn hướng dẫn bộ đội và nhân dân ta sửa chữa những cái cũ không còn phù hợp, thực hiện những cái mới mà hay trong đời sống, trong cách ăn, mặc, ở, đi lại, cách làm việc. Đời sống mới đã thiết thực giúp bộ đội và nhân dân ta biết xử lý một cách đúng đắn mối quan hệ giữa cái cũ và mới trong đổi mới, và thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, làm cho trong kháng chiến dân ta "vật chất được đầy đủ, tinh thần được vui mạnh hơn".

Với bút danh X.Y.Z, Người viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, gồm 6 phần, nêu lên những kinh nghiệm, bài học

thực tiễn có tính lý luận, bồi dưỡng tác phong lãnh đạo của người đảng viên cộng sản; 12 điểm về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền và cả nước có chiến tranh và nêu 5 điều về rèn luyện đạo đức cách mạng. Người kết luận:

> "Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm chăm lo tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Người nêu 12 điều để "làm sao cho bộ đội được dân tin, dân phục, dân yêu"[2]. Người căn dặn:

> "Điểm trọng yếu là bất kỳ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích đều phải bám sát lấy dân, rời dân ra nhất định thất bại"[3].

Người khẳng định: "Một quân đội văn hay võ giỏi, là một quân đội vô địch"[4]. Về chính trị, bộ đội nắm vững đường lối, chính sách, trước hết là đường lối quân sự của Đảng, phải tăng cường đoàn kết, đoàn kết giữa cán bộ với chiến sĩ, đoàn kết quân dân và đoàn kết quốc tế. Về quân sự, bộ đội phải ra sức rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, thể lực để nâng cao trình độ tác chiến; nội dung huấn luyện phải toàn diện.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 252.

Để góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp cho quân đội, Người đã biên soạn tài liệu *Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh*[5], gồm 36 vấn đề thuộc về phẩm chất, bản lĩnh và cách thức chỉ huy của người tướng.

Ngày 20-1-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110/SL, phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp và Sắc lệnh số 111/SL - 112/SL, phong quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng cho một số cán bộ cao cấp đang giữ các trọng trách trong quân đội. Đó là một bước để quân đội ta tiến dần lên chính quy hoá.

Người cũng rất coi trọng vai trò của dân quân du kích, vì đó:

> "Là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"[1].

Với phương châm chắc thắng mới đánh, đồng thời chú ý phát huy sức mạnh chính nghĩa, kết hợp quân sự với chính trị, ra sức địch vận để làm tan rã hàng ngũ địch, Người khuyên các lực lượng vũ trang: Không nên nóng vội, muốn ăn to đánh lớn khi chưa đủ điều kiện. Nhờ thế mà:

---

5. *Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh*, Biên dịch Hồ Chí Minh, Phòng Chính trị ĐQCVN Liên khu III xuất bản, tháng 9-1948.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 132.

> "Trong 2 năm kháng chiến cứu nước, từ Nam đến Bắc, quân đội ta đã nhiều phen chiến thắng quân đội thực dân Pháp là một quân đội kinh nghiệm nhiều, khí giới tốt, là một quân đội có tiếng trên hoàn cầu"[1].

Để động viên tinh thần quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh về đặt và quy định thưởng huân, huy chương kháng chiến, huân chương Quân công cho các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong kháng chiến.

Phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua yêu nước*. Nhân kỷ niệm 1.000 ngày toàn quốc kháng chiến, Người đã ra lời kêu gọi, chính thức phát động phong trào *thi đua ái quốc*, nêu rõ mục đích, phương châm và khẩu hiệu, cũng như nội dung thi đua cụ thể cho từng giới. Người tin tưởng:

> "Với tinh thần quật cường và lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta, chúng ta có thể thắng lợi, chúng ta nhất định thắng lợi"[2].

Người cử cụ Tôn Đức Thắng làm Trưởng Ban Trung ương vận động Thi đua ái quốc, ông Hoàng Đạo Thuý làm Tổng thư ký Ban thi đua Trung ương. Hưởng ứng lời kêu gọi người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày

---

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 204, 446.

thi đua, phong trào thi đua yêu nước đã phát triển sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

Đường lối kháng chiến trường kỳ của ta bước đầu làm thất bại chiến lược đánh "chớp nhoáng" của địch, buộc chúng phải co cụm về các thành phố lớn. Tuy vậy Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: Nhất định thực dân Pháp sẽ mở cuộc tiến công lớn vào thu đông 1947, mà chiến trường chính là Việt Bắc. Với âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, ngày 8-10-1947, địch cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, mở đầu cho cuộc phiêu lưu quân sự lên Việt Bắc. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời ra chỉ thị *Phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp* và chỉ đạo: Dùng cách đánh du kích và vận động chiến, quân và dân ta đã làm cho các binh đoàn lớn của Pháp bị chia cắt và hao mòn. Sau 40 ngày (tới 13-11-1947), 3 binh đoàn với 2 vạn quân tinh nhuệ của địch đã phải tháo chạy khỏi Việt Bắc. Cuộc tấn công thu đông của thực dân Pháp hoàn toàn phá sản.

Chiến dịch kết thúc, với bút danh Tân Sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*, trong đó Người vạch rõ những thất bại của Pháp, khái quát nguyên nhân quyết định thắng lợi của ta trong chiến dịch thu đông vừa qua, đồng thời dự báo âm mưu mới của địch. Người cũng nhắc nhở quân và dân ta: Chớ chủ quan khinh địch, tự cao tự đại mà phải luôn luôn chuẩn bị, cẩn thận đề phòng, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đó là chìa khoá để đi đến thắng lợi.

Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta sang một giai đoạn mới. Thất bại thu đông 1947 ở Việt Bắc đã buộc thực dân Pháp chuyển từ chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" sang chiến lược đánh lâu dài và thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", đồng thời xin viện trợ của đế quốc Mỹ. Mặt khác, sau một thời gian mặc cả, tháng 6-1948, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương đã ký *Tuyên bố chung* với đại diện Chính phủ Bảo Đại, theo đó Pháp thừa nhận "độc lập" của Việt Nam.

Về phía ta, đi đôi với thắng lợi về quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền đối ngoại, phá thế cô lập về ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của loài người tiến bộ đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Đầu năm 1947, trong thư, điện gửi Chính phủ các nước Ấn Độ, Miến Điện, Nam Dương, Cao Miên. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

> "Vận mệnh dân tộc châu Á quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam…" và bày tỏ: "Chúng tôi mong được tất cả các dân tộc giúp đỡ"[1].

Người cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế, như: Hội nghị Liên Á ở Ấn Độ, Hội nghị các nước châu Á ủng hộ Nam Dương chống xâm lược Hà Lan… Đồng thời, với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định đưa quân tình

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 24.

nguyện Việt Nam giúp đỡ cách mạng Lào và Cao Miên, phối hợp chiến đấu cùng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trong chiến dịch Thập vạn đại sơn, giúp bạn giải phóng một vùng rộng lớn ở Quảng Tây.

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược là một sự cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, nên đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ cùng tình cảm nồng nhiệt của Chính phủ và nhân dân các nước anh em. Trên cơ sở đó, Chính phủ Việt Nam đã đặt cơ quan đại diện thường trú tại Băng Cốc, Rănggun, Praha để tuyên truyền, giúp nhân dân thế giới ngày càng hiểu hơn về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta.

Ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra *Lời tuyên bố* gửi Chính phủ các nước trên thế giới:

> "Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam… Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 7-8.

Ngày 18-1-1950, Chính phủ Trung Quốc công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 30-1-1950, Chính phủ Liên Xô, rồi Chính phủ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Đầu tháng 1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật rời Tân Trào đi Bắc Kinh, Trung Quốc. Đầu tháng 2-1950, Người đến Mátxcơva, Liên Xô. Trong những cuộc gặp gỡ với các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông báo tình hình đấu tranh cách mạng và sự phát triển của cuộc kháng chiến anh dũng nhưng rất gian khổ của nhân dân Việt Nam, trao đổi ý kiến về vai trò và vị trí của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam trong trào lưu cách mạng thế giới, về sự giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Các nhà lãnh đạo hai nước đánh giá cao cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân Việt Nam, đồng thời coi việc giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là nghĩa vụ quốc tế cao cả. Việc hai nước lớn Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ mới công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới, đã đưa lại "thắng lợi to lớn nhất trong lịch sử Việt Nam". Và "Chắc rằng cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này"[1].

Để củng cố và mở rộng vùng căn cứ địa Việt Bắc, phá tan sự phong toả của thực dân Pháp, nối liền nước ta với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 81-82.

thế giới dân chủ, tháng 7-1950, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Biên giới (từ ngày 16-9 đến ngày 8-10-1950). Người trực tiếp kiểm tra kế hoạch tác chiến, phê chuẩn quyết tâm của Bộ Chỉ huy chiến dịch và ra trận địa quan sát cứ điểm Đông Khê. Chiến dịch Biên giới toàn thắng, giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn, một dải biên giới dài 750 km với 35 vạn dân, đã nối liền nước ta với các nước dân chủ anh em.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo ra thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta đi tới thắng lợi hoàn toàn. Trước yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 21 đến ngày 23-6-1950, đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

Tháng 1-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư tới Đại hội trù bị của Đảng. Người yêu cầu các đại biểu cần nghiên cứu thật sâu, thảo luận thật kỹ những vấn đề chính trong các văn kiện. Người nêu rõ:

> "Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó"[1].

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 6, tr. 150.

Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức họp tại Bản Khay, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự đại hội có 200 đại biểu, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên thuộc các Đảng bộ Việt Nam, Lào và Campuchia. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Báo cáo chính trị* tại đại hội. Sau khi điểm những nét chính tình hình thế giới 50 năm qua và tình hình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời, Người khẳng định: Đường lối trường kỳ kháng chiến là hoàn toàn đúng đắn; với phương châm: đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân và thực hiện biện pháp: thi đua yêu nước, cuộc kháng chiến đã thực sự là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, là chiến tranh nhân dân. Người chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm của Đảng như bệnh chủ quan, mệnh lệnh, hẹp hòi, công thần…, đồng thời nêu lên trách nhiệm chính của đảng viên là phải phát triển lối làm việc tập thể, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nêu cao tinh thần kỷ luật, tính nguyên tắc, mở rộng phê bình và tự phê bình. Người nhấn mạnh: Để đưa kháng chiến đến thắng lợi cần phải có một đảng hoạt động mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam.

Đại hội đã nghe, thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị*, bàn về phương hướng, đường lối của cách mạng Việt Nam, về tổ chức và *Điều lệ Đảng*, về chính quyền nhân dân, về củng cố khối đoàn kết, về xây dựng Quân đội nhân dân và quan hệ ngoại giao, v.v.. Trong điều kiện lịch sử

mới, phải có một đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi. Đại hội quyết định công tác chuẩn bị và tiến tới thành lập chính đảng mácxít ở mỗi nước trên bán đảo Đông Dương. Đại hội nhất trí theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đã bầu 29 đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta thực hiện thắng lợi nghị quyết do đại hội đề ra. Trước hết, để củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 3-3-1951, Đại hội toàn quốc hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt (Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) đã quyết định thành một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là Mặt trận Liên Việt, và Người được bầu làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận. Tiếp đến là Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào, gồm đại biểu mặt trận dân tộc thống nhất của ba nước, được tổ chức thắng lợi là đòn nặng nề giáng vào âm mưu chia để trị của thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

> "Với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, với sức đại đoàn kết của ba dân tộc anh em,

chúng ta nhất định đánh tan lũ thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, chúng ta nhất định làm cho ba nước độc lập và thống nhất thật sự"[1].

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, từ cuối năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Vũ Kỳ - thư ký giúp việc của Người sang công tác ở Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc, để chuẩn bị cho sự ra đời của một lực lượng mới tham gia kháng chiến: THANH NIÊN XUNG PHONG, mà những đơn vị đầu tiên được thành lập ngày 15-7-1950. Nhiệm vụ ban đầu của các ĐỘI THANH NIÊN XUNG PHONG CÔNG TÁC này là tham gia làm đường, vận chuyển lương thực, đạn dược cho các chiến dịch lớn của cuộc kháng chiến. Trong chuyến công tác kiểm tra việc sửa chữa cầu đường từ Thái Nguyên đi Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp Đội thanh niên xung phong 312, tối ngày 20-3-1951, đang làm đường ở Nà Cù, thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn và tặng bốn câu thơ:

Không có việc gì khó,
Chỉ sự lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên[2].

Từ ngày 27-9 đến 5-10-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá II). Hội nghị nhận định: Ta đã giữ được thế chủ động trên chiến trường, nhưng chưa thay đổi được tình thế ở đồng bằng

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr. 181, 95.

Bắc Bộ. Hội nghị đề ra ba nhiệm vụ lớn là: Ra sức tiêu diệt sinh lực địch; phá tan kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của địch; bồi dưỡng sức kháng chiến của nhân dân, xây dựng căn cứ địa, củng cố hậu phương để phục vụ tiền tuyến, phục vụ kháng chiến. Ba nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau:

> "Đánh địch về mặt quân sự và về mặt chính trị là để tiêu hao lực lượng địch… Tăng gia sản xuất và tiết kiệm là để bồi dưỡng lực lượng ta, đặng tiêu hao lực lượng địch. Tiêu hao lực lượng địch là để bồi dưỡng lực lượng ta. Cho nên 3 nhiệm vụ ấy phải cùng tiến hành với nhau"[1].

Muốn huy động sức dân cho kháng chiến, phải bồi dưỡng lực lượng của dân. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Người kêu gọi nông dân Việt Nam:

"Ruộng rẫy là chiến trường,
Cuốc cày là vũ khí,
Nhà nông là chiến sĩ,
Hậu phương thi đua với tiền phương"[2].

Sản xuất muốn vững chắc phải đi đôi với tiết kiệm. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống. Vì thế, Người đã khởi xướng

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 463, 178.

cuộc vận động "Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, quan liêu".

Việc thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam và Mậu dịch quốc doanh - mầm mống của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sản xuất, giao lưu hàng hoá, đấu tranh kinh tế với địch, mở rộng buôn bán và trao đổi với các nước anh em.

Thắng lợi về chính trị, quân sự và kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác văn hoá, văn nghệ, giáo dục phát triển. Nhân dịp Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai, ngày 15-7-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Hội nghị, Người viết:

> "Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hoá gánh một phần rất quan trọng…
>
> Nhiệm vụ của văn hoá chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới"[1].

Người khẳng định:

> "Văn hoá nghệ thuật cũng là **một mặt trận**. Anh chị em là **chiến sĩ** trên mặt trận ấy"[2].

Anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức đã thực hiện khẩu

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 464.

hiệu "kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến" do Người đề ra.

Đồng thời với những vấn đề văn hoá, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm chăm lo đến công tác tư tưởng. Trong *Báo cáo về tình hình và nhiệm vụ* trình bày tại Hội nghị Trung ương lần thứ ba (22-4-1952), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ba nhiệm vụ lớn và bốn công tác chính, trong đó quan trọng nhất là chỉnh đảng, chỉnh quân, vì:

> "Là một đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng"[1] và "Dù có bao nhiêu khí giới tinh xảo mà người (tức cán bộ và chiến sĩ) không có lập trường vững, quan điểm vững, tinh thần trong sạch, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thì súng đó cũng bỏ đi"[2].

Người theo dõi chặt chẽ cuộc chỉnh huấn và nói rằng: chỉnh huấn là để làm cho mọi người đi vào con đường sáng sủa, tươi đẹp của cuộc đời cách mạng. Người ta ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm. Vì vậy, phải thương yêu nhau, quý trọng nhau, giúp nhau nâng cao tư tưởng cách mạng, củng cố lập trường, rửa gột khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Cuộc vận động chỉnh huấn, chỉnh quân đã giúp

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 480.

2. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974, t.1, tr. 518.

cho cán bộ, đảng viên nâng cao thêm lập trường tư tưởng, tạo ra một khí thế cách mạng mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

> "Nền tảng của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân, vì nông dân là tối đại đa số trong dân tộc. Nền tảng của cách mạng dân chủ cũng là vấn đề nông dân, vì nông dân là lực lượng cách mạng đông nhất chống phong kiến, chống đế quốc"[1].

Cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ quyết liệt, đòi hỏi phải huy động sức người sức của ngày càng nhiều, cho nên càng phải bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân. Hội nghị Trung ương lần thứ tư (từ ngày 25 đến 30-1-1953) đã quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Vì:

> "Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân"[2].

Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng (từ ngày 15 đến ngày 21-11-1953) đã thảo luận chính sách, kế hoạch cải cách ruộng đất và thông qua những văn kiện về cải cách ruộng đất.

Tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá I (từ ngày 1 đến ngày 4-12-1953), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo cáo về cải cách

---

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 15, 16.

ruộng đất, nêu rõ ý nghĩa, mục đích và đường lối chính sách chung của cải cách ruộng đất. Người nhấn mạnh:

> "Then chốt thắng lợi của kháng chiến là *củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất,* củng cố công - nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển *quân đội*, củng cố *Đảng* và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt"[1].

Muốn thế phải tiến hành cải cách ruộng đất, vì có giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, có bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên đầy đủ lực lượng to lớn đó vào kháng chiến tranh thắng lợi. Trong phiên cuối cùng của kỳ họp, các đại biểu đã nhất trí thông qua *Luật Cải cách ruộng đất*.

Ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 197/SL công bố thi hành *Luật Cải cách ruộng đất*.

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ, theo dõi sát sao của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất ở giai đoạn đầu đã thu được những kết quả rất to lớn: Hàng triệu nông dân có ruộng; khối liên minh công - nông được tăng cường; chính quyền và mặt trận được kiện toàn; sự lãnh đạo của Đảng được đề cao. Hậu phương được củng cố và phát triển vững mạnh, nhờ đó sức chiến đấu của quân đội được nâng cao, kháng chiến có thêm sức mạnh mới để bước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 179.

sang giai đoạn phản công thắng lợi.

Từ đầu năm 1953, với bút danh Đ.X, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết một loạt 50 bài *Thường thức về chính trị,* đăng trên báo *Cứu quốc*. Bài mở đầu *Giai cấp là gì?*, ra ngày 16-1-1953 và bài *Kết luận,* ra ngày 23-9-1953. Đây là những bài viết nhằm cung cấp cho cán bộ và nhân dân những kiến thức phổ thông cần thiết về chính trị như: Giai cấp là gì? Phong kiến là gì? Tư bản là gì?, v.v. đến những vấn đề về đường lối cách mạng và các tổ chức cách mạng như Đảng, Mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền nhân dân, v.v.. Mục đích của những bài viết ngắn này chủ yếu xây dựng lý tưởng và niềm tin cho nhân dân, để vượt qua gian khó, hy sinh, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau chiến thắng ở Chiến dịch Biên giới - thu đông 1950, để phá vỡ phòng tuyến địch ở đồng bằng Bắc Bộ, từ cuối 1950 đến giữa năm 1951, ta liên tiếp mở ba chiến dịch lớn: Chiến dịch Trung du, Chiến dịch đường số 18 và Chiến dịch Hà - Nam - Ninh. Nhưng ở đây địch mạnh về cả binh lực lẫn hoả lực, nên tuy đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, nhưng ta cũng bị tổn thất, không đạt mục tiêu đề ra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự Hội nghị kiểm thảo Chiến dịch đường số 18. Người kêu gọi nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tìm ra khuyết điểm, quyết tâm khắc phục để giành thắng lợi mới. Muốn đánh thắng phải thảo luận kỹ để chủ trương cho đúng, đặt kế hoạch cho sát. Cán bộ phải thương yêu đội viên, bộ đội phải thương yêu dân,

phụng sự dân: "Phải làm cho dân hết sức giúp đỡ mình thì mình mới đánh thắng giặc"[1].

Cuối năm 1951, Tátxinhi mở cuộc phản công lớn ra Hoà Bình nhằm cắt đứt đường liên lạc tiếp tế giữa Khu IV với Việt Bắc, hòng tiêu diệt quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Ngày 24-11-1951, Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hoà Bình của địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ chủ lực và dân quân du kích tham gia Chiến dịch Hoà Bình. Người nhắc nhở:

> "Muốn thắng, thì ta phải tích cực, tự động, bí mật, mau chóng, kiên quyết, dẻo dai. Chắc thắng mới đánh.
>
> Nhưng tuyệt đối chớ chủ quan, khinh địch.
> Bộ đội chủ lực đánh.
>
> Bộ đội địa phương, dân quân du kích cũng đánh. Các lực lượng phải phối hợp nhau chặt chẽ để tiêu diệt sinh lực của địch, để đánh tan kế hoạch thu đông của chúng"[2].

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta đã phối hợp đánh địch ở Hoà Bình cả trước mặt và sau lưng. Sau hơn ba tháng bao vây và tiến công quyết liệt, quân ta đã buộc quân Pháp phải rút chạy khỏi Hoà Bình, âm mưu của chúng hoàn toàn bị phá

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 207, 341.

sản. Ta tiêu diệt hơn hai vạn tên địch, giải phóng một vùng Hoà Bình và hai triệu đồng bào.

Địch còn đang hoang mang, bị động đối phó với ta ở trung du và đồng bằng, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc, nơi chúng đang sơ hở, địa hình rừng núi nên địch không phát huy được sức mạnh, khả năng cơ động của pháo và không quân. Nhưng, phía ta có thuận lợi là phát huy sở trường đánh ở vùng rừng núi, nhưng khó khăn về huy động hậu cần tại chỗ. Muốn thắng địch, ta phải quyết tâm rất cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với Hội nghị phổ biến kế hoạch Chiến dịch Tây Bắc, Người nói rõ quyết tâm của Trung ương và Tổng quân uỷ là phải đánh thắng trong chiến dịch này. Để động viên bộ đội, Người đặt giải thưởng một triệu đồng tặng cho những đơn vị và cá nhân lập công xuất sắc. Người nói: "Số tiền tuy nhỏ, nhưng giá trị nó to, vì do tay Bác tự làm ra"[1]. Người còn thăm hai đơn vị bộ đội, gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ và dân công phục vụ mặt trận Tây Bắc. Quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đến mỗi cán bộ, chiến sĩ, dân công tham gia chiến dịch.

Ngày 14-10-1952, Chiến dịch Tây Bắc mở màn bằng cuộc tiến công của ta vào phân khu Nghĩa Lộ. Sau hai tháng rưỡi chiến đấu, bộ đội ta đã giải phóng 8/10 vùng Tây Bắc bị địch chiếm giữ, gồm 25 vạn dân, mở rộng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 561.

củng cố vùng căn cứ địa kháng chiến của ta, phá tan âm mưu lập "Xứ Thái tự trị" của địch.

Sau Chiến dịch Tây Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ ta thoả thuận với Chính phủ kháng chiến Lào về việc quân tình nguyện Việt Nam với Quân giải phóng Pathét Lào, mở chiến dịch Thượng Lào. Quán triệt tinh thần "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình"[1] của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bộ đội ta đã cùng quân đội và nhân dân Lào chiến đấu, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phongxalỳ, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào với vùng tự do của ta, mở ra một tình thế thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Những thất bại liên tiếp trên các chiến trường làm cho thực dân Pháp ngày càng lún sâu vào thế bị động, nguy khốn. Chính phủ Pháp một mặt xin thêm viện trợ Mỹ, mặt khác thay đổi tướng tá chỉ huy và kế hoạch tác chiến hòng tìm lối thoát danh dự bằng thắng lợi quân sự. Tháng 5-1953, Hăngri Nava (Henri Navarre), Tham mưu trưởng lục quân khối NATO, được cử làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Nava vạch ra một kế hoạch có quy mô rộng lớn, nhằm trong vòng 18 tháng sẽ tiêu diệt phần lớn chủ lực của ta, giành thắng lợi quyết định, làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có lợi cho chúng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr. 64.

Tháng 9-1953, tại Tỉn Keo, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị bàn và phê chuẩn phương án tác chiến đông xuân 1953-1954 là hướng Tây Bắc, Tây Nguyên và Trung - Hạ Lào của Bộ Tổng tham mưu, với phương châm tác chiến: "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng"[1].

Giữa tháng 11-1953, bộ đội chủ lực của ta tiến lên Tây Bắc, giải phóng Lai Châu; phối hợp với quân đội Pathét Lào tiến công địch ở Trung - Hạ Lào. Nava buộc phải cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm gồm ba phân khu yểm hộ lẫn nhau, có cơ cấu phòng ngự vững chắc, với hơn 16 ngàn quân tinh nhuệ. Tướng Mỹ Ô Đanien (O'Daniel) đã xác nhận "Đây là một pháo đài bất khả xâm phạm" sau khi thị sát.

Ngày 6-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định tập trung đại bộ phận chủ lực tinh nhuệ của ta, mở cuộc đại tiến công vào tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch ở Điện Biên Phủ, và coi đây là điểm quyết chiến chiến lược. Người chỉ thị:

> "Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng

1. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, Sđd,* t.1, tr. 531.

phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”[1].

Các chiến trường trong cả nước được lệnh cùng phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, đẩy mạnh tiến công, chiến tranh du kích phát triển, làm phá sản kế hoạch tập trung binh lực của Nava. Hậu phương chi viện cao nhất cho chiến dịch lịch sử.

Để động viên các đơn vị bộ đội thi đua giết giặc lập công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” cho quân đội, và ân cần căn dặn Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước khi ra mặt trận: Cần nắm chắc Nghị quyết của Trung ương và chủ trương “đánh chắc thắng” của Bộ Chính trị.

Ngày 13-3-1954, quân ta mở cuộc tấn công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là một cuộc đọ trí, đọ sức hết sức gay go, quyết liệt giữa ta và địch, để giành giật từng thước đất. Trải qua 55 ngày đêm “khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt” chiến đấu cực kỳ ngoan cường và anh dũng, vượt qua bao gian khổ và hy sinh, ngày 7-5-1954, lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phất phới tung bay trên nóc hầm Sở chỉ huy của địch. Tướng Đờ Caxtơri (De Castries) cùng toàn bộ Ban Tham mưu bị bắt sống. Hơn một vạn quân Pháp tại Điện Biên Phủ ra hàng.

> “Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa

1. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t.1, tr. 557.

thực dân lăn xuống đất và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn"[1].

Thắng lợi quân sự của ta trong chiến cuộc đông xuân 1953-1954, nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định đập tan ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

Ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc. Phái đoàn ta do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, bước vào bàn hội nghị trong tư thế của người chiến thắng. Trưởng đoàn ta tuyên bố lập trường 8 điểm làm cơ sở cho việc thảo luận vấn đề lập lại hoà bình ở Việt Nam và Đông Dương. Đó là một giải pháp hoàn chỉnh: Đình chỉ chiến sự đi đôi với giải pháp về chính trị cho Việt Nam, Lào và Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương.

Cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên mặt trận ngoại giao cũng gay go và quyết liệt. Ở Pháp, ngày 12-6-1954, Chính phủ Lanien bị đổ. Thay vào là Măngđex Phrăngxơ (Mandès - France), đại diện phái chủ hoà, làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao dẫn đầu đoàn đại biểu Pháp sang Giơnevơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố hoan nghênh nguyện vọng muốn mau chóng thực hiện ngừng bắn ở Đông Dương của ông M. Phrăngxơ.

Từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, tại Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr. 261.

kiến với Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai về tình hình và phương án đấu tranh tại Hội nghị Giơnevơ.

Từ ngày 13 đến ngày 18-7-1954, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khoá II) họp. Hội nghị đã nghe và thảo luận hai báo cáo *Về tình hình và nhiệm vụ mới* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt* của đồng chí Trường Chinh. Hội nghị khẳng định: Đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của cách mạng Đông Dương, đồng thời chỉ ra những nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân lúc này là tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng Quân đội nhân dân hùng mạnh, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới; tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất; phục hồi và phát triển sản xuất, chuẩn bị điều kiện xây dựng đất nước. Hội nghị đã đề ra 10 công tác trước mắt.

Trong điều kiện các nước nhân nhượng với nhau, ngày 21-7-1954, *Hiệp định Giơnevơ* về Đông Dương đã được ký kết, theo đó: các nước thừa nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia, ngừng bắn đồng thời trên toàn chiến trường Đông Dương, Pháp rút quân về nước; vĩ tuyến 17 chỉ là ranh giới quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử để thống nhất đất nước.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và *Hiệp định Giơnevơ* năm 1954 chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng cách mạng ở Đông Dương, đồng thời là một đóng góp

quan trọng mở đầu sự tan rã hoàn toàn của hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp và báo hiệu quá trình sụp đổ không thể đảo ngược được của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ chứng tỏ sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cố gắng phi thường của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, những tiến bộ vượt bậc của quân đội ta về nghệ thuật quân sự, về tổ chức chỉ huy, về chiến đấu và bảo đảm chiến đấu.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến:

> "Chứng minh thiên tài lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và trí thông minh, trình độ già dặn của dân Việt Nam, khéo tiến, khéo thoái, lúc mềm, lúc cứng, lấy sức nhỏ đánh sức to, lấy sức yếu địch sức mạnh,… quyết tâm và tin tưởng tiến đến thắng lợi cuối cùng"[1].

Là linh hồn của cuộc kháng chiến, là biểu tượng sáng ngời nhất của tinh thần quyết chiến quyết thắng của dân tộc ta, Người đã quy tụ được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại để chĩa thẳng vào kẻ thù, khiến cho chúng luôn luôn bị động bất ngờ và thất bại. Còn sức chiến đấu của nhân dân ta thì như được nhân lên gấp bội, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

---

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr. 16.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

> "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới"[1].

Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã làm sáng tỏ một chân lý của thời đại ngày nay là một dân tộc dù nhỏ nhưng đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu theo đường lối cách mạng đúng đắn thì có khả năng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng có quân đội nhà nghề, thiện chiến được trang bị hiện đại.

Lịch sử cách mạng Việt Nam ghi thêm một trang vô cùng vẻ vang, "Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh" trở thành khẩu hiệu chiến đấu và chiến thắng của các dân tộc bị áp bức, được nhân dân thế giới nhắc đến với niềm tự hào và cảm phục.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 12.

Chương VII

LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1954 -1969)

I- LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC VÀ CẢI TẠO MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ VÀ CHUYỂN HƯỚNG CUỘC ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NAM (1954 -1960)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng. Miền Nam, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, biến nửa nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chuẩn bị gây lại chiến tranh tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và các nước xã hội chủ nghĩa. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng là kẻ thù chính nguy hiểm nhất và hung ác nhất của toàn dân ta.

Trước tình hình mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành: xây dựng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Cả hai nhiệm vụ ấy đều nhằm mục tiêu chung là củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, thiết thực tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam châu Á và thế giới.

Trong niềm vui miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chuẩn bị trở về Thủ đô. Ngày 19-9-1954, Người về thăm Đền Hùng, gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô. Người căn dặn:

> "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Ngày 14-10-1954, Người về tới Hà Nội. Mặc dù bận nhiều công việc đối nội, đối ngoại, Người vẫn dành thời gian tiếp đón và đi thăm các tầng lớp nhân dân, các đơn vị bộ đội, đặc biệt là đồng bào và chiến sĩ miền Nam vừa mới tập kết ra Bắc. Ngày 31-12-1954, Người dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đến đặt vòng hoa tại Đài liệt sĩ Hà Nội. Kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của các liệt sĩ, Người nói:

> “Các liệt sĩ đã hy sinh, nhưng công trạng to

lớn của các liệt sĩ đã ghi sâu vào lòng dạ của toàn dân và non sông đất nước…

Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm lá Quốc kỳ vẻ vang càng thêm thắm đỏ. Tiếng thơm của các liệt sĩ sẽ muôn đời lưu truyền với sử xanh”[1].

Sáng ngày 1-1-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự lễ của 25 vạn đồng bào Hà Nội tại Quảng trường Ba Đình, chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ trở về Thủ đô. Trong diễn văn đọc tại cuộc míttinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được. Người nêu những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta là kiên quyết thi hành hiệp định đình chiến, khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, tiếp tục cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng…“nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”[2]. Về đối ngoại, Người nêu lên chính sách của Đảng và Nhà nước ta là tán thành 5 nguyên tắc chung sống hoà bình, lấy đó làm cơ sở để xây dựng và phát triển mối quan hệ với các nước láng giềng Lào, Miên và các nước Đông Nam Á khác. Với nước Pháp, cố gắng lập lại mối quan hệ kinh tế và văn hoá trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên đều có lợi, đoàn kết với nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 7, tr. 427, 429.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo củng cố miền Bắc về mọi mặt, vì "Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân ta"[1].

Trong việc khôi phục kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh trước hết phải khôi phục và nâng cao sản xuất nông nghiệp, để:

> "Làm cho đồng bào nông dân ấm no, để cung cấp cho quân đội, để đảm bảo tiếp tế cho các thành thị, để đẩy mạnh việc khôi phục kinh tế nước nhà"[2].

Do hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai, từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1955, nạn đói liên tiếp xảy ra ở nhiều nơi trên miền Bắc. Tại Hội nghị sản xuất cứu đói (13-6-1955), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói "Dân dĩ thực vi thiên", nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời.

> "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi"[3].

Người đã phát động phong trào thi đua sản xuất và tiết

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 71.
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 461, 572.

kiệm mùa xuân, kêu gọi cấy lúa xuân, trồng các loại hoa màu ngắn ngày để cứu đói.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thì phải tiếp tục thực hiện "người cày có ruộng", vì vậy Đảng và Chính phủ đã quyết định tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5, đợt cuối cùng của cuộc đấu tranh xoá bỏ giai cấp phong kiến ở miền Bắc. Sau gần nửa năm tiến hành khẩn trương và gian khổ, cải cách ruộng đất đợt 5 đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã miền núi.

> Thắng lợi đó đã "mở đường cho đồng bào nông thôn ta xây dựng cuộc đời ấm no, góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh để đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà"[1].

Tuy nhiên, cuộc vận động cải cách ruộng đất đã phạm một số sai lầm "Đó là những sai lầm nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt, những sai lầm về những nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều lệ của một đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trái với chế độ pháp luật của Nhà nước dân chủ nhân dân"[2].

Những sai lầm đó đã làm ảnh hưởng, gây tổn thất rất lớn cho tổ chức đảng cơ sở và chính quyền, các tổ chức quần chúng các vùng nông thôn. Vì vậy, việc kịp thời sửa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 235.
2. *Hồ Chí Minh tiểu sử,* Nxb. Lý luận chính trị, 2006, tr. 481.

sai, chỉnh đốn tổ chức, thẳng thắn tự phê bình, nhận khuyết điểm trước nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, những người chịu trách nhiệm chính trong cải cách ruộng đất đã làm cho tình hình ở nông thôn dần dần đi vào ổn định. Cùng với việc đem lại ruộng đất cho nông dân là việc vận động và đưa nông dân vào các tổ đổi công, bước đầu của lối làm ăn tập thể.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta hãy cùng nhau thi đua sản xuất và tiết kiệm để xây dựng đất nước. Tháng 4-1956, tại Hội nghị tổng kết công tác nông lâm ngư nghiệp, Người nói:

> "Muốn sản xuất tốt, phải xây dựng tổ đổi công cho tốt. Cần tăng cường số lượng và nhất là củng cố chất lượng tổ đổi công. Tổ đổi công là một hình thức để tiến dần lên xã hội chủ nghĩa. Các tổ ấy sẽ giúp cán bộ trong công tác hướng dẫn sản xuất và cải tiến kỹ thuật"[1].

Song song với việc phát triển nông nghiệp là đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Theo Người:

> Đời sống của nhân dân chỉ có thể được cải thiện khi chúng ta dùng máy móc trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, để đưa năng suất lao động lên cao. Để làm được như vậy thì công nhân phải là người chủ và phải hiểu rằng "Cái gì lợi cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 153.

nhà máy là ích lợi cho mình, cái gì hại cho nhà máy là hại cho nhà mình"[1], cần phải tăng năng suất, tăng chất lượng, hạ giá thành. Tóm lại là "phải làm mau, làm tốt, làm rẻ, làm nhiều" và thực hành tiết kiệm, tiết kiệm thì giờ, nguyên vật liệu, máy móc. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo sức lao động, theo mức sản xuất và chất lượng sản xuất "làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều, làm xấu, làm ít: hưởng ít"[2].

Người đã đi thăm và tìm hiểu tình hình sản xuất cũng như đời sống của cán bộ, công nhân các cơ sở sản xuất, nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ của các tỉnh Hải Phòng, Hồng Quảng, Nam Định, Lào Cai, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Nội… Người đến thăm triển lãm nông nghiệp toàn quốc; thăm Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 5. Ngày 28-4-1955, trong thư gửi đồng bào Hồng Quảng, Người viết về những nhiệm vụ mà nhân dân Hồng Quảng cần phải làm sau chiến tranh để khôi phục lại cuộc sống bình thường. Ngày 7-2-1956, Người gửi thư khen huyện Mỹ Đức, Hà Đông về thành tích chống hạn. Những lời căn dặn của Người đã động viên nhân dân ta trong lao động sản xuất, học tập và công tác, góp phần ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Đi đôi với việc lãnh đạo khôi phục kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới việc chỉ đạo phát triển nền

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 8, tr. 337 - 338.

văn hoá nước nhà. Người đã đi thăm một số trường phổ thông, các lớp bổ túc văn hoá, bình dân học vụ. Tại Đại hội giáo dục phổ thông toàn quốc (23-3-1956), Người chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh tế với giáo dục:

> "Giáo dục phải cung cấp cán bộ cho kinh tế. Kinh tế tiến bộ thì giáo dục mới tiến bộ được… Giáo dục không phát triển thì không đủ cán bộ giúp cho kinh tế phát triển"[1] và căn dặn "Các thầy giáo, cô giáo phải tìm cách dạy. Dạy cái gì, dạy thế nào để học trò hiểu chóng, nhớ lâu, tiến bộ nhanh. Dạy và học cần phải theo nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước. Thầy dạy tốt, trò học tốt, cung cấp đủ cán bộ cho nông nghiệp, công nghiệp, cho các ngành kinh tế và văn hoá. Đó là nhiệm vụ vẻ vang của các thầy giáo, cô giáo"[2].

Ngày 30-3-1956, Người đến thăm lớp bình dân học vụ của bà con lao động khu Lương Yên, Hà Nội.

Tháng 2-1957, nói chuyện với Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những đóng góp to lớn của các văn nghệ sĩ đối với cách mạng, kháng chiến và trong xây dựng hoà bình, như đời sống văn hoá của nhân dân đã nâng cao một bước, tàn tích văn hoá xấu của chế độ cũ đã bị tẩy trừ dần. Một nền văn hoá mới đang được xây dựng, nhưng Người cũng chỉ ra những thiếu sót của công tác văn hoá:

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 137-138.

"Có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức của quần chúng... Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh "phục cổ" một cách máy móc) và học tập văn hoá tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều"[1]. Các văn nghệ sĩ muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ thì phải học tập, phải "trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn"[2].

Người nhắc nhở việc chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Tháng 2-1955, trong *Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế*, Người căn dặn:

"Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khoẻ cho đồng bào... Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình... Lương y phải như từ mẫu"[3].

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm tới việc củng cố, xây dựng và phát triển quân đội và công an nhân dân, những lực lượng có vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 326, 325.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 476.

nền độc lập của dân tộc, giữ gìn hoà bình, chống thù trong giặc ngoài, chống bọn phá hoại và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 10 (1-1956), Người nêu rõ:

> "Công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hoà bình lại càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại"[1].

Muốn làm tròn nhiệm vụ, công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và của Chính phủ, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân và phải biết dựa vào dân. Nhân dịp kỷ niệm 2 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Người tới dự và phát biểu tại Lễ tuyên dương Anh hùng quân đội lần thứ ba tại Câu lạc bộ Quân đội, Hà Nội. Người nói:

> "Toàn quân ta phải *ra sức học tập* chính trị, quân sự và văn hoá; phải thi đua làm trọn nhiệm vụ bảo vệ biên giới, bảo vệ bờ biển, bảo vệ thành thị và giữ gìn trật tự an ninh cho nhân dân"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Ngày 3-12-1957, Người chủ toạ phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ bàn việc tổng kết kế hoạch 1957 và kế hoạch 3 năm (1958 -1960), nhằm đưa miền Bắc vào thời kỳ mới, thời kỳ cải tạo và bước đầu

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 8, tr. 118, 163.

phát triển kinh tế và văn hoá. Từ ngày 13 đến ngày 19-11-1958, Người dự Hội nghị Trung ương 14 bàn về tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960) và tổng kết cải cách ruộng đất; Hội nghị Trung ương 16 (từ ngày 25 đến ngày 30-4-1959) bàn về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc, về cải cách dân chủ ở miền núi và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Qua những lời phát biểu tại các hội nghị, các bài viết, bài nói của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã làm rõ hơn những nội dung cụ thể về đường lối, nhiệm vụ chiến lược và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược đồng thời tiến hành ở hai miền trong cuộc đấu tranh đòi thực hiện đúng những điều khoản của *Hiệp định Giơnevơ*. Người nhấn mạnh: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công thì đấu tranh thống nhất nước nhà nhất định thắng lợi"[1].

Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá 1958 -1960 của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 14 đã được Quốc hội khoá I thông qua. Đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá I (ngày 18-12-1959) đã khẳng định:

> "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 10, tr. 64.

hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến"[1] .

Mục đích của chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng ấm no, vì vậy: "Muốn đạt mục đích đó, thì trước hết phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"[2]. Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được tiến hành từng bước vững chắc, đi từ thấp đến cao. Trong một thời gian không dài (đến cuối năm 1960), công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc về căn bản đã hoàn thành. Song song với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa với những người làm nghề thủ công, buôn bán nhỏ, với các nhà tư sản công thương và tư sản dân tộc đã được triển khai và thu được những thành tựu đáng kể, góp phần hoàn thành kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960).

Để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân thì cần phải phát triển văn hoá, giáo dục và y tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

> "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá" và "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kỹ thuật cải tiến.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 588.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr. 31.

Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hoá"[1].

Phát triển văn hoá là để từng bước nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và cũng là để phát triển sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến công tác giáo dục, để giáo dục ngày càng phát triển và phát huy được vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thiết thực phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Đây không chỉ là mục tiêu, mà còn là trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang của công việc đào tạo thế hệ tương lai cho nước nhà:

"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây.
Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người".

Chăm lo xây dựng quân đội và công an nhân dân để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh củng cố hoà bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất Tổ quốc, ngày 5-4-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường sĩ quan Lục quân. Người nêu hai nhiệm vụ trước mắt của quân đội:

1- Xây dựng quân đội nhân dân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu;

2- Thiết thực tham gia lao động sản xuất để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Người tặng nhà trường 100 huy hiệu để làm giải thưởng cho những học viên đạt được những thành tích cao trong học tập. Ngày 1-9-1959, tại lễ phong quân hàm cấp tướng cho một số cán bộ cao cấp trong quân đội, Người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 577.

căn dặn:

> "Các đồng chí cần phải trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi quần chúng và gương mẫu về mọi mặt. Dù ở cương vị nào, chúng ta cũng đều phải cố gắng để xứng đáng là người đày tớ trung thành và tận tụy của nhân dân"[1].

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1959), Người gửi thư chúc mừng toàn thể cán bộ và chiến sĩ, khen ngợi những thành tích đã đạt được trong 15 năm qua:

> "Trong kháng chiến, quân đội ta đã chiến đấu anh dũng, đánh thắng quân xâm lược. Trong hoà bình, quân đội ta đã ra sức học tập, công tác, sản xuất, giúp đỡ nhân dân, bảo vệ đất nước"[2].

Người còn căn dặn: Phải nâng cao trình độ chính trị, kỹ thuật và văn hoá, ra sức công tác và lao động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; phải trau dồi đạo đức cách mạng, đoàn kết, khiêm tốn, hết lòng vì Đảng, vì dân; phải nâng cao chí khí chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình.

Tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, tối ngày 5-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và đọc diễn văn. Đây là bản tổng kết quá trình rèn luyện, phấn đấu của Đảng ta trong 30 năm qua, trong việc lãnh đạo nhân dân ta

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 496, 598.

anh dũng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Người khẳng định:

"Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*

Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,

Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình.

Đảng ta là đạo đức, là văn minh,

Là thống nhất, độc lập, là hoà bình ấm no.

Công ơn Đảng thật là to,

Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng"[1].

Ngày 1-9-1960, tại Nhà hát lớn Hà Nội, Người đọc diễn văn bế mạc lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người cho rằng với tinh thần hăng hái thi đua yêu nước của toàn dân ta, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em thì công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhất định thắng lợi và sự nghiệp hoà bình thống nhất đất nước nhất định thành công.

Trong không khí vui mừng kỷ niệm 15 năm thành lập nước, ngày 5-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam khai mạc tại Hà Nội. Hơn 500 đại biểu thay mặt cho 50 vạn đảng viên trong cả

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 2, 5.

nước, tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng ta trong 30 năm qua cùng đại biểu các Đảng Cộng sản anh em: Liên Xô, Trung Quốc, Anbani, Bungari, Ba Lan, Đảng Xã hội thống nhất Đức, Hunggari, Mông Cổ, Rumani, và Triều Tiên… đã tham dự đại hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc diễn văn khai mạc. Bài diễn văn tổng kết những thành tựu to lớn mà Đảng, từ sau Đại hội Đảng lần thứ II (1951) đã lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến và kiến quốc trong hơn 9 năm. Miền Nam vẫn còn phải sống trong ách thống trị tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đã thành công trong công cuộc khôi phục kinh tế và đang hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế và văn hoá và ngày càng củng cố thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Đại hội Đảng lần thứ III có một ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, vì đây là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà". Tại đại hội, Người được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội III của Đảng đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Để cụ thể hoá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng liên tiếp mở các hội nghị Trung ương bàn sâu từng chuyên đề: về phát triển nông nghiệp (7-1961), về phát triển công nghiệp (4-1962),

về kế hoạch nhà nước (4-1963), về lưu thông phân phối và giá cả (12-1964).

Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ chiến khu gian khổ trở về thành phố, một số cán bộ, đảng viên bắt đầu có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ. Để kịp thời giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, với bút danh Trần Lực, tháng 12-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng*. Đây là một tác phẩm quan trọng, đề cập đến những nội dung cơ bản của đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa. Theo Người, làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới, là một công việc rất vẻ vang, nhưng cũng rất nặng nề, một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và rất phức tạp. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành được nhiệm vụ mà cách mạng giao phó. Phải tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân, vì:

> "Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng"[1].

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội, đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm như quan

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 283, 285, 293.

liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí. Điều chủ chốt nhất đạo đức cách mạng là:

> "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng...
>
> Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình… Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân"[2].
>
> "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[3].

Để công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển văn hoá ở miền Bắc nhanh chóng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc phải nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng:

> "Cần phải tăng cường *tập thể lãnh đạo* từ Trung ương đến địa phương trong Đảng và trong cơ quan chính quyền.
>
> Tập thể lãnh đạo phải đi đôi với cá nhân phụ trách.
>
> Phải mở rộng dân chủ; phải mở rộng phê bình

và tự phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rất chú trọng đến việc bồi dưỡng và xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa. Trong nhiều bài nói, bài viết của mình, Người đều nhấn mạnh: "muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có người xã hội chủ nghĩa"[2]. Con người mới xã hội chủ nghĩa là những người có đạo đức và tri thức, là những người vừa "hồng" vừa "chuyên". Người cũng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ lý luận của Đảng cho cán bộ, đảng viên, vì đây là một nhiệm vụ quan trọng. Có nâng cao trình độ lý luận thì cán bộ, đảng viên mới có thể hoàn thành tốt công tác của mình, nếu trình độ lý luận thấp kém thì trước những nhiệm vụ cách mạng mới và phức tạp sẽ không tránh khỏi sự lúng túng, dễ mắc phải sai lầm, khuyết điểm. Trong diễn văn khai mạc lớp lý luận khoá I Trường Nguyễn Ái Quốc, trả lời câu hỏi vì sao phải học tập và nâng cao trình độ lý luận của Đảng, Người nói:

> "Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác- Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác- Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 8, tr. 157.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 9, tr. 375.

ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"[1].

Đảng cần phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, vì vậy mỗi đảng viên đều phải cố gắng "*học tập văn hoá, học tập khoa học và kỹ thuật*"[2].

Để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế và văn hoá, nhanh chóng thay đổi bộ mặt xã hội của miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức chăm lo đến công tác xây dựng Đảng, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước dân chủ nhân dân. Người nói:

"Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết"[3], phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, trước hết là đối với Nhà nước.

Một trong những nhiệm vụ cần phải làm là soạn thảo, thông qua các đạo luật và sửa đổi *Hiến pháp* để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Chính vì vậy, Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ 6, ngày 25-1-1957, đã quyết định thành lập Ban sửa đổi *Hiến pháp* do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Qua một thời gian chuẩn bị, lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân và sau 27 phiên họp, ngày 18-12-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Báo cáo Dự thảo Hiến pháp sửa đổi* tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá

1,3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 494.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr. 21.

I. Đây là bản báo cáo quan trọng, có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn. Dự thảo *Hiến pháp* sửa đổi đã ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong những năm qua và nêu lên nhiệm vụ cách mạng mới trong giai đoạn lịch sử mới. Sau khi xem xét và thảo luận, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới, bởi:

> "Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì nó không thích hợp nữa. Vì vậy mà chúng ta phải sửa đổi Hiến pháp ấy"[1].

Nói về ý nghĩa quan trọng của Hiến pháp năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận:

> "Bản Hiến pháp này sẽ phát huy hơn nữa lòng yêu nước và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sẽ động viên nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cố gắng thi đua hơn nữa để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[2].

Ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh kýý Sắc lệnh số 1, công bố *Hiến pháp* mới - Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta. Ngày 21-7-1960, Người ký lệnh công

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 9, tr. 585.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 597.

bố các luật: *Tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Toà án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao*.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ năm 1954-1960, nhân dân ta ở hai miền Nam - Bắc đã kiên quyết thi hành *Hiệp định Giơnevơ,* hoàn thành cải cách ruộng đất, từng bước ổn định cuộc sống về cả tinh thần và vật chất. Đời sống của nhân dân miền Bắc đã từng bước ổn định, ý thức chính trị được nâng cao, kinh tế khôi phục, văn hoá, giáo dục, y tế theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, ngày càng phát triển.

Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được ký kết, hoà bình lập lại ở Đông Dương, nhưng đế quốc Mỹ can thiệp vào miền Nam Việt Nam. Cùng bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm, chúng đã gây ra nhiều cuộc thảm sát đẫm máu ở miền Nam Việt Nam, như: Chợ Được, Vĩnh Trinh, Ngân Sơn, Duy Xuyên, Củ Chi, v.v.. Trước dã tâm xâm lược và âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi:

> "Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ

trong toàn quốc"[1].

Tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết, từ ngày 5 đến 10-9-1955, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc, thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận đã thông qua *Cương lĩnh* mới để tập hợp đông đảo các tầng lớp giai cấp, dân tộc, tôn giáo… nòng cốt là liên minh công - nông, do Đảng ta lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự đại hội và được tôn vinh làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong lời bế mạc đại hội, khi nói về *Cương lĩnh* của Mặt trận, Người nói:

> Đó là "một cương lĩnh *đại đoàn kết*, mục đích của nó là đấu tranh cho *hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ* trong cả nước"[2].

Trước âm mưu nham hiểm của đế quốc Mỹ và chính quyền thân Mỹ ở miền Nam gây ra chiến tranh, hòng xâm chiếm nước ta một lần nữa, trong thư gửi đồng bào cả nước, ngày 6-7-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiệm vụ thiêng liêng của chúng ta lúc này là: Kiên quyết tiếp tục đấu tranh thi hành *Hiệp định Giơnevơ,* thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Một lần nữa Người khẳng định:

> "Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 322.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 66.

Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"[1] và "Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng"[2].

Trước những diễn biến mới của tình hình và nhằm đưa cách mạng miền Nam tiến lên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ tọa Hội nghị Trung ương 15 mở rộng (1-1959) bàn về nhiệm vụ cách mạng miền Nam và vai trò của miền Bắc đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đề ra đường lối của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới:

> "Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh"[3].

Với mục tiêu và phương hướng:

> "Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"[2].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 197, 198.

3. V*ăn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 20, tr. 81.

2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 20, tr. 82.

Nghị quyết Trung ương 15 đã tạo một bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng miền Nam. Mở đầu bằng phong trào Đồng khởi, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế bảo tồn lực lượng sang thế tiến công. Nhân dân miền Nam đã thu được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, tạo điều kiện cho sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20-12-1960.

Luôn luôn dành tình cảm yêu thương và sự quan tâm cho cách mạng và đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ và các cháu trường học sinh miền Nam, thăm nơi an dưỡng dành cho đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc, thăm trại thiếu nhi miền Nam. Tin tưởng chắc chắn rằng Nam Bắc là một nhà, tháng 9-1954 trong thư gửi bộ đội, cán bộ và gia đình cán bộ miền Nam ra Bắc, Người viết:

> "Đến ngày hoà bình đã được củng cố, thống nhất được thực hiện, độc lập, dân chủ đã hoàn thành, đồng bào sẽ vui vẻ trở về quê cũ. Lúc đó rất có thể tôi sẽ cùng đồng bào vào thăm miền Nam yêu quý của chúng ta"[1].

II- LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1961 -1964)

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 356.

Để đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, là hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng và bồi dưỡng con người mới xã hội chủ nghĩa, đó phải là những người có: Tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa, có ý thức làm chủ nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, tư tưởng "mình vì mọi người, mọi người vì mình", phải chí công vô tư, chống chủ nghĩa cá nhân, phải có đạo đức của người cộng sản, cần kiệm xây dựng nước nhà.

Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nghèo nàn và lạc hậu sau những năm dài của chiến tranh, nên trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ "phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính" vì nông nghiệp chiếm bộ phận lớn trong nền kinh tế. Ngày 22-7-1961, tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) bàn về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Chúng ta phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trong công cuộc phát triển nông nghiệp", vì nông nghiệp cung cấp lương thực và nguyên liệu để phát triển công nghiệp, để đảm bảo công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Ngày 16-4-1962, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, khoá III họp bàn về phát triển công nghiệp. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

> "Công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế. Hai chân đi khoẻ và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích.

Thế là thực hiện *liên minh công nông* để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân"[1].

Nông nghiệp tốt, công nghiệp tốt, thì xây dựng tốt chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho sự nghiệp đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có dịp trở lại thăm Cao Bằng (20-2-1961) và thăm quê hương Nghệ An (9-12-1961). Sau nhiều năm xa cách, Người xúc động và ân cần thăm hỏi bà con, căn dặn đội ngũ cán bộ, đảng viên, những người lãnh đạo phải luôn đoàn kết, nhất trí, phải đồng tâm hiệp lực chăm lo đến lợi ích của nhân dân.

Thường xuyên quan tâm, chăm sóc đến thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho thiếu niên nhi đồng toàn quốc nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiền phong (15-5-1961), căn dặn các cháu thực hiện tốt 5 điều Bác dạy. Người gửi thư cho cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và các lớp bổ túc văn hoá, nhân dịp năm học mới 1960-1961. Người gửi thư cho các thầy giáo, học sinh và quyết định tặng giải thưởng cho các cháu học sinh giỏi năm học 1962-1963 và mong năm học 1963-1964 có nhiều học sinh giỏi hơn nữa.

Người cũng đã gửi thư và đi thăm một số đơn vị, cơ sở, địa phương có nhiều thành tích trong lao động sản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 10, tr. 544 - 545.

xuất, học tập và công tác, khen ngợi các vận động viên đạt thành tích cao trong Đại hội thể dục thể thao Thủ đô Hà Nội lần thứ nhất; gặp các đại biểu phụ nữ về dự Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội; thăm Nhà máy cơ khí Duyên Hải ở Hải Phòng; thăm các trường Chu Văn An, Trường đại học nhân dân Việt Nam, lớp học vỡ lòng phố Hàng Than, Hà Nội. Người đến thăm và nói chuyện với cán bộ, công nhân Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông, với Hội nghị phát động cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí quan liêu", thăm triển lãm "Sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất" toàn quốc. Tại triển lãm, Người đã thăm khu vực trưng bày những sáng kiến và thành tích của các ngành giáo dục, văn hoá và y tế. Ngày 26-7-1962, đến thăm Nhà máy sứ Hải Dương, Người ghi dòng chữ trên một lọ hoa sứ: "Phải cố gắng, tiến bộ".

Ngày 1-9-1962, tại Hội nghị cán bộ miền núi, Người nói về hai điều quan trọng nhất trong chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với miền núi, đó là đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào. Để đời sống nhân dân ngày càng được ấm no hơn, mạnh khoẻ hơn, văn hoá cao hơn, giao thông tiện lợi hơn, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi thì nhiệm vụ của đồng bào miền núi là phải "ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"[1]. Dù đến đâu và dưới hình thức nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 610.

luôn động viên nhân dân ta hãy cùng nhau đoàn kết, cố gắng và nỗ lực phấn đấu để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tin tưởng và khẳng định sự tất thắng của cách mạng miền Nam. Nhìn rõ mối tương quan lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới, thấy rõ thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm "đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị tiến tới giải phóng miền Nam"[1].

Nhân dân ta ở miền Nam, dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 15 (1-1959), Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III (9-1960) của Đảng, đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị đồng thời với đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang, tiến công địch trên cả hai mặt trận chính trị và quân sự và đã giành được thắng lợi ngày càng to lớn.

Tháng 3-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam đã được hợp nhất lại, thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày đêm tập trung sức lực, trí tuệ chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam. Người chú trọng đặc biệt việc tổ chức chi viện cho cách mạng miền Nam. Đầu tháng 5-1961, Người tiếp đồng chí Bông Văn Dĩa từ miền Nam ra để nhận nhiệm vụ lái con tàu mở đường Hồ Chí Minh trên biển, đưa vũ khí vào

1. *Chỉ thị của Bộ Chính trị*, ngày 31-1-1961.

miền Nam. Tiếp đó, Người tiếp đồng chí Võ Bẩm, Đoàn trưởng Đoàn vận tải quân sự 559 và căn dặn: Đoàn phải làm tốt, làm nhiều hơn nữa, phải giữ được bí mật, bất ngờ, hoàn thành tốt nhiệm vụ tiếp sức cho cách mạng miền Nam.

Người dành cho đồng bào miền Nam những tình cảm thân thương nhất. Người nói:

> "Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, thì nhân dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên"[1].

Người tới thăm Triển lãm tranh tượng của các hoạ sĩ điêu khắc miền Nam tập kết ở miền Bắc. Ngày 20-10-1962, lần đầu tiên Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc, xúc động ôm hôn Giáo sư Nguyễn Văn Hiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tay lên ngực mình và nói: "Hình ảnh miền Nam yêu quí luôn luôn ở trong trái tim tôi". Người tin rằng với tinh thần đoàn kết, bền bỉ, anh dũng chiến đấu và quyết thắng của nhân dân miền Nam, với những kinh nghiệm chiến đấu trong gần 20 năm, được nhân dân yêu chuộng hoà bình, chính nghĩa trên thế giới ủng hộ, sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam của đồng bào ta nhất định sẽ thắng lợi. Tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khoá II, ngày 8-5-1963, Người từ chối nhận Huân chương Sao vàng và đề nghị:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 200.

> "Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng"[1].

Dưới sự lãnh đạo, cổ vũ của Đảng và Bác Hồ, dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dân ta ở miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh kết hợp chính trị với vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi: chính trị, quân sự và binh vận, phá vỡ quốc sách ấp chiến lược của chúng, dẫn tới chiến thắng Ấp Bắc (1-1963), báo hiệu sự phá sản tất yếu của cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Phong trào đấu tranh chính trị trong các đô thị, nhất là ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng cũng ngày một dâng cao, đã đẩy đế quốc Mỹ vào tình thế "tiến thoái lưỡng nan".

Để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn dân trước sự đe doạ leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và đọc báo cáo tại Hội nghị Chính trị đặc biệt tại Hà Nội. Đây là một văn kiện quan trọng, đánh giá, tổng kết thành tích 10 năm phấn đấu của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, về nông nghiệp, công nghiệp, văn hoá, xã hội ở miền Bắc và những chiến thắng oanh liệt của đồng bào miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 62.

Với những thắng lợi vang dội của quân và dân miền Nam, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng, Người khẳng định:

> Miền Nam thật xứng với danh hiệu "Thành đồng của Tổ quốc"[1] và kêu gọi đồng bào miền Bắc: "Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt"[2].

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam từ 1954-1964, bắt nguồn từ đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bắt nguồn từ sự lãnh đạo và chỉ đạo sáng suốt, nhạy bén của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

III- LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUYẾT TÂM CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965 -1968)

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố:

> "Tôi muốn nói với dư luận nhân dân ở nước Mỹ và toàn thế giới sự căm phẫn của toàn thể nhân dân Việt Nam trước những hành động xâm

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 227.

lược có tính toán từ trước của Chính phủ Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tôi cũng muốn nói lên ý chí của toàn thể nhân dân Việt Nam, với sức mạnh được tăng cường gấp bội, quyết đấu tranh chống bọn xâm lược cho đến thắng lợi"[1].

Và nêu lên biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, đó là:

> "Đế quốc Mỹ phải tôn trọng *Hiệp định Giơnevơ,* phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc"[2].

Thực hiện đường lối của Đảng, thể hiện trong các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời ra sức hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá III, Người khẳng định "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước"[2], đồng thời kêu gọi "Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!"[3]. Trước sự xâm phạm trắng trợn chủ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 11, tr. 305.

2, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 11, tr. 433, 434, 435, 431.

quyền, độc lập của Việt Nam, ngày 10-4-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịch liệt lên án đế quốc Mỹ "đưa hàng trăm máy bay, hàng chục tàu chiến liên tiếp đến bắn phá miền Bắc, phơi trần bộ mặt ăn cướp của chúng"[4]. Người tuyên bố lập trường trước sau như một của Chính phủ và nhân dân Việt Nam là:

> "Kiên quyết bảo vệ nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam…
>
> Đế quốc Mỹ phải tôn trọng *Hiệp định Giơnevơ,* phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc. Đó là *biện pháp duy nhất* để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương, đường lối mới trong điều kiện đế quốc Mỹ leo thang trong cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tăng cường ném bom phá hoại miền Bắc. Ngày 16-1-1966, tại Hội nghị cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá III, Người nói rõ về phạm vi, thời gian và phương hướng kết thúc chiến tranh:

> "Chúng ta phải ra sức cố gắng giành cho được thắng lợi quyết định ở miền Nam, bởi vì cuộc chiến tranh này căn bản là ở miền Nam. Mỹ thua

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 11, tr. 433.

ở miền Nam tức là nó thua, ta thắng ở miền Nam tức là ta thắng"[1]... Phải giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt. Còn ở miền Nam phải tiêu diệt và phá tan được quân ngụyyy, tiêu diệt được nhiều quân Mỹ, đó là ta giành được thắng lợi quyết định.

Và khẳng định ta nhất định thắng vì cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo và động viên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời gian này ở miền Bắc đã xuất hiện các phong trào thi đua: "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt", "Ba đảm đang", "Ba sẵn sàng", "Nghìn việc tốt", "Tay cày, tay súng" ... Các phong trào thi đua yêu nước đã đóng góp tích cực vào những thành tích lao động sản xuất và chiến đấu, góp phần chi viện cho miền Nam.

Tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khoá III, ngày 22-4-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi quân và dân ta đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng, đồng thời kêu gọi nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Ngày 15-2-1965, Người về thăm Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, nơi thờ vị anh hùng dân tộc Nguyễn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 17-18.

Trãi. Người nghỉ trưa tại đây và xem rất kỹ văn bia trong đền thờ Nguyễn Trãi. Đây là cuộc gặp gỡ của hai nhà chính trị và quân sự kiệt xuất, hai nhà thơ lớn, hai nhân cách lớn và hơn tất cả đó là tấm lòng vì sự nghiệp giải phóng đất nước và hạnh phúc của nhân dân.

Để nắm sát tình hình sản xuất nông nghiệp, nhân dịp năm mới 1967, Người về thăm cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình. Người cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng và toàn dân ta lúc này là sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và

> "Các hợp tác xã nông nghiệp là đội quân hậu cần của quân đội chiến đấu ngoài mặt trận. Vì vậy, nhiệm vụ của các hợp tác xã nông nghiệp, của bà con xã viên, của cán bộ công tác ở nông thôn là rất quan trọng"[1].

Ngày 2-1-1967, trong buổi tiếp đại biểu các đơn vị anh hùng, các anh hùng và chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước, Người nói:

> "Các cô, các chú được tuyên dương là anh hùng, phải nhận rõ rằng vinh dự đó là vinh dự chung của tập thể, chứ không chỉ là của riêng từng người. Nếu không có Đảng, không có nhân dân, không có tập thể thì mọi người không trở thành anh hùng được. Có anh hùng là vì có tập thể anh hùng. Có tập thể anh hùng là vì có nhân

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 193.

dân anh hùng, dân tộc anh hùng, Đảng anh hùng. Sự nghiệp anh hùng của nhân dân ta gắn liền với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới"[2].

Chiến tranh ngày càng ác liệt, ngày 17-7-1966, qua làn sóng của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*. Người nói:

> "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"[1].

Người cũng chỉ ra cách giải quyết cuộc chiến tranh ở Việt Nam:

> "Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hoà bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và 5 điều của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam - ngoài ra, không có cách nào khác!".

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.12, tr. 108, 406.

Sau 4 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân miền Bắc anh hùng đã giành được thắng lợi vẻ vang: "Bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, *đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại* của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta"[2]. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì đã phá vỡ được âm mưu của Mỹ là làm suy yếu miền Bắc và giảm sút sức chi viện cho miền Nam. Song Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn căn dặn nhân dân ta:

"Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói "hoà bình", "thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu còn đang hàng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta"[1].

Vì vậy, trong lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Người chỉ ra nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là:

> "Phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc*.

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"[2].

Để động viên tinh thần của quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên gửi thư, điện khen ngợi những thành tích đã đạt được trong lao động sản xuất, học tập, và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 407.

chiến đấu, v.v.. Người gửi thư khen cán bộ và nhân viên quân y đã có nhiều thành tích trong việc cứu chữa thương, bệnh binh cũng như trong việc giữ gìn sức khoẻ bộ đội; khen Tiểu đoàn 1 pháo cao xạ Quân khu IV; khen quân và dân Hà Nội đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.600; hợp tác xã Tân Phong, tỉnh Thái Bình, hợp tác xã Nam Tiến, tỉnh Phú Thọ đạt năng suất lúa cao...

Người đến thăm và nói chuyện với Hội nghị ngành công nghiệp nhẹ, với Đại hội thi đua "Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều" toàn miền Bắc; dự lễ khánh thành Nhà máy dệt 8-3, thăm Đại hội "Ba sẵn sàng" của Đoàn Thanh niên lao động các cơ quan Trung ương, thăm Đại hội những người xuất sắc trong phong trào "Phụ nữ ba đảm đang" của phụ nữ Hà Nội; tiếp Đoàn đại biểu Đại hội nữ công nhân cầu đường, đơn vị anh hùng của Bộ Giao thông vận tải; tặng hoa phong lan cho các đại biểu nữ dân quân Quảng Bình và Vĩnh Linh.

Quan tâm đến công tác giáo dục đào tạo, nhân dịp năm học mới, ngày 16-10-1968, Bác Hồ gửi thư cho các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên. Trong thư, Người căn dặn: Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt.

Mặc dù chiến tranh diễn ra rất ác liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân miền Bắc đã thu được nhiều thắng lợi trên các mặt trận kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước ở miền

Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi từng tin thắng trận của quân và dân miền Nam. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1965), Người gửi điện chúc mừng. Trong bức điện, Người khen ngợi những chiến thắng vang dội ở Vạn Tường, Plâyme, Đà Nẵng, Chu Lai, Bầu Bàng, Dầu Tiếng, Sài Gòn... và khẳng định:

> "Quân và dân ta ở miền Nam có đủ khả năng đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ dù chúng đưa thêm vào miền Nam mấy chục vạn quân nữa"[1].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, quân và dân miền Nam đã làm thất bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 -1966) và phá sản hoàn toàn kế hoạch tìm diệt và bình định của Mỹ trong mùa khô 1966 -1967.

Tháng 12-1966, khi Phái đoàn Thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và thăm hỏi những người con ưu tú của miền Nam, đồng thời thân ái gửi lời chúc mừng đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng. Người gửi thư cho Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, chúc mừng miền Nam giành thắng lợi trong chiến dịch đông xuân 1966 -1967, bởi thắng lợi đó

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 562.

"Có ý nghĩa chiến lược rất to lớn về quân sự và chính trị trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta"[1].

Nhân dịp Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công bố *Cương lĩnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta. Sức mạnh đoàn kết của nhân dân ta nhất định sẽ đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tháng 9-1967, Người gửi điện mừng Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua và dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam lần thứ hai, khen ngợi những thành tích trong hơn 20 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, bền bỉ, vượt mọi gian khổ, hy sinh, quyết giành lại độc lập, tự do của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Người viết:

"Đại hội anh hùng lần này là Đại hội của những người sẽ đánh thắng chiến tranh cục bộ của chúng, thực hiện Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam" [2].

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhất định sẽ đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Ngày 28-12-1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 269.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 292.

định chủ trương mở đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). Sau Hội nghị, Người chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các chiến trường: Kế hoạch phải thật tỉ mỉ. Hợp đồng phải thật khớp. Bí mật phải thật tuyệt đối. Hành động phải thật kiên quyết. Cán bộ phải thật gương mẫu.

Những thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam làm đồng bào cả nước phấn khởi, tự hào, bạn bè thế giới vui mừng. Trong niềm vui đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện mừng và căn dặn:

> "Thắng lợi đầu xuân của quân và dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi! Không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai!
>
> Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan. Quân địch như con thú dữ đến bước đường cùng càng giãy giụa điên cuồng, quân và dân ta càng phải tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu, đánh mạnh, đánh liên tục, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa!"[1].

Dù tuổi cao, sức yếu, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mong muốn có một lần được vào thăm đồng bào miền Nam yêu quý. Ngày 10-3-1968, Người gửi thư cho đồng chí Lê Duẩn, đề nghị bố trí để Bác vào thăm đồng bào miền Nam. Song vì địch đánh phá ác liệt, không đảm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 332.

bảo an toàn và sức khoẻ đã yếu nên nguyện vọng vào thăm miền Nam của Người không thể thực hiện được.

Tại Hà Nội, nhớ tới đồng bào miền Nam đang ngày đêm chiến đấu, Người đến thăm Phái đoàn đại diện thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tiếp các đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, các anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam, hỏi thăm tình hình chiến sự và cuộc sống của đồng bào và chiến sĩ. Tình cảm và sự quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và đồng bào miền Bắc là nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, góp phần vào những chiến công vang dội của quân và dân miền Nam.

Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng gắn liền với công tác xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng và đào tạo, bồi dưỡng lớp người kế tục cách mạng cho đời sau. Trong những năm cuối đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng đặc biệt quan tâm chỉ đạo công việc quan trọng này, Người nói:

> "Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài, gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự

nghiệp cách mạng *thế giới*"[1].

Người tỏ ý phê bình một số cán bộ hình như còn mải làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành thời gian đến thăm và nói chuyện với Hội nghị chỉnh huấn do Trung ương triệu tập (26-1-1965), Hội nghị tổng kết 3 năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở "bốn tốt" (19-4-1966). Trong các bài phát biểu, Người đã đề cập nhiều đến vấn đề rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Theo Người :

> "Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt"[2].

Nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng, Người viết bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, đăng báo *Nhân dân*, số 5409, ngày 3-2-1969, vạch rõ những tệ hại của chủ nghĩa cá nhân, nêu bật những yêu cầu về đạo đức cách mạng mà mỗi cán bộ, đảng viên ta phải suốt đời rèn luyện.

Quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến công tác giáo dục thanh niên, nhằm "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau". Người tham dự nhiều hoạt động của thanh niên: Nói chuyện tại các lễ kỷ niệm ngày thành lập Đoàn, các đại hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 11, tr. 372.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 12, tr. 92.

thi đua, hội nghị mừng công, đại hội thanh niên "ba sẵn sàng"… kịp thời biểu dương những tấm gương anh hùng, dũng cảm, sáng tạo của đoàn viên thanh niên cả nước trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Người tỏ ý tin tưởng với một thế hệ thanh niên hăng hái và kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Người yêu cầu phải mạnh dạn giao việc cho những cán bộ trẻ đã được rèn luyện, thử thách.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã xuất hiện nhiều tấm gương người tốt việc tốt. Để gương người tốt việc tốt ngày càng nhân lên trong xã hội, trong lao động sản xuất, chiến đấu và học tập, đầu tháng 6-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với một số đồng chí cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc xuất bản sách *Người tốt, việc tốt*. Theo Bác, cần có những phần thưởng để khuyến khích, động viên, cổ vũ mọi người hăng hái làm tròn nhiệm vụ và

> "Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"[1].

IV- TĂNG CƯỜNG VÀ MỞ RỘNG ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ, TRANH THỦ SỰ ỦNG HỘ VÀ GIÚP ĐỠ CỦA NHÂN DÂN THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CUỘC ĐẤU

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr. 558.

TRANH CHÍNH NGHĨA CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Chủ trương của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đối với tất cả các nước trên thế giới là mong muốn duy trì tình hữu nghị và thành thật hợp tác trên cơ sở bình đẳng và tương trợ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố chính sách ngoại giao của Nhà nước ta là:

> "Sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hoà bình"[1].

Sự hợp tác đó sẽ có lợi cho cả đôi bên và có lợi chung cho công cuộc hoà bình toàn thế giới. Trên tinh thần chấp hành nghiêm chỉnh *Hiệp định Giơnevơ,* ngày 12-8-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đại biểu các nước Ấn Độ, Ba Lan và Canađa, trong ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế thi hành *Hiệp định Giơnevơ* về Đông Dương. Từ năm 1955 đến 1957, hoạt động đối ngoại của Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung vào các hướng như sau: Đấu tranh đòi đối phương phải triệt để thi hành *Hiệp định Giơnevơ* 1954 về Đông Dương; tăng cường tình hữu nghị với các nước láng giềng và các nước xã hội chủ nghĩa anh em; góp phần củng cố hoà bình ở châu Á và trên toàn thế

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 5.

giới. Đối với Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Mỹ phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh *Hiệp định Giơnevơ*. Đối với nước Pháp, muốn lập những mối quan hệ kinh tế và văn hoá trên cơ sở bình đẳng, hai bên đều có lợi, cộng tác thẳng thắn và tin cậy lẫn nhau. Đối với các nước trong khu vực, đặc biệt hai nước Lào và Campuchia, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh tới ý nghĩa quan trọng của tình đoàn kết quốc tế giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng đất nước, phù hợp với điều kiện của mỗi nước.

Để tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại nhằm tranh thủ sự ủng hộ và viện trợ của bạn bè quốc tế với công cuộc khôi phục, cải tạo kinh tế, văn hoá ở miền Bắc, với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của đồng bào miền Nam, thống nhất nước nhà, ngày 22-6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam lên đường đi thăm các nước Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ; tháng 7-1957, thăm 9 nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba Lan, Cộng hoà dân chủ Đức, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Bungari và Rumani; tháng 2-1958, thăm các nước Mianma, Ấn Độ và Inđônêxia. Tháng 11-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang dự Lễ kỷ niệm lần thứ 43 Cách mạng Tháng Mười Nga. Sau đó dự và kýý *Tuyên bố chung* tại Hội nghị đại biểu 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Mátxcơva. Những hoạt động ngoại

giao của Người, đặc biệt trong việc góp phần giảm bớt sự căng thẳng, bất hoà giữa Liên Xô và Trung Quốc, đã làm tăng cường tình đoàn kết quốc tế, sự thống nhất giữa các Đảng Cộng sản và công nhân các nước anh em.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón tiếp một số nguyên thủ của các nước sang thăm Việt Nam: Chủ tịch K. E. Vôrôsilốp - Liên Xô (5-1957), Tổng thống Praxat - Ấn Độ (2-1959), Chủ tịch Hátghi Lêsi - Anbani (6-1960), Tổng thống Xêcu Turê - Ghinê (9-1960)... Người tiếp các đoàn đại biểu quốc tế sang thăm và làm việc tại Việt Nam: Đoàn đại biểu Thanh niên Dân chủ thế giới (23-10-1956), Đoàn Thương mại Ai Cập (1-1-1958), Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp (8-1-1958), Đoàn đại biểu Công đoàn Thái Lan (11-1-1958), Đoàn đại biểu Ghinê và Kênia (22-3-1959), Đoàn đại biểu phụ nữ Tuynidi và Angiêri (8-1959). Người đã tiếp bà Idaben Blum, Ủy viên Chủ tịch đoàn Hội đồng hoà bình thế giới (22-9-1959); Đoàn đại biểu Thanh niên Camơrun (16-1-1960), v.v.. Người đã trả lời phỏng vấn một số nhà báo nước ngoài: các ông L. Hanxen chủ bút Hãng U.P. của Mỹ ở khu vực châu Á (26-12-1955), nhà báo Nhật Sira Isi Bôn về tình hình Việt Nam, về quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới (5-10-1959)... Người tiếp ông Uyliam Uôbi - Nghị sĩ Quốc hội Công đảng Anh; tiếp Đoàn đại biểu Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan và Tiệp Khắc sang Việt Nam kýý kế hoạch hợp tác khoa học giữa Việt Nam - Ba Lan và Việt Nam - Tiệp Khắc.

Người gửi thư cho các cá nhân, tập thể, các tổ chức quốc tế và các nước: Điện chúc mừng nhân dịp kỷ niệm ngày tuyên bố độc lập của Liên bang Miến Điện; Điện gửi Ủy ban liên hiệp sinh viên các nước Á - Phi; Điện mừng Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô; Điện gửi Tổng thống Pháp Rơnê Côty, yêu cầu huỷ bỏ án tử hình chị Giamila, người nữ thanh niên yêu nước Angiêri; Điện mừng nước Cộng hoà Ghinê thành lập; Điện gửi Hội nghị chống việc Chính phủ Pháp định thử bom nguyên tử ở Xahara; Điện mừng nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Pháp; Đoàn đại biểu Liên hiệp Công đoàn thế giới và các tổ chức công đoàn các nước xã hội chủ nghĩa đến Việt Nam dự Đại hội Công đoàn lần thứ II của Việt Nam, Đoàn đại biểu Vương quốc Lào, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Angiêri… Người gửi thư cho thiếu nhi Trung Quốc, cảm ơn thanh thiếu nhi và nhân dân Trung Quốc đã ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân và thiếu nhi Việt Nam. Người gửi thư cho hai ông Bengiamin Xpóc và Xtiuốt Hurugơ, cảm ơn lực lượng dân chủ Mỹ đã ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Người tin tưởng vào ý chí chiến đấu và niềm tin thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, hy sinh.

Ngày 23-10-1963, Người đọc lời chào mừng các đoàn đại biểu Công đoàn quốc tế sang dự Hội nghị của ủy ban công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu

nước. Hội nghị đã thông qua những nghị quyết thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam cả về tinh thần và vật chất. Tại Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ và bảo vệ hoà bình (từ ngày 25 đến 29-11-1964), Người cho rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã được nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ, vì:

> "Mỗi thắng lợi của nhân dân thế giới là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Và mỗi thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là một thắng lợi của nhân dân thế giới"[1].

Đối với Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoan nghênh những chủ trương tích cực của Liên Xô trong việc ủng hộ và viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ. Người chỉ đạo việc mời và đón tiếp thân tình nhiều đoàn đại biểu cao cấp của Đảng và Nhà nước Liên Xô sang thăm nước ta. Do những đóng góp của Người vào việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị vĩ đại với Liên Xô, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô quyết định tặng Người Huân chương Lênin, huân chương cao quý nhất của Liên Xô. Người đã gửi điện cảm ơn và xin tạm hoãn việc nhận phần thưởng cực kỳ cao quý ấy:

> "Đến ngày nhân dân chúng tôi đánh đuổi được bọn đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 344.

toàn đất nước Việt Nam, tôi sẽ đại biểu cho toàn thể đồng bào tôi, trân trọng và vui mừng lãnh lấy Huân chương mang tên Lênin vĩ đại"[1].

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917-1967), Người viết bài *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, đăng trên báo *Sự thật* (*Pravđa),* Liên Xô, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân Việt Nam với Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Liên Xô trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Về quan hệ với Trung Quốc, Người đã nhiều lần sang thăm và nghỉ ngơi tại Trung Quốc để cảm ơn về sự giúp đỡ to lớn và củng cố hơn nữa mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết Việt - Trung. Nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1-7-1921–1-7-1961), Người viết bài: *Cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam,* nêu lên mối quan hệ gắn bó giữa cách mạng và nhân dân hai nước Việt - Trung.

Người ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc và lên án các hành động can thiệp, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc: ủng hộ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước Arập chống lại cuộc xâm lược của Ixraen; ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Cônggô và nhân dân Đôminích; ủng hộ phong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 312-313.

trào đoàn kết của nhân dân Á - Phi chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Cùng với những hoạt động trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo nhiều hoạt động của Đảng và Nhà nước ta nhằm xây dựng mối quan hệ rộng rãi với nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhân sĩ, trí thức, chính khách, nhà văn hoá có tên tuổi để hình thành một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Nhân dịp năm mới 1966, Người gửi lời chúc đầu năm đến nhân dân Mỹ, cảm ơn nhân dân Mỹ đã đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam và nêu rõ: Nhân dân Việt Nam rất quýý trọng tình hữu nghị với nhân dân Mỹ vĩ đại đang tiếp tục những truyền thống của Hoa Thịnh Đốn và Lincôn đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ.

Ngày 24-1-1966, trong thư gửi các vị đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, các nước liên quan tới *Hiệp định Giơnevơ* năm 1954 về Việt Nam, các nước dân tộc chủ nghĩa và nhiều nước khác quan tâm đến tình hình Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về tình hình nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia. Người cực lực phản đối những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam và khẩn thiết yêu cầu các chính phủ và nhân dân yêu chuộng hoà bình toàn thế giới hãy kiên quyết chặn tay bọn tội phạm chiến tranh Mỹ. Một lần nữa, Người khẳng định: Ngày nào còn đội quân

xâm lược Mỹ trên đất nước chúng tôi, thì nhân dân chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống lại chúng.

Những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần khẳng định lập trường và thiện chí của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam và cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Đồng thời cũng khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của nhân dân Việt Nam vì mục tiêu: hoà bình, thống nhất, độc lập dân tộc, dân chủ và góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, góp phần làm tăng uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Những hoạt động đó đã góp phần nêu cao thiện chí hoà bình, chính sách láng giềng thân thiện của Việt Nam, nâng cao địa vị và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, làm cho nhân dân thế giới hiểu hơn về những đau thương, mất mát mà cuộc chiến tranh đế quốc Mỹ đã gây ra ở miền Nam Việt Nam. Sự đoàn kết, đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới với nhân dân Việt Nam đã góp phần vào thắng lợi to lớn của nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống xâm lược. Thay mặt nhân dân Việt Nam và chính phủ Việt Nam, Người gửi lời cảm ơn sâu sắc đến nhân dân và chính phủ các nước anh em.

Trong 15 năm đứng đầu sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng sáng suốt đề ra

đường lối đúng cho cách mạng Việt Nam, cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng: Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc là một cuộc đụng đầu lịch sử. Trong cuộc chiến đấu gay go và ác liệt ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xử lý tài tình, sáng tạo mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của hai miền; mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại. Người đã chú trọng những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ ấy: Xây dựng Đảng, Nhà nước vững mạnh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân ta thi đua yêu nước, đồng thời tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè khắp năm châu đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, nâng địa vị và uy tín của dân tộc ta lên một tầm cao mới. Dù kẻ địch còn rất ngoan cố, dù nhân dân ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

V- NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI VÀ BẢN *DI CHÚC* LỊCH SỬ

Trong những năm cuối đời, tuy tuổi cao, sức khoẻ có giảm, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn rất sáng suốt, vẫn cố gắng làm việc, vẫn cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng sang năm 1969, sức khoẻ của Người sút kém nhiều, nhưng Người vẫn tranh thủ quỹ thời gian đang ít dần đi để làm việc, gặp gỡ, đi thăm cán bộ, nhân dân và chiến sĩ.

Mừng Xuân 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước. Thư chúc mừng năm mới của Bác đã mang lại cho nhân dân ta niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

"Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"[1].

Đêm 30 Tết năm 1969, tại Phủ Chủ tịch, Người cùng các đồng chí phục vụ và bảo vệ vui văn nghệ. Nhân dịp năm mới 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp gỡ các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc; tiếp các gia đình có công với cách mạng; thăm và chúc Tết đơn vị bộ đội Phòng không không quân và trồng cây đa ở đồi Vật Lại, Ba Vì, Hà Tây, cây đa cuối cùng Người để lại cho đời sau.

Ngày 27-4-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu cử hội đồng nhân dân khu phố Ba Đình, Hà Nội. Người gặp đại biểu các đơn vị anh hùng, các đơn vị quyết thắng và chiến sĩ thi đua Khu IV; tiếp các anh hùng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 426.

dũng sĩ miền Nam. Những ngày tháng 5 lịch sử, Người gặp gỡ các cán bộ cao cấp toàn quân.

Ngày 22-5-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn về tình hình và nhiệm vụ mới.

Ngày 19-5-1969, Người gửi thư cho các cháu thiếu niên hợp tác xã Măng non thôn Phú Mẫn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc, khen ngợi thành tích chăm sóc trâu bò, giúp đỡ thiết thực hợp tác xã. Nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, tại Phủ Chủ tịch, Người gặp gỡ các cháu thiếu nhi và xem các cháu học sinh lớp 1 Nhạc viện Hà Nội biểu diễn nghệ thuật. Bài viết *Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng*, đăng báo *Nhân dân,* ngày 1-6-1969, nhắc nhở trách nhiệm của toàn xã hội trong việc chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng, những thế hệ tương lai của nước nhà là bài báo cuối cùng Bác viết cho thiếu nhi trước lúc đi xa. Ngày 12-6-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc mừng Phái đoàn đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hà Nội nhân dịp thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Giữa lúc nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu lâm bệnh. Tháng 8-1969, sức khoẻ của Bác đã giảm sút nhiều. Chiều ngày 12-8, sau khi đến thăm Phái đoàn ta từ Hội nghị Pari về, trên đường về Người bị cảm lạnh. Từ ngày 18-8, theo

đề nghị của bác sĩ, Người không làm việc ở nhà sàn nữa mà chuyển xuống căn nhà nhỏ, xây năm 1967, phía sau nhà sàn. Hằng ngày Người vẫn theo dõi tin tức và báo chí đều đặn. Trưa ngày 25-8, Người nghe diễn ca về *Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp* qua Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. Cùng ngày, Người tiếp vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới thăm.

Từ lúc Người lâm bệnh, Trung ương Đảng đã tập trung mọi khả năng và phương tiện để săn sóc sức khoẻ của Người. Một tập thể giáo sư và bác sĩ y khoa giỏi ngày đêm túc trực bên giường bệnh để săn sóc, chạy chữa cho Người. Nhưng do tuổi cao bệnh nặng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời lúc 9h 47 phút, ngày 2-9-1969, tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bản *Di chúc* mà Người bắt đầu viết ngày 10-5-1965, khi còn rất minh mẫn. Vào dịp sinh nhật các năm 1966, 1967, 1968 và 1969, Người đều dành thời gian để xem lại, sửa chữa và bổ sung vào bản *Di chúc*.

Năm 1966, Người bổ sung thêm một câu vào phần nói về Đảng: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Năm 1967, Người xem lại, nhưng không bổ sung gì. Năm 1968, Người bổ sung thêm 6 trang viết tay, gồm một số đoạn nói *Về việc riêng*, về một số công việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi.

Ngày 10-5-1969, Người xem và viết lại toàn bộ phần mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay. Bản *Di chúc* thiêng liêng được hoàn tất và đi vào lịch sử từ đây.

Di chúc của Bác là những lời căn dặn tâm huyết cuối cùng đối với Đảng ta và nhân dân ta. Mở đầu bản *Di chúc* Bác viết:

> "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.
>
> Đó là một điều chắc chắn".

Sau đó là những lời căn dặn của Người đối với Đảng:

> "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân". "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*".

Với đoàn viên và thanh niên:

> "Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Về phong trào cộng sản thế giới, Người mong rằng:

"Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình".

Di chúc là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại.

Di chúc còn phản ánh một tâm hồn, đạo đức cao cả và tình thương yêu bao la của Người đối với nhân dân ta và bạn bè quốc tế, của một con người mà:

"Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Và điều mong muốn cuối cùng của Người là:

"Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế

giới"[1].

Ngày 9-9-1969, tại Hà Nội, Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn ra rất trọng thể. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc *Điếu văn*. *Điếu văn* đã khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn 60 năm, từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

Dù đã đi xa, nhưng tư tưởng, đường lối chỉ đạo của Người cùng với tình thương yêu bao la, sự quan tâm của Người đã luôn luôn là nguồn ánh sáng dẫn đường, cổ vũ, động viên nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đúng như *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định:

> "Hồ Chủ tịch đã qua đời! Nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Toàn thể dân tộc Việt Nam ta mãi mãi ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Người... Hồ Chủ tịch qua đời! Nhưng Người luôn dẫn dắt chúng ta. Chúng ta vẫn cảm thấy có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr. 509 - 512.

Người luôn luôn bên cạnh. Bởi vì chúng ta vẫn đi theo con đường của Người. Bởi vì Người vẫn sống mãi với non sông đất nước, tên tuổi và hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi chúng ta".

Chương VIII

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

I- THỰC HIỆN *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng trái tim của Người vẫn đập trong hàng ngàn, hàng triệu trái tim nhân dân Việt Nam anh hùng. Trước anh linh Người, thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn đã đọc lời thề thể hiện quyết tâm của nhân dân ta:

> "Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thoả lòng mong ước của Người".

Biến đau thương thành hành động cách mạng, kế tục sự nghiệp của Người, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị *Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, với mục đích làm cho mọi người hiểu sâu sắc hơn sự nghiệp cách mạng vĩ đại và học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ.

Ngày 6-3-1970, Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở cuộc vận động *Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh*.

Theo Nghị quyết của Trung ương Đảng, tổ chức Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam đổi tên thành Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh (sau Đại hội IV của Đảng đổi là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); Đội Thiếu niên tiền phong Việt Nam đổi thành Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; Đội Nhi đồng Việt Nam đổi thành Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh. Được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh là niềm vinh dự lớn lao, đồng thời cũng là trách nhiệm nặng nề của thế hệ trẻ Việt Nam: Phát huy sức mạnh tuổi trẻ, nỗ lực hết sức kế tục sự nghiệp cách mạng mà Người để lại, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Bác đối với thanh thiếu niên, nhi đồng.

Quyết tâm thực hiện mong ước lớn nhất của Bác là đất nước thống nhất, Nam - Bắc sum họp một nhà, nhân dân Việt Nam đoàn kết một lòng, thi đua đánh thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai, phá tan chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Trước những thất bại trên chiến trường và yêu cầu hợp lý của ta, Mỹ buộc phải ngồi đàm phán ở Pari từ tháng 5-1968. Tháng 12-1972, quân dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" lừng lẫy, buộc Mỹ phải ký *Hiệp định Pari* ngày 27-1-1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống

nhất về toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Tiếp đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp giành độc lập, thống nhất nước nhà. Lòng mong ước của Người đã trở thành hiện thực.

Sau thắng lợi mùa xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới: Đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

Ngày 25-4-1976, nhân dân ta từ Bắc đến Nam náo nức cầm lá phiếu bầu cử Quốc hội chung của cả nước. Cuộc Tổng tuyển cử đã thành công tốt đẹp. Từ ngày 24-6 đến 3-7-1976, Quốc hội thống nhất họp kỳ thứ nhất tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Quốc hội đã thông qua những văn kiện quan trọng về tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta như: Nghị quyết xây dựng Hiến pháp, Nghị quyết đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữa tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết, đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, giải phóng miền Nam, thống nhất đất

nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, tổng kết công tác xây dựng Đảng, sửa đổi *Điều lệ Đảng* và quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

II- CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời để lại cho toàn Đảng và toàn dân ta niềm tiếc thương vô hạn. Để đáp ứng nguyện vọng của đồng bào cả nước và các đồng chí trong toàn Đảng, ngày 29-11-1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định thực hiện đến mức tốt nhất nhiệm vụ giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng Lăng của Người. Thực hiện quyết định đó, với sự giúp đỡ tận tình của Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô, ngày 29-8-1975, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành trên Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Ngày 12-9-1977, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra quyết định xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh với chức năng nghiên cứu và giáo dục thông qua những di tích, những tài liệu, hiện vật liên quan tới cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 7-1-1978, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết về việc xuất bản hai bộ sách Hồ Chí Minh: *Tuyển tập* và Hồ Chí Minh: *Toàn tập*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, nhưng Người đã đi vào cõi vĩnh hằng như là một trong những anh hùng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.

> "Mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam"[1].

Người cũng đi vào lịch sử cách mạng thế giới như là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỷ XX; người chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, một danh nhân văn hoá kiệt xuất.

Sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng thu hút sự yêu mến và kính trọng của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

> "Trong những năm gần đây chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được giương cao không những trong các cuộc biểu tình vì hoà bình ở Việt

---

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 35.

Nam mà còn xuất hiện trong các cuộc bãi công, hoặc tại những cuộc chiếm giữ các trường đại học và trong các hoạt động của công nhân, sinh viên và những nhà hoạt động cách mạng lão thành của phong trào công nhân, cũng như những người Thiên Chúa giáo, từ những người trong các nghiệp đoàn cho đến các nhà hoạt động vì hoà bình. Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thống nhất cho nhân dân thuộc mọi thế hệ khác nhau có chính sách chính trị và quan điểm khác nhau nhưng đã liên hiệp với nhau bằng sự khâm phục chủ nghĩa anh hùng của Việt Nam và bằng mối tình đoàn kết của họ với Việt Nam"[1].

Ngày nay, tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở nên quen thuộc, gần gũi và được kính trọng đối với hàng triệu người trên thế giới. Tên tuổi và sự nghiệp của Người đã được trân trọng ghi vào các bộ đại bách khoa, các bộ từ điển danh nhân lỗi lạc của thế giới. Tên của Người được đặt cho nhiều công trình, trường học, quảng trường, đại lộ, tàu thuỷ, v.v.. Một số nước đã dựng phù điêu, tượng đài của Người trên quảng trường và các đường phố lớn.

"Chỉ có ít nhân vật lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ

1. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, t. 3, tr. 66 - 67.

được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"[1].

Đồng chí Phiđen Caxtorô ca ngợi:

"Cuộc đời của Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất...

Đồng chí Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt"[2].

Những lời đánh giá cao của các nhân vật xuất sắc đại diện cho các châu lục nói trên đã khẳng định sự bất tử của Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại. Bởi vì Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc vĩ đại - người đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, con đường cách mạng vô sản.

Người sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước - giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, bao cuộc khởi nghĩa đấu tranh anh dũng, bất khuất giành độc lập và thống nhất Tổ quốc đều lần lượt

1. Kỷ yếu *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 36 - 37.

2. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, *Sđd,* t.1, tr. 27.

thất bại. Phong trào cứu nước của nhân dân ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối. Chính lúc đó, bằng sự mẫn cảm chính trị và qua tìm hiểu thực tiễn cách mạng thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua hạn chế của các bậc tiền bối, Người sớm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và Cách mạng Tháng Mười; tìm ra con đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam. Cách mạng vô sản - đó là sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế chân chính, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Từ đó, Người mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đồng thời cũng mở ra con đường giải phóng cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Người nhận rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Từ ngày Đảng ra đời, Người luôn chăm lo từng bước trưởng thành của Đảng, rèn luyện Đảng thành đội tiên phong vững vàng, sáng suốt của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất. Đó là khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, tạo ra sức mạnh vô địch vượt qua mọi thử thách khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù. Người đã nêu lên luận điểm nổi tiếng:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết;

Thành công, thành công, đại thành công".

Đây chính là tư tưởng chiến lược xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Mặt trận là nhân tố quan trọng bảo đảm cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam thành một đội quân cách mạng "trung với nước, hiếu với dân". Từ thực tế hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Người đã góp phần cùng với Đảng ta nâng nghệ thuật quân sự truyền thống Việt Nam lên một tầm cao mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á, khẳng định vị trí của Việt Nam trên bản đồ thế giới, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do, sánh vai cùng các dân tộc đấu tranh không mệt mỏi cho một xã hội công bằng, tiến bộ, văn minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, là người anh hùng kiệt xuất trong lịch sử dân tộc ta. Công lao to lớn và sự nghiệp vĩ đại của Người gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng ta, với những trang hào hùng nhất trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng dân tộc vĩ đại, đã đi vào lịch sử và sống mãi với muôn đời sau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế mẫu mực, thuỷ chung, trong sáng, đã có cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, vào việc củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào việc đoàn kết các lực lượng vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã khởi xướng phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, giải phóng các dân tộc thuộc địa, giành độc lập, tự do. Đó là một sự nghiệp nhân văn cao cả. Bởi giải phóng con người khỏi thân phận nô lệ, khỏi cái đói, cái rét, cái dốt là một sự nghiệp nhân văn có ý nghĩa cao cả nhất, là ước mơ ngàn đời của nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, lấy đó làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận cho việc xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thấy vai trò và sức mạnh của văn hoá, đưa văn hoá vào chiến lược phát triển của đất nước. Người đã đưa văn hoá đi sâu vào quần chúng, mở chiến dịch chống nạn dốt, phát động phong trào xây dựng đời sống mới, xem thói quen và những truyền thống lạc hậu cũng là một loại kẻ thù, phát triển những thuần phong, mỹ tục mới trong nhân dân.

Năm 1987, Tổ chức Giáo dục - Văn hoá - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ra nghị quyết tôn vinh Hồ Chí Minh là "Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và nhà văn hoá kiệt xuất".

> "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội… Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh - ở Người không chỉ tập trung cao nhất những chuẩn mực đạo đức của con người Việt Nam trong thời đại mới mà Người còn đề ra những nguyên tắc cơ bản để xây dựng một nền đạo đức mới định hướng cho sự lãnh đạo của Đảng cũng như cho việc rèn luyện của mỗi người. Đó là: Trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng; nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống và phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày càng có ý nghĩa thời sự to lớn. Thực tế đất nước đang đòi hỏi phải

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd,* tr. 5-6.

xây dựng nền đạo đức Việt Nam ngang tầm với những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn soi sáng cho Đảng và nhân dân ta hoàn thành sự nghiệp vẻ vang đó.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Đại hội khẳng định: Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

Từ sau Đại hội VII của Đảng, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng; hoạt động tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng, nhờ đó đã góp phần động viên các tầng lớp nhân dân sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta có nhiều vận hội lớn, song cũng đứng trước những thách thức không nhỏ với diễn biến phức tạp của tình hình khu vực và thế giới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) một lần nữa khẳng định:

> Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản

của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương ra Chỉ thị số 23 - CT/TƯ về đẩy mạnh nghiên cứu tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 06 - CT/TƯ tổ chức cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ tất thắng của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn 70 năm qua và tiếp

tục soi sáng con đường chúng ta tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

MỤC LỤC

Trang
Lời Nhà xuất bản 5
Lời Giới thiệu 7
Chương I
THỜI NIÊN THIẾU (1890-1911) 9
Chương II
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (1911-1920) 19
Chương III
CHUẨN BỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1920 - 1930) 36
Chương IV
LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1930 -1945) 81
Chương V
LÃNH ĐẠO TOÀN DÂN TỔNG KHỞI NGHĨA, THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ **(Từ tháng 3 đến tháng 8 - 1945)** 117

Chương VI
LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC
(1945 - 1954) 131
I- Bảo vệ, củng cố và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng
II- Linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 157

Chương VII
LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC
(1954 -1969) 185
I- Lãnh đạo công cuộc khôi phục và cải tạo miền Bắc, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chuyển hướng cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam (1954 -1960) 185
II- Lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam (1961 -1964) 210
III- Lãnh đạo cả nước quyết tâm chống Mỹ, cứu nước (1965 -1968) 217
IV- Tăng cường và mở rộng đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam 230

V- Những ngày cuối đời và bản *Di chúc* lịch sử 239

Chương VIII

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI 247

I- Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh 247

II- Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi 250

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
PGS. TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in, đọc sách mẫu: NAM ANH

Mã số:
CTQG-2008

In cuốn, khổ 13x20,5 cm, in tại Nxb. Chính trị quốc gia.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: -2008/CXB/---/NXBCTQG.

Quyết định xuất bản số: -QĐ/NXBCTQGST, ngày 2008.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2008.